

Số 261

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



THÀNH KÍNH ĐÁNH LỄ GIÁC LINH HÒA THƯỢNG TÂN VIÊN TỊCH Hủy Thượng TÂM Hạ NGỘ Tự CHƠN THIỆN HIỆU VIÊN GIÁC
- PHÓ PHÁP CHỦ HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GHPGVN - PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN

Tường Văn vĩnh tại



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH



www.hoasengroup.vn

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Cáo phó	4
Di ảnh	5
Tiểu sử...	6
Thoát ly khổ ách (Nguyễn Thiện)	8
Niệm Phật (Nguyễn Thế Đăng)	12
Di sản Hán Nôm tiêu biểu ở hai Tổ đình Tam Thai và Linh Ứng trên núi Ngũ Hành (Đình Thị Toàn)	14
Vai trò Tổ đình Giác Lâm trong sự phát triển Phật giáo Nam Bộ (Thích Thiện Nhơn)	18
Vua Tự Đức và việc bang giao với nhà Thanh (Tôn Thất Thọ)	21
Thêm và bớt (Lê Hải Đăng)	24
Nghĩ về thiền Vipassana (Thích Nữ Huệ Hải)	26
Hương sen (Đỗ Hồng Ngọc)	28
Bàn thêm về giáo dục đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại (Thích Giác Toàn)	30
Mục tiêu dạy làm người (Phan Khắc Tuấn)	32
Địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa (Phạm Tuấn Vũ)	33
Trung đạo: Nhận thức và Thực hành (Thích Tâm Minh)	36
Thiền Tập và Bạo Lực (Nguyễn Giác)	38
Những "trợ lý" nguy hiểm (Nguyễn Hữu Đức)	40
Thụ hưởng và nhái (Hồ Anh Thái)	42
Đừng dạy con thói xấu (Nguyễn Thanh Vũ)	43
Chuyện danh và tiếng (Trịnh Chu)	44
Hoa lộc vùng Hồ Gươm (Nguyễn Việt Hà)	45
Phía sau sự tiễn biệt... (Phạm Thị Thanh Vân)	46
Cậu học trò và những ngày mưa bão (Bích Ngân)	48
Gia đình xa cách (Thành Công)	50
Ngô nướng mùa đông chút hồn quê nơi phố thị (Nguyễn Thị Hải)	51
Thơ (Tánh Thiện, Nguyễn Thị Bình, TK.Vy Tiểu, Tịnh Bình, Trà Kim Long, Thanh Pháp, Trường Khánh)	52
Người dương (Hoàng Công Danh)	54
Hoa sen với hội họa (Tĩnh Ngô)	57

Bìa 1: Tường Vân vĩnh tại. Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh.

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Vô cùng kính tiếc, đề đầu kính bái
Hòa thượng Tổng Biên tập,

Trưởng lão Hòa thượng
THÍCH CHƠN THIÊN
(1942 - 2016)

Pháp danh TÂM NGỘ - Pháp tự CHƠN THIÊN - Pháp hiệu VIÊN GIÁC
Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN
Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương GHPGVN
tân viên tịch

Khẩn nguyện chư Phật gia trì Giác linh Hòa thượng
siêu thăng về cõi tịch tĩnh vĩnh hằng.

Xe vua, dầu mỹ diệu
Rồi cũng phải hư hoại
Thân thể này cũng vậy
Rồi cũng phải già yếu
Chỉ thiện pháp không già
Bậc thiện nhân nói vậy.

(Tương Ưng Bộ, Chương II,
Tương ứng Kosala)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2016

CÁO PHÓ

- Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế
- Môn đồ pháp quyến vô cùng kính tiếc báo tin:

HÒA THƯỢNG THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN; Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN; Đại biểu Quốc hội khóa XI, XII, XIII, XIV; Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam; Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương GHPGVN; Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Thừa Thiên Huế; Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; Trú trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế; Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh.

Huân chương Độc lập hạng nhì, Huân chương Vi sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng tuyên dương công đức của GHPGVN và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Do niên cao lập trường, Hòa thượng đã thu thần viên tịch **vào lúc 10 giờ 50 phút ngày 08 tháng 11 năm 2016 (nhằm ngày 09 tháng 10 năm Bính Thân)**, tại Tổ đình Tường Vân, TP.Huế. Trụ thế: 75 năm; Hạ lập: 52 năm.

- Lễ nhập kim quan chính thức cử hành vào lúc 08 giờ 00 ngày 09 tháng 11 năm 2016 (nhằm ngày 10 tháng 10 năm Bính Thân).

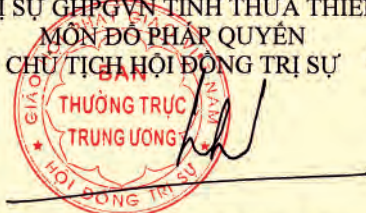
- Kim quan Hòa thượng được an trí tại Tổ đình Tường Vân, đường Trần Thái Tông, tổ 16, khu vực 5, phường Thủy Xuân, TP.Huế.

- Lễ viếng bắt đầu vào lúc 14 giờ 00 ngày 09 đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2016 (từ ngày 10 đến hết ngày 17 tháng 10 năm Bính Thân).

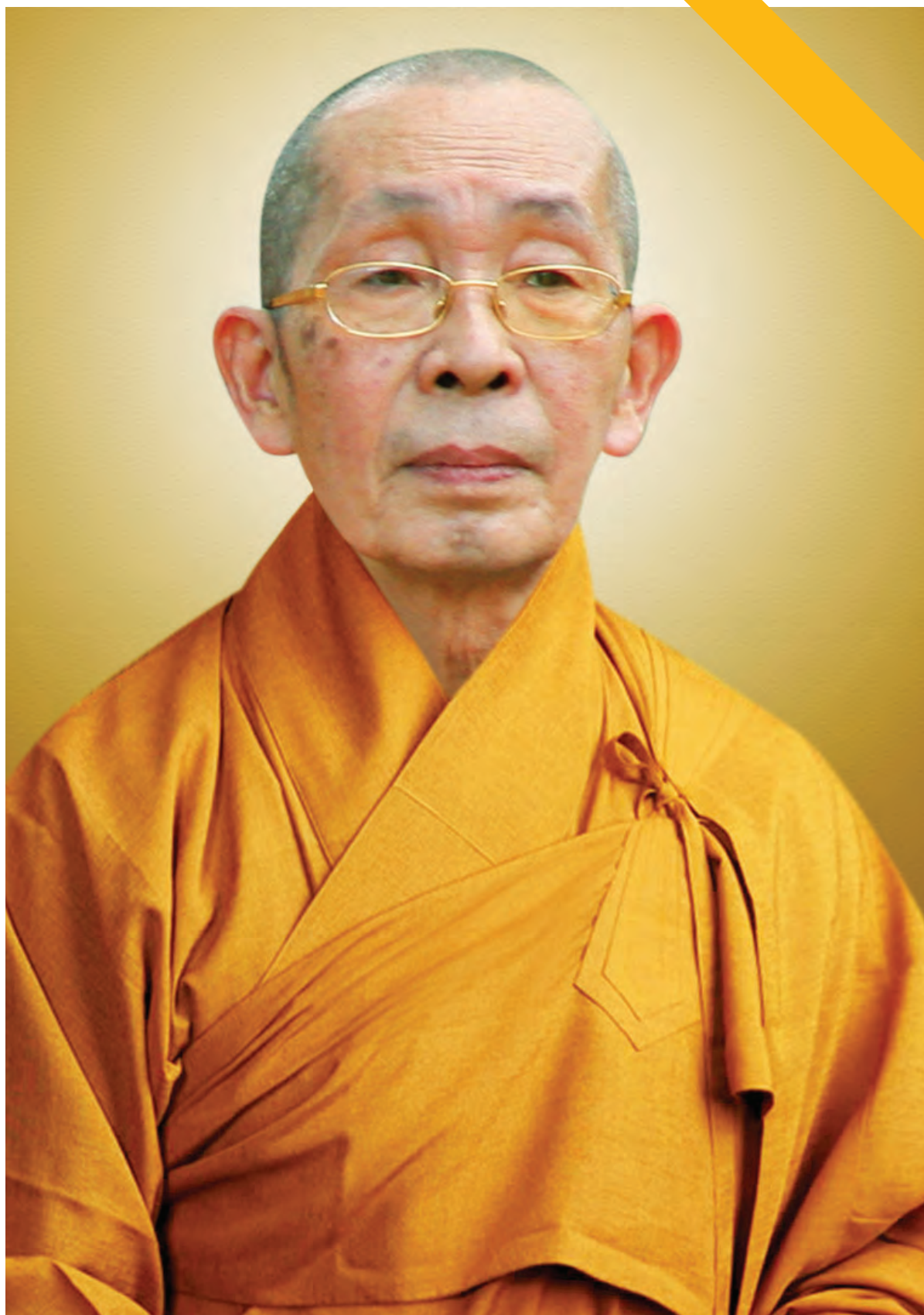
- Lễ truy điệu được cử hành lúc 07 giờ 00 ngày 17 tháng 11 năm 2016 (ngày 18 tháng 10 năm Bính Thân), sau đó phụng tống kim quan Hòa thượng nhập Bảo tháp trong khuôn viên Tổ đình Tường Vân.

Nay cáo phó

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HĐCM, HĐTS GHPGVN
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
MÔN ĐỒ PHÁP QUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ



Hòa thượng Thích Thiện Nhơn



HÒA THƯỢNG THÍCH CHƠN THIỆN
(1942 - 2016)

TIỂU SỬ

Trưởng lão Hòa thượng

THÍCH CHƠN THIỀN

- Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, XII, XIII, XIV
- Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam
- Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Chứng minh Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên-Huế
- Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
- Trụ trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế
- Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh

Thân thế

Trưởng lão Hòa thượng Thích Chơn Thiền, thế danh Nguyễn Hội, là đệ tử Đức cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ nhất Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, pháp danh Tâm Ngộ, pháp tự Chơn Thiền, pháp hiệu Viên Giác. Hòa thượng sinh ngày 01 tháng 12 năm 1942 (nhằm ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Ngọ) tại làng Đường Mong thượng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thân phụ là cụ ông Nguyễn Tiến, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Kiều. Sinh trưởng trong một gia đình gồm 10 anh chị em, Hòa thượng là con út. Vốn xuất thân trong gia tộc nhiều đời thâm tín Tam bảo, từ thuở nhỏ Hòa thượng đã sớm bộc lộ niềm tin và ý nguyện xuất thế. Từ năm đệ Tứ (lớp 9) khi đang theo học tại trường Nguyễn Tri Phương và sau đó là Quốc Học, Hòa thượng đã phát nguyện trường trai, tích cực tham gia sinh hoạt Gia đình Phật tử tại Tổ đình Tường Vân, thân cận phụng sự chư Tăng để học hỏi nếp sống phạm hạnh, được chư tôn đức ở Tổ đình rất mực thương quý.

Giai đoạn xuất gia học đạo

Năm 1960, hội đủ duyên lành, Hòa thượng được Đức Tăng thống bấy giờ là trụ trì Tổ đình Tường Vân cho xuất gia, làm thị giả cho Ngài, và cho thọ Sa-di giới ngày 17 tháng 11 năm Quý Mão (1963) tại Tổ đình Tường Vân. Bảy tháng sau, tức năm Giáp Thìn (1964), Hòa thượng được Bốn sư cho thọ Cụ-túc giới tại Đại giới đàn Quảng Đức, Việt Nam Quốc Tự, Sài Gòn, do Đức Đệ nhất Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, cố Đại lão Hòa thượng Bốn sư Thích Tịnh Khiết, làm Đàn đầu.

Sau ngày thọ Cụ-túc giới, Hòa thượng được bốn sư gửi theo học chương trình Cử nhân Phật học tại Pháp Hội và sau đó học Cử nhân Văn khoa tại Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

Năm 1968, Hòa thượng tốt nghiệp Cử nhân Văn khoa cùng Cử nhân Phật học - Triết học Đông phương.

Từ tháng 08 năm 1968 đến tháng 03 năm 1969, Hòa thượng đảm nhiệm công tác Quản trị Nội xá Đại học Vạn Hạnh.

Từ năm 1969 đến năm 1972, Hòa thượng được cử sang du học tại Hoa Kỳ, theo học bằng Cơ quan Văn hóa Á châu (Asia Foundation) và tốt nghiệp Cao học Tâm lý Giáo dục tại Đại học Ohio, Hoa Kỳ.

Thời kỳ hành đạo

Sau khi về nước, từ năm 1972 đến năm 1975, Hòa thượng được cử làm Phó Giám đốc Sinh viên vụ đặc trách Hướng dẫn Tâm lý Giáo dục, Viện Đại học Vạn Hạnh, tham gia giảng dạy và đóng góp cho tạp chí Tư Tưởng Vạn Hạnh.

Từ tháng 04 năm 1977 đến tháng 09 năm 1984, Hòa thượng được mời phụ tá Hoà thượng Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh, và làm Giảng sư tại Viện, đồng thời tham gia giảng dạy chương trình cao cấp Phật học tại Già Lam. Trong khoảng thời gian này, Hòa thượng đã nghiên cứu và biên soạn nhiều tác phẩm Phật học có giá trị trong lãnh vực học thuật và hành trì cho Tăng Ni và Phật tử.

Từ tháng 10 năm 1984 đến năm 1988, Hòa thượng là Giảng sư tại chùa Linh Sơn, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian làm Phật sự tại đây, pháp âm của Hòa thượng được ghi lại, trở thành định hướng tu tập cho rất nhiều giới trong và ngoài nước. Tại đây, Hòa thượng tiếp tục biên soạn một số tác phẩm Phật học có giá trị.

Từ năm 1988 đến tháng 07 năm 1992, Hòa thượng được mời phụ tá Viện trưởng kiêm Trưởng ban Học vụ, đồng thời tham gia giảng dạy tại Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh). Trong khoảng thời gian này, Hòa thượng là thành viên Ban Giám hiệu, đồng góp rất lớn vào việc biên soạn chương trình giáo dục Tăng Ni các cấp.

Từ tháng 08 năm 1992 đến tháng 06 năm 1996, Hòa thượng được cử sang du học tại Đại học Delhi - Ấn Độ theo học bằng của Bộ Ngoại giao, Chính phủ Ấn Độ, tốt nghiệp Phó Tiến sĩ và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Phật học. Với luận án xuất sắc - Lý thuyết Nhân tính qua Kinh tạng Pali (The Concept of Personality Revealed through Panca Nikayas), Hòa thượng được Hội đồng Khoa học Đại học Delhi phê chuẩn học vị Tiến sĩ Triết học, được Ủy ban Phát triển Nguồn nhân lực Ấn Độ (Human Resources Development Community) đánh giá cao và được Tổng thống Ấn Độ mời tiếp kiến và ngợi khen.

Từ tháng 07 năm 1996 đến tháng 05 năm 2002, Hòa thượng được mời giữ chức vụ Phó Viện trưởng Thường trực Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Phó Viện trưởng Thường trực Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Phó Trưởng ban Thường trực và Quyền Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; là thành viên sáng lập và Trưởng ban thư ký Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam.

Từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 11 năm 2016, Hòa thượng được mời tham gia Đại biểu Quốc hội liên tiếp các khóa XI đến XIV; đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam; Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy viên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cùng thời gian này, Hòa thượng đảm nhiệm Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Từ tháng 12 năm 2007, Hòa thượng được suy cử Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Từ tháng 03 năm 2008, Hòa thượng được mời giữ chức vụ Tổng biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Từ tháng 07 năm 2015, Hòa thượng được suy tôn ngôi vị Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Sau ngày Hòa thượng Pháp huynh viên tịch, Hòa thượng được cung thỉnh làm Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh và sau đó được tôn phong pháp phái thỉnh vào ngôi vị Trụ trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế.

Đóng góp cho Giáo hội và giáo dục Phật giáo

Trong sự nghiệp tu học của mình, Hòa thượng đã đóng góp rất lớn cho sự ổn định và phát triển của Giáo hội, thể hiện qua việc định hướng và xây dựng Giáo hội vững mạnh.

Công tác đối ngoại

Ngoài các chuyến công tác đối ngoại ở nước ngoài với vai trò Đại biểu Quốc hội, Hòa thượng đã nhiều lần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm trưởng đoàn tham dự nhiều hội nghị và hội thảo Phật giáo quốc tế được tổ chức ở các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Pháp, Mỹ; tham gia giao lưu hữu nghị với các giáo sĩ và trí thức tại Marocco; thực hiện nhiều chuyến đi hoằng pháp tại các nước châu Âu như Cộng hòa Pháp, Đức, Nga, Ucraina, Ba Lan, Cộng hòa Séc...

Công tác xây dựng cơ sở vật chất và giáo dục

Năm 1995, Hòa thượng tham gia Ban kiến thiết Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh, và làm Trưởng ban Xây dựng Học viện.

Từ năm 2009 đến năm 2013, Hòa thượng tiến hành các thủ tục xin cấp đất xây dựng cơ sở mới Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. Lễ đặt đá khởi công xây dựng được long trọng tổ chức vào ngày 14 tháng 9 năm 2015, đến nay đã có 13 hạng mục được xây dựng hoàn tất và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Tháng 05 năm 2013, Hòa thượng cùng với chư tôn đức trong môn phái Tổ đình Tường Vân tiến hành đại trùng tu ngôi Tổ đình, và lễ khánh thành được tổ chức vào tháng 03 năm 2015.

Trong sự nghiệp giáo dục, ngoài việc tham gia điều hành các cơ sở giáo dục, Hòa thượng trực tiếp giảng dạy cho nhiều khóa học tại Đại học Vạn Hạnh, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; thuyết giảng Phật pháp cho Tăng Ni và Phật tử ở nhiều tỉnh thành; đóng góp tiếng nói trí tuệ cho các tạp chí và báo chí như *Tư tưởng Đại học Vạn Hạnh*, báo *Giác Ngộ*, Tập văn của Ban Văn hóa Trung ương, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, báo *Đại Biểu Dân Nhân*. Đặc biệt, Ngài đã nỗ lực giới thiệu Pháp tạng Pali, kết nối thống nhất tư tưởng Phật giáo từ Nguyên thủy đến Phát triển.

Công tác nghiên cứu, biên soạn và dịch thuật

Bên cạnh đó, Hòa thượng còn tiêu biểu cho tiếng nói trí tuệ của một bậc chân nhân, thể hiện qua một số công trình nghiên cứu và dịch thuật giá trị, trở thành nguồn tài liệu căn bản cho việc tham cứu học tập và giảng dạy tại các cấp Phật học, cho việc thuyết giảng Phật pháp ở các tỉnh thành, đặc biệt cho việc vận dụng Phật pháp một cách sáng suốt và có hiệu quả nhằm đáp ứng cho các thách thức mang tính thời đại. Các công trình nghiên cứu và dịch thuật Hòa thượng để lại gồm:

I. Nghiên cứu biên soạn:

1. Phật Học Khái Luận
2. Tăng-già Thời Đức Phật
3. Tư Tưởng Kinh Pháp Hoa
4. Tư Tưởng Kinh Kim Cang
5. Tư Tưởng Kinh Địa Tạng
6. Tư Tưởng Kinh Di Đà
7. Những Hạt Sương
8. Hoa Ngọc Lan

9. Tư Tưởng Việt Nam

10. Bàn về Tỳ Du Ký của Ngô Thừa Ân

11. The Concept of Personality Revealed Through the Panca Nikayas

12. Tìm Hiểu Trung Bộ Kinh

13. Tìm Vào Thực Tại

14. Giáo Lý Duyên Khởi

15. Hương Còn Mãi

16. Tiếng Hót Ca-lăng-tần-già

17. Trí Tuệ và Chân Thành

18. Tư Tưởng Việt Nam: Nhân Bản Thực Tại Luận

II. Biên dịch:

1. Nghiên Cứu Kinh Lăng Già (đồng dịch giả)

2. Lăng Già Đại Thừa Kinh (đồng dịch giả)

3. Lý Thuyết Nhân Tính Qua Kinh Tạng Nikayas

4. Satipatthana - Trái Tim Thiền Định của Phật Giáo (The Heart of Buddhist Meditation)

5. Tìm Hiểu Đạo Phật (Buddhism Explained)

Ghi nhận công đức

Với những đóng góp lợi lạc to lớn cho đạo và cho đời, Hòa thượng được Nhà nước và Giáo hội trân trọng ghi nhận và tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương và Bằng khen cao quý:

- Huân chương Độc lập hạng nhì (11/2011)

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (12/2007)

- Huân chương Đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch nước (6/2014)

- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Dân vận của Ban Dân vận Trung ương (1/2015)

- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (9/2015)

- Bằng tuyên dương công đức của Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (9/2015)

Qua 75 năm hiện diện ở đời, với 52 hạ lạp, Hòa thượng đã tận tụy vì Đạo pháp và Dân tộc. Với trí huệ trong sáng, đức hạnh cao vời, Hòa thượng đã để lại nhiều tiếng thơm cho đạo và cho đời, đóng góp thiết thực vào việc xây dựng Giáo hội vững bền, đất nước phồn vinh, góp phần đưa Đất nước và Giáo hội hội nhập thế giới.

Với dáng vẻ thanh thoát, cách gơi chuyện nhẹ nhàng mà sâu lắng, cùng với nụ cười hoan hỷ, từ ái, Hòa thượng luôn để lại trong lòng mọi người niềm hoan quý kính sau những lần được tiếp xúc với Người. Thân giáo của Hòa thượng không chỉ là tấm gương mẫu mực cho Tăng Ni Phật tử mà còn đem lại những ấn tượng tốt đẹp về một mẫu tu sĩ Phật giáo trong quá trình dẫn thân hành đạo. Vì lý do này, các vị lãnh đạo đất nước rất kính trọng và tán dương Hòa thượng:

"Chùa Tường Vân coi Phật duyên lành

Thầy Chơn Thiện chân tu gương sáng"

(Phạm Dũng, Trưởng ban TGCP)

Thuận theo quy luật vô thường, những việc cần làm đã làm xong, vào lúc 10g50 ngày 08/11/2016 nhằm ngày 09 tháng 10 năm Bính Thân, Phật lịch 2560, Hòa thượng xả báo thân, an nhiên thị tịch tại Tổ đình Tường Vân, để lại bao nỗi niềm kính tiếc cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cho Đất nước, cho tông môn Tường Vân, chư Tăng Ni và quần chúng Phật tử.

Nam-mô Từ Lâm Tế chánh tông, Tứ thập tam thế, Xuân kinh Tường Vân Tổ đình trú trì, Hồ Chí Minh thị Vạn Hạnh Thiền viện Viện chủ, Chứng minh Hội đồng Phó Pháp chủ, Trị sự Hội đồng Thường trực Phó Chủ tịch, hỷ thượng Tâm hạ Ngộ, tự Chơn Thiện, hiệu Viên Giác giác linh thủy từ chúng giám.



Thoát ly khổ ách

NGUYỄN THIỆN

Ách (*yoga*) có nghĩa là sự gắn kết, dính mắc, sự trói buộc, thường được dùng trong kinh Phật để chỉ những gì trói buộc chúng sinh, kết dính chúng sinh, giam cầm chúng sinh trong vòng luân hồi khổ đau gọi chung là khổ ách. Khổ ách (*dukkhayoga*) cũng là một thuật ngữ Phật học dùng để nói về sự hiện hữu của con người trong cuộc đời, không gì khác là sự hiện hữu của khổ

đau¹, sự hiện hữu gắn liền với khổ đau, đi đôi với khổ đau, bị khổ trói buộc, bị khổ chi phối, không tránh khỏi khổ đau.

Con người được xem là kẻ mang gánh nặng khổ đau², bởi đã sinh ra ở đời thì ai cũng phải chịu cảnh già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, phát sinh do tính chất thay đổi, biến hoại, bất an của sự kiện hiện hữu. Bởi bản thân sự hiện hữu là một gánh nặng khổ đau,

gắn kết với khổ đau, không tránh khỏi khổ đau, được xem như là một ách nạn (*yoga*); do vậy, những người học tu theo giáo pháp giác ngộ của Phật với mục đích giải thoát khổ đau sanh tử luân hồi được gọi là những kẻ “*cần cầu vô thượng an ổn (Niết-bàn) khỏi các khổ ách*” (*appattamānaso anuttaram yogakkhemam patthayamāno*)³.

Thế nào là khổ ách hay những gì trói buộc chúng sinh, kết dính chúng sinh, giam cầm chúng sinh trong khổ đau?

Đức Phật nói cho chúng ta có bốn nguyên nhân khiến chúng sinh rơi vào khổ đau, bị khổ đau trói buộc, bị khổ đau chi phối, không tránh được khổ đau, gọi là bốn ách, gồm dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách. Bậc Giác ngộ dạy rõ:

“*Này các Tỳ-kheo, có bốn ách này. Thế nào là bốn? Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.*

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là dục ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục, nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục nã, dục chấp thủ, dục ái trong các dục chiếm đóng và tồn tại. *Này các Tỳ-kheo, đây gọi là dục ách.*

Và thế nào là hữu ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, và sự xuất ly của các hữu. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu nã, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu xâm chiếm và tồn tại. *Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hữu ách.*

Và thế nào là kiến ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ, kiến luyến, kiến đam mê, kiến khát, kiến nã, kiến chấp thủ, kiến ái trong các kiến xâm chiếm và tồn tại. *Này các Tỳ-kheo, đây gọi là kiến ách.*

Và thế nào là vô minh ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xú. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xú, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xú xâm chiếm và tồn tại. *Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh ách.*

Đây là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách.

Bị trói buộc bởi các ác bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thực trong tương lai, bởi sanh già, chết, do vậy được gọi là không an ổn khỏi các ách⁴.

Như vậy, có bốn nguyên nhân (bốn ách) trói buộc, khiến chúng sinh rơi vào khổ đau, bị giam cầm trong khổ đau, bị khổ đau chi phối, không thoát khỏi khổ đau, khổ trong hiện tại và khổ trong tương lai, trong các đời sau:

1. Không hiểu biết đúng đắn hay không như thật tuệ tri về các dục (sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay tài, danh, sắc, thực, thù) nên chúng sinh rơi vào tham đắm và chấp trước các dục (sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái), xem chúng là của mình. Đó là nguyên nhân thứ nhất trói buộc chúng sinh vào khổ đau, gọi là dục ách (*kāma-yoga*).

2. Không hiểu biết đúng đắn hay không như thật tuệ tri về các hữu (dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu) nên chúng sinh rơi vào tham ái và chấp trước các hữu (sự hiện hữu hay tái sanh trong các cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới). Đó là nguyên nhân thứ hai khiến chúng sinh không thoát khỏi khổ đau, gọi là hữu ách (*bhava-yoga*).

3. Không hiểu biết đúng đắn hay không như thật tuệ tri về các tà kiến hay nhận thức sai lầm (dục kiến⁵, thường kiến, đoạn kiến) nên chúng sinh rơi vào tham ái và chấp trước các tà kiến (dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ). Đó là nguyên nhân thứ ba trói buộc chúng sinh vào khổ đau, gọi là kiến ách (*ditthi-yoga*).

4. Không hiểu biết đúng đắn hay không như thật tuệ tri về vô minh (không hiểu biết về sáu xúc xú - sáu nội xú (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu ngoại xú (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm phát sinh các cảm thọ, thọ đưa đến ái, ái đưa đến thủ, thủ đưa đến hữu, hữu đưa đến sanh, sanh đưa đến già chết, sầu, bi, khổ, ưu, nã, nên chúng sinh bị vô minh che lấp, bị tham ái trói buộc, phải chịu cảnh lưu chuyển tái sinh. Đó là nguyên nhân thứ tư khiến chúng sinh không thoát khỏi khổ đau, gọi là vô minh ách (*avijjā-yoga*).

Đáng chú ý rằng đạo Phật nói đến khổ (*dukkha*) hay khổ ách (*dukkha-yoga*) sở dĩ có mặt và hiện hành là do chúng sinh thiếu hiểu biết về bốn nguyên nhân trói buộc gọi là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách; chính bốn nguyên nhân hay bốn ách này tạo ra khổ đau, làm duyên cho sự tái sinh, tạo nên các mắt xích trói buộc chúng sinh trong vòng luân hồi khổ đau. Hẳn nhiên, không có ai gây khổ đau cho ai cả; chỉ do thiếu hiểu biết về dục, về hữu, về tà kiến, về vô minh, về vị ngọt, sự nguy hại và sự thoát ly khỏi chúng, bị bốn ách này chi phối và trói buộc, mà chúng sinh thành ra mê lầm rơi vào thích thú khổ đau, ôm ấp khổ đau, tự mời gọi khổ đau, tự buộc mình vào khổ ách, phải chịu cảnh khổ đau sanh tử luân hồi.

Tuy nhiên, Đức Phật dạy khổ do duyên sinh và khổ cũng do duyên diệt. Khổ hay khổ ách sở dĩ có mặt và hiện hành là do con người thiếu hiểu biết về dục, về hữu, về tà kiến, về vô minh, rơi vào thích thú, hân hoan, chấp trước đối với dục, đối với hữu, đối với tà kiến, đối

với vô minh, tức những điều kiện đưa đến tái sinh, khiến khổ đau: sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não tiếp tục sinh khởi và hiện hành. Vì thế, để dứt trừ khổ đau, thoát khỏi khổ ách, thì con người cần phải có sự hiểu biết đúng đắn về dục, về hữu, về tà kiến và về vô minh, nghĩa là phải thấy rõ lý sanh diệt, vị ngọt (*assāda*), sự nguy hiểm (*ādinava*) và sự xuất ly (*nissarana*) của dục, của hữu, của tà kiến và của vô minh thì mới không bị các ách này chi phối và trói buộc khiến mình phải sống trong khổ đau và tiếp tục mê lầm mời gọi khổ đau. Đức Phật gọi sự hiểu biết đưa đến rời bỏ các dục, các hữu, các tà kiến và vô minh như vậy là phương pháp thoát ly khổ ách, đưa đến vô thượng an ổn, Niết-bàn. Bậc Giác ngộ dạy rõ:

“Này các Tỳ-kheo, có bốn ly ách này. Thế nào là bốn?

Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là ly dục ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các dục. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục, nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là ly dục ách.

Và thế nào là ly hữu ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các hữu. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu não, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là ly hữu ách.

Và thế nào là ly kiến ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các kiến. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ, kiến luyến, kiến đam mê, kiến khát, kiến não, kiến chấp thủ, kiến ái trong các kiến không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là ly kiến ách.

Và thế nào là ly vô minh ách?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của sáu xúc xứ. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của sáu xúc xứ, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xứ không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là ly vô minh ách.

Đây là ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách và ly vô minh ách.

Không bị trói buộc bởi các ác bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thực trong tương lai, bởi sanh già, chết, do vậy được gọi là an ổn khỏi các ách”⁶.

Như thật quán tri về dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách tức là tập trung nhận diện một cách

đúng đắn về bốn nguyên nhân trói buộc và giam cầm chúng sinh trong vòng khổ đau trầm luân, thấy rõ tính chất sanh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của chúng để sinh tâm nhàm chán, buông bỏ, dứt trừ các nguyên nhân gây nên khổ đau.

Trước hết, phải thấy rằng các dục, các hữu, các tà kiến và vô minh có năng lực trói buộc và giam cầm chúng sinh trong vòng luân hồi khổ đau, nhưng chúng là các pháp do duyên sinh và do duyên diệt, giả hợp, không thực có, không thường hằng, không tồn tại mãi và do vậy chúng có thể được nhiếp phục, đi đến đoạn diệt. Chúng có vị ngọt, tức các dục, các hữu, các tà kiến và vô minh có sự ngon ngọt và hấp dẫn đối với chúng sinh, khiến cho chúng sinh trở nên thích thú, ham muốn, đam mê, muốn nắm giữ, muốn ôm ấp chúng. Chúng là nguy hiểm, vì dục, hữu, tà kiến và vô minh là các nhân tố mê lầm đưa đến tái sanh, gây nên khổ đau, đáng sợ hãi, đáng nhàm chán, cần phải xa lánh, cần phải trừ bỏ. Chúng có sự xuất ly, nghĩa là do không hiểu rõ tính chất nguy hại của dục, hữu, tà kiến và vô minh nên chúng sinh rơi vào thích thú chúng, thân thiện với chúng, nương tựa vào chúng, biến chúng thành món ăn trong đời sống hàng ngày, bị chúng mê hoặc và trói buộc; nhưng một khi hiểu ra bản chất nguy hại của chúng và nỗ lực dứt bỏ thì chúng không còn lý do tồn tại, không còn chi phối đời sống của chúng sinh, không còn trói buộc chúng sinh vào vòng luân quần khổ đau.

Nhận thức đầy đủ hay như thật quán tri về bốn nguyên nhân mê lầm trói buộc chúng sinh trong vòng luân quần khổ đau như thế thì con người bắt đầu đặt để những bước đi ra khỏi khổ đau, thoát ly khổ ách, do không còn mê lầm muốn ôm ấp những thứ tạo nên khổ đau. Đây chính là sự sanh khởi của Chánh kiến, tức sự nhận thức sáng suốt, có chức năng mở đường cho lối sống tỉnh giác ra khỏi khổ đau nhờ phát huy các phẩm chất giác ngộ tự nội gồm có Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Nói cách khác, đó là lẽ sống tỉnh táo và sáng suốt, có công năng dứt trừ các nguyên nhân gây nên khổ đau là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách.

Chánh kiến nghĩa là hiểu rõ hay nhận thức rõ những nguyên nhân gây nên khổ đau, tức dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách; thấy rõ chúng có vị ngọt, có sự nguy hiểm và có sự xuất ly; nghĩa là chúng có công năng lối cuốn chúng sinh vào thế giới mê lầm khổ đau nhưng chúng có thể được trừ diệt, không còn gây khổ đau, một khi con người có sự hiểu biết đúng đắn hay như thật quán tri về chúng và quyết tâm dứt trừ chúng.

Tiếp tục suy tư về khổ hay khổ ách đang đè nặng lên đời sống của chính mình để tìm ra phương cách giải quyết khổ đau, dứt trừ khổ ách, gọi là Chánh tư duy. Điều này bao hàm cả việc suy tư, thẩm sát đầy đủ

về tính chất trói buộc nguy hại của dục, hữu, tà kiến và vô minh đi đôi với ý chí quyết tâm dứt bỏ các ý tưởng và lối sống mê lầm liên hệ đến dục, hữu, tà kiến và vô minh, nỗ lực thực thi lối sống chân chánh có khả năng nhiếp phục và dứt trừ khổ ách tức các trói buộc của dục, hữu, tà kiến và vô minh.

Có nhận thức chân chánh và suy tư chân chánh thì thể hiện ra lời nói chân chánh, hành động chân chánh và sinh sống chân chánh, tức sự thực thi Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Nghĩa là người có nhận thức và suy nghĩ sâu sắc về khổ và khổ ách thì sẽ có những lời nói chín chắn, những việc làm đúng đắn và việc mưu sinh chân chính, không liên hệ đến dục, hữu, tà kiến và vô minh, không bị dục, hữu, tà kiến và vô minh chi phối và sai sử khiến cho cuộc sống thành ra sai lầm hoặc rơi vào xấu ác.

Người có ý chí dứt trừ khổ ách thể hiện qua nhận thức chân chánh, tư duy chân chánh, nói năng chân chánh, hành động chân chánh, sinh sống chân chánh cùng với các pháp môn tu tập khác gắn liền với quyết tâm thoát ly khổ ách thì gọi là người thực hành Chánh tinh tấn. Vì vậy tinh cần từ bỏ các bất thiện pháp và nỗ lực tu tập các thiện pháp với mục đích dứt trừ dục, hữu, tà kiến và vô minh. Nói cách khác, đó là ý chí của một người có nhận thức và suy nghĩ sâu sắc về tính chất trói buộc nguy hại của dục, hữu, tà kiến và vô minh nên quyết tâm thực hành lời Phật dạy nhằm hạn chế, nhiếp phục và đoạn trừ các nguyên nhân gây nên khổ đau.

Tiến sâu hơn vào con đường dứt trừ dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách, vị ấy chú tâm quán niệm hay Thiền quán về khổ đau và nguyên nhân gây nên khổ đau, nhận thức rõ tính chất duyên sinh, giả hợp, biến hoại, hư huyền, không thực có của khổ đau cũng như của những yếu tố tạo nên khổ đau gọi là thực hành Chánh niệm. Sự tu tập này có công năng thiết lập chánh niệm, duy trì năng lực tỉnh thức, phát huy tiềm lực trong sáng của nội tâm, đưa đến sự chứng tri như thật về bản chất vô thường, khổ, vô ngã của tất cả pháp, thành tựu trí tuệ thể nhập, đạt đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Để hỗ trợ cho phương pháp quán niệm với mục đích phát triển trí tuệ đưa đến đoạn tận các nguyên nhân gây nên khổ đau, vị hành giả cần phải thực tập uốn nắn và làm trong sạch nội tâm thông qua việc nỗ lực loại bỏ các cấu uế làm rối mờ tâm thức (năm triền cái: tham, sân, hôn trầm, thùy miên, trạo hối, nghi ngờ) và phát huy các yếu tố đưa đến định tâm (năm Thiền chi: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) gọi là thực hành Thiền định. Sự tu tập này cốt yếu là để chuyển hóa và thanh lọc nội tâm, làm cho tâm được trong sáng và an tịnh, khiến cho tâm trở nên chuyên chú, tịch tịnh, không dao động, vắng sạch các tà niệm, tạp niệm và vọng niệm, đạt đến định tĩnh, nhất tâm. Chính trên nền tảng của tâm định tĩnh đạt được thông qua các cấp độ

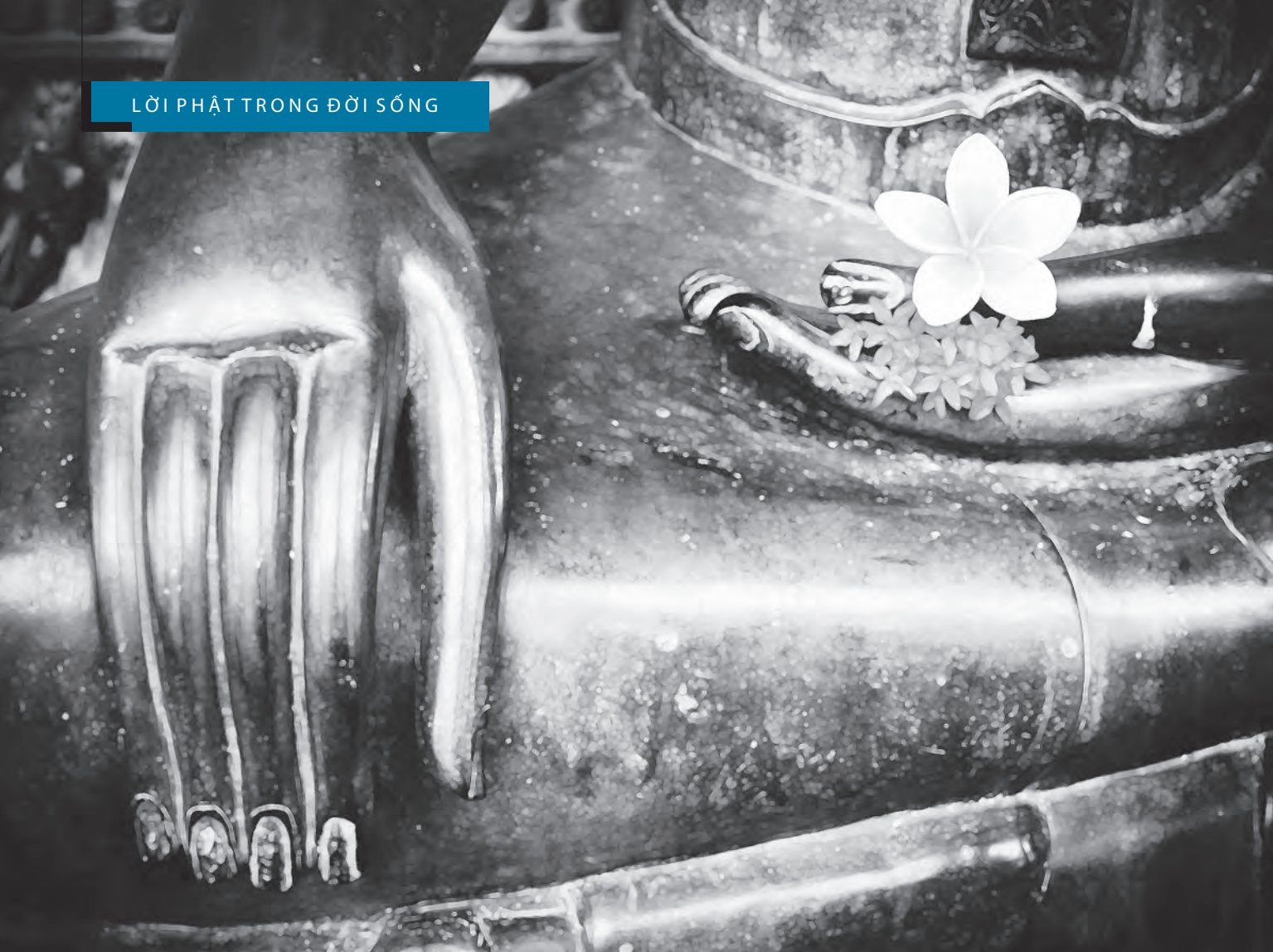


Thiền chứng (Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư) mà hành giả có thể vận dụng pháp môn quán niệm sâu sắc về các pháp để đạt đến sự thấy biết như thật về bản chất duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của các pháp nhằm cắt đứt tập quán tham ái và chấp thủ (đối với dục, hữu, tà kiến và vô minh), đạt được tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Nhìn chung, Bát Thánh đạo là đường lối tu tập có công năng dứt trừ dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách, đưa đến chấm dứt khổ đau sanh tử luân hồi. Đó là lối sống cao đẹp, có công năng phát huy đầy đủ các tiềm năng giác ngộ hay các phẩm chất tốt đẹp nhất ở bên trong con người, khiến cho con người dần dần đạt đến hoàn thiện về giới đức, tâm đức và tuệ đức, thể hiện nếp sống giải thoát, không còn bị trói buộc bởi các dục, hữu, tà kiến và vô minh, chấm dứt hoàn toàn mọi hệ lụy khổ đau, không còn tái sanh hay sanh tử luân hồi. ■

Chú thích:

1. Kinh Gánh nặng, *Tương Ưng Bộ*.
2. Kinh Gánh nặng, *Tương Ưng Bộ*.
3. Kinh Pháp môn căn bản, *Trung Bộ*.
4. Kinh Các ách, *Tăng Chi Bộ*.
5. Đại kinh Pháp hành, *Trung Bộ*, đề cập một số Sa-môn, Bà-la-môn ôm ấp tà kiến rằng không có lỗi trong việc thụ hưởng các dục; Kinh Xà dụ, *Trung Bộ*, nêu trường hợp Tỷ-kheo Arittha rơi vào tà kiến khi cho rằng thụ hưởng các dục không nguy hiểm, không chương ngại.
6. Kinh Các ách, *Tăng Chi Bộ*.



Niệm Phật

NGUYỄN THẾ DẰNG

Niệm Phật là gì? Chữ Nam-mô có nghĩa là quy y, quy mạng, và ở mức độ cao, có nghĩa là hợp nhất.

Niệm Phật, nói theo từ của luận Đại thừa Khởi tín, là Thủy giác tiếp xúc và hòa lẫn với Bản giác. Thủy giác, là cái tỉnh giác, cái giác của người tu, tiếp xúc và hòa lẫn với Bản giác, cái giác vốn đã viên thành của Phật A-di-đà, và nói chung, của tất cả chư Phật.

Trong sự tiếp xúc, hòa lẫn này, trí huệ, đại bi và công đức của Phật A-di-đà đi vào thân tâm của người tu, sâu hay cạn, ở lại lâu hay mau tùy sự chuẩn bị thân tâm của người tu khiến thân tâm người ấy thanh tịnh đến mức nào.

Ánh sáng của Phật A-di-đà soi khắp các thế giới một cách vô ngại. Nếu có chướng ngại thì đó thuộc về chúng ta.

"Nếu khi thành Phật, ánh sáng thân tôi có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu đến trăm ngàn ức vô số cõi Phật, tôi không nhận Chánh đẳng Chánh giác" (Lời nguyện 12).

"Nếu khi thành Phật, thọ mạng tôi có hạn lượng, ít nhất chẳng đến trăm ngàn ức vô số kiếp, tôi chẳng nhận Chánh đẳng Chánh giác" (Lời nguyện 13).

Vô Lượng Quang có khắp tất cả pháp giới, thậm chí xuyên qua thân tâm của mỗi chúng sanh, thế nên niệm Phật là tiếp xúc và hòa lẫn với Ánh sáng Vô lượng ấy:

"Chư Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Thế nên các ông khi tâm tưởng

Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp theo hình. Tâm ấy làm Phật (niệm Phật, quán tưởng Phật) thì tâm ấy là Phật. Biển Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tướng sanh, thế nên hãy nhất tâm buộc niệm quán rõ Phật ấy”.

Chữ Nam-mô có nghĩa là tương ưng, hợp nhất như vậy.

Niệm Phật là mở thông với trí huệ Phật, do đó người tu có được trí huệ:

“Nếu khi thành Phật, các chúng Bồ-tát ở các cõi nước khác nghe danh hiệu tôi thì tất cả đều được thanh tịnh và chứng các môn tam-muội giải thoát. Nếu chẳng được như thế, tôi không nhận Chánh đẳng Chánh giác” (Lời nguyện 42).

“Nếu khi thành Phật, các chúng Bồ-tát ở các cõi nước khác nghe danh hiệu tôi, nếu chẳng được đệ nhất, đệ nhị, đệ tam pháp nhẫn, đối với pháp môn của chư Phật chẳng thể được bất thối chuyển, tôi không nhận Chánh đẳng Chánh giác” (Lời nguyện 48).

Niệm Phật là mở tâm mình để đón nhận công đức của Phật:

“Nếu khi thành Phật, các chúng Bồ-tát ở các cõi nước khác nghe danh hiệu tôi, vui mừng hơn hờ tu hạnh Bồ-tát, cội công đức đều được tròn đủ, nếu chẳng như thế thì tôi không nhận Chánh đẳng Chánh giác” (Lời nguyện 44).

Tất cả bốn mươi tám lời nguyện chính là tâm đại bi của Phật A-di-đà, cho nên niệm Phật là tiếp xúc và kinh nghiệm tâm đại bi rộng khắp ấy.

Như vậy niệm Phật là mở tâm thức mình để đón nhận trí huệ, đại bi và công đức đã thành tựu của Phật A-di-đà, tất cả những cái này gồm trong ánh sáng vô lượng của ngài. Tâm thức của người niệm Phật mở ra, buông thả vào biển ánh sáng trí huệ, đại bi và công đức Phật là nhờ “chí thành, tin tưởng và sùng mộ”.

Về mặt trí huệ, ánh sáng vô lượng của Phật A-di-đà phá vỡ những che chướng ngăn ngại trong tâm người tu, đó là phiền não chướng và sở tri chướng, chấp ngã và chấp pháp. Sự phá vỡ này càng được mạnh thêm bởi tâm chí thành, tin tưởng, sùng mộ; và với người nguyện sanh về Tịnh độ Tây phương thì có thêm nguyện sanh về. Chính nhờ vậy mà trong hai lời nguyện của Phật ở trên, nói là niệm Phật thì được thanh tịnh, được các môn tam-muội giải thoát, được ba pháp nhẫn, được bất thối chuyển tức Đệ bát địa của Bồ-tát.

Khi niệm Phật, để cho ánh sáng Phật A-di-đà xuyên qua thân tâm thì “tội lỗi nghiệp chướng nhiều đời trong sanh tử được tiêu trừ” (Hạ phẩm hạ sanh). Khi niệm Phật, chúng ta tiếp nhận công đức đã thành của Phật vào thân tâm mình, cho nên sanh về đó thì có ba mươi hai tướng tốt (Lời nguyện 21), da sắc vàng (Lời nguyện 3), ở đây thì thân tâm nhẹ nhàng hơn trời người (Lời nguyện 33).

Niệm Phật là kết nối Nhân thành Phật nơi mình (“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”) với Quả Phật đã



thành của Phật A-di-đà. Quả ấy là vô lượng (Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ) nên Quả luôn luôn bao trùm nhân, nhân này luôn luôn nằm trong Quả Phật, tức là luôn luôn nằm trong Ánh sáng Vô lượng và Thọ mạng Vô lượng. Đây là điều kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói “Phật A-di-đà cách đây không xa”. Thế nên mỗi lần niệm Phật là Nhân biến thành Quả, như một làn sóng nhỏ bé trở lại thành đại dương vô biên. Niệm Phật là tu hành trên Quả, hay còn gọi là Quả thừa.

Niệm Phật là đẹp tất cả những chướng ngại tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ... bằng tâm chí thành, tin tưởng, sùng mộ để ánh sáng vô lượng tràn vào thân tâm. Trong ánh sáng ấy chúng ta thấy tất cả sự vật, chúng sanh, thế giới đều tràn đầy ánh sáng vì tất cả vốn luôn luôn nằm trong Vô Lượng Quang.

Niệm Phật là mở toang các giác quan không còn bị chia cắt bởi cái ta và cái của ta để thấy rằng tất cả sự vật, chúng sanh, thế giới đều đang chia sẻ một Thọ mạng Vô lượng, một bản tánh A-di-đà.

Niệm Phật là đi vào đại dương bốn nguyên đại bi bao trùm khắp vũ trụ không bỏ sót một người nào và trong tâm đại bi ấy nhìn thấy mọi sự vật, con người, thế giới vốn liên kết nhau trong một tương quan không thể hoại.

Phật là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh (theo kinh Đại Bát Niết-bàn) nên niệm Phật là đưa niềm vui (Lạc) vào trong thân tâm, để thấy sự vật, con người, thế giới là sự biểu hiện của niềm vui thanh tịnh. Có được niềm vui thanh tịnh này, chúng ta mới bắt đầu hiểu tại sao cõi của Phật A-di-đà được gọi là Tịnh độ Cực lạc.

Như thế niệm Phật là “đang sanh” (“hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh” - kinh A-di-đà) vào đại dương ánh sáng vô lượng (Vô Lượng Quang), đại dương của sự sống vô lượng (Vô Lượng Thọ).

Đại dương Bốn nguyên ấy là viên ngọc như ý trùm khắp tất cả cõi của Phật A-di-đà. ■

Di sản Hán Nôm tiêu biểu

ở hai Tổ đình Tam Thai và Linh Ứng trên núi Ngũ Hành

Bài & ảnh: ĐINH THỊ TOAN

Núi Ngũ Hành Sơn là tuyệt tác mà hóa công ban tặng cho vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, từng được mệnh danh là “Nam châu đệ nhất danh thắng”, ý là nơi có cảnh đẹp và những ngôi chùa nổi tiếng bậc nhất ở nước Nam. Nơi đây không những có thiên nhiên kỳ thú với hệ thống hang động bí hiểm, nổi bật nhờ các nhũ thạch đủ màu sắc và hình thù kì dị cùng hệ động-thực vật nguyên sơ, mà còn là chốn tọa lạc của nhiều ngôi cổ tự. Trong số đó, Tam Thai và Linh Ứng là hai ngôi già-lam nổi danh nhất.

Không rõ được xây dựng vào thời gian nào, nhưng dưới triều nhà Nguyễn, bắt đầu từ đời vua Minh Mệnh, Tam Thai, Linh Ứng đã nhận được nhiều ân điển. Cùng với chùa Vĩnh An (nay thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam), hai ngôi chùa cổ này được liệt vào hàng “quan tự”, tức chùa quan, là ba ngôi chùa quan của tỉnh thành Quảng Nam khi đó. Ngoài việc đội ngũ sư tăng được lựa chọn kỹ càng và được bao cấp chi phí sinh hoạt hằng ngày lẫn công tác Phật sự, triều đình còn chú ý chỉnh sửa tu bổ, tân tạo và tu bổ theo định kỳ khiến quy mô chùa được mở rộng, diện mạo thêm phần huy hoàng, xán lạn. Không những thế, nhiều bảo vật còn được vua ban cấp để lưu niệm tại đây.

Danh tiếng của thắng cảnh Ngũ Hành và các chùa Tam Thai, Linh Ứng có được phần nữa là nhờ sự có mặt của các thiền sư, đúng như cổ nhân nói “núi nhờ người mà nổi danh”, bởi đây là nơi tu trì của nhiều vị đạo hạnh. Các đời trú trì như Viên Trùng, Chân Như, Hoàng Ân, Phước Nghi, Tuệ Quang, Mật Hành, Vĩnh Gia, Chí Thành, Từ Trí, Từ Nhẫn... đều là bậc long tượng chốn thiền môn, có công phu giáo hóa chúng đệ tử, nên chốn già-lam luôn có bậc đạo hạnh kế thế hoằng pháp, thu hút sự chú ý của thiện tín thập phương và nhận được sự lạc quyền dưới nhiều hình thức như tiền bạc, ruộng đất, tự khí, hoành phi, liễn đối... Trải qua nhiều biến thiên của lịch sử cùng sự đắp đổi của thời gian, nhiều di vật (như chuông đồng các loại, hoành phi, liễn đối, đồ điệp, phái quy y...) vẫn còn được lưu giữ, có giá trị nghiên cứu trên nhiều mặt. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung chú ý đến hệ thống liễn đối, hoành phi hiện còn tại chùa, nhưng giới hạn khung niên đại triều Nguyễn, khoảng thời gian tạo tác sớm nhất của loại hiện vật này.

1. Hệ thống liễn đối tại hai tổ đình

Tam Thai, Linh Ứng

Trước hết, cần nói ngay rằng hệ thống liễn đối ở Tam Thai và Linh Ứng hiện nay khá phong phú. Tuy nhiên, số

câu đối có niên đại thời vua Nguyễn chỉ dừng lại ở con số bảy cặp, trong đó Tam Thai có ba cặp và Linh Ứng có bốn cặp. Không rõ trong quá khứ, loại hiện vật này có số lượng bao nhiêu, có sự thêm bớt trong quá trình tu bổ chùa hay không; vì tư liệu về chúng không được ghi chép cụ thể. Ngay *Ngũ Hành Sơn lục* là tập tài liệu chữ Hán của Thiền sư Từ Trí có niên đại đầu thế kỉ XX nói về danh thắng này tỉ mỉ, rõ ràng nhất tính đến thời điểm hiện nay, thì ngoài việc mô tả địa thế kỳ vĩ của núi Ngũ Hành còn ghi chép sơ lược về sự tích các ngôi chùa và các đời sư trú trì, tuy có nhắc đến một số hoành phi, bi kí, chuông đồng các loại, nhưng liễn đối thì tuyệt nhiên không thấy đề cập.

Về niên đại, trong số bảy cặp liễn, tất cả đều được tạo tác vào những năm đầu thế kỉ XX, nhưng sớm nhất là năm Canh Tý niên hiệu Thành Thái, tức năm 1900, tiếp đến là năm Duy Tân thứ 8 (1914). Còn lại đều có niên đại thời vua Bảo Đại, vào các năm 1925, 1927, 1932, 1933 và 1940.

Các câu đối được khắc trên ván gỗ, thường là gỗ mít, với kích thước dài ngắn khác nhau tùy số lượng chữ. Mặt ván được phủ một lớp sơn đỏ hoặc nâu đen. Chữ Hán được khắc chìm hoặc đắp nổi, theo lối chữ hành khải, có màu vàng tươi (nếu nền ván màu đỏ) hoặc vàng nhạt (nếu nền ván màu nâu đen). Các câu đối này hết thảy đều do đạo hữu, Phật tử xa gần và sư tăng các chùa phụng cúng. Dưới thời nhà Nguyễn, trong các lần tu bổ, tân tạo, không rõ triều đình có ban cấp liễn đối để thiết bày tại hai chùa không thì *Đại Nam thực lục* không ghi chép, *Châu bản triều Nguyễn tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945* (sau đây xin gọi tắt là *Châu bản*) của Lý Kim Hoa, một cuốn sách có giá trị lớn về mặt sử liệu, cũng không đề cập. Tuy nhiên, với chùa Diệu Đế, cũng là một ngôi chùa quan ở kinh thành Phú Xuân được dựng vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1824) thì *Châu bản* cho biết rõ trong lần tu sửa vào năm Duy Tân thứ 3 (1909), triều đình ban cấp 8 cặp đối liễn khảm ở cổng tam quan và tòa nhà kim cang. Chùa Diệu Đế có lệ như vậy, không rõ Tam Thai và Linh Ứng như thế nào. Điều này chưa thể khẳng định được, bởi như Lý Kim Hoa đã nói rõ trong lời nói đầu cuốn sách là *Châu bản* tập hợp không đầy đủ tư liệu.

Sự hiện diện của liễn đối trong các công trình tâm linh, tín ngưỡng trước hết là để trang trí, tạo nên sự uy nghiêm lẫn rực rỡ của nơi thiết bày, nhưng mặt khác, giá trị của nó nằm ở nội dung văn bản. Bởi vậy, cô đọng, súc tích là những yêu cầu thiết yếu, bởi nó bị giới hạn trong một số câu chữ nhất định. Việc bố trí liễn đối từ xưa đã được chú

ý bởi ý nghĩa của nó trong việc thuyết minh về di tích. Thông thường, câu đối ở ngoài cổng hay mặt tiền chính điện được coi là câu đối dẫn, có vai trò giới thiệu một cách tổng quát về không gian và đối tượng thờ tự tại di tích đó. Nhưng, với các câu đối tại hai tổ đình Tam Thai, Linh Ứng, được biết có những cặp liên trước đây được treo tại nhà thờ tổ; về sau không rõ vì lý do gì lại được chuyển vào phương trượng, là nơi nghỉ ngơi của sư trú trì. Có thể, người di chuyển đã không quan tâm mấy đến ý nghĩa của những di vật này, mà chỉ cốt treo bày cho đẹp mắt. Tất nhiên, lúc này, vai trò thuyết minh về không gian trưng bày đã mất đi, chỉ còn là vật trang trí mà thôi. Thế nhưng, đọc những liên đối này mới thấy, việc thiết bày ở chánh điện cũng là hợp lẽ.

Trước hết, một số câu đối là sự cảm khái về phong cảnh núi non kì vĩ trên núi Ngũ Hành xen lẫn niềm kính ngưỡng Phật đạo:

五行上蓮座花香慈雲滿布慧日騰輝
普度衆生多妙力

十年前辰誠節鎮登望海臺步玄空
洞曠懷世界一奇觀

(Âm: Ngũ Hành thượng liên tòa hoa hương, từ vân mãn bố, tuệ nhật đằng huy, phổ độ chúng sinh đa diệu lực.

Thập niên tiền thần thành tiết trấn, đăng Vọng Hải đài, bộ Huyền Không động, khoáng hoài thế giới nhất kỳ quan)¹.

(Nghĩa: Trên núi Ngũ Hành, tòa sen hoa nở hương thơm ngát, mây lành che khắp, đức tuệ thêm sáng, phổ độ chúng sinh thực là nhờ diệu lực.

Mười năm trước đến đây trấn nhậm, lên đài Vọng Hải, qua động Huyền Không, rõ đây là kì quan bậc nhất của đất nước).

Đây là câu đối mà đại thần đã nghỉ hưu Tôn Thất Hân tước Quang quận công, phụng cúng cho chùa Linh Ứng. Về trước pho bày không khí thiền tịnh tịch nơi núi cao, với những cụm từ mang màu sắc Phật giáo như từ vân, tuệ nhật, phổ độ chúng sinh, diệu lực... khơi gợi cảm giác an lành cho người thường lăm. Về đối sau, Ngũ Hành được nhìn dưới góc độ khác, đó là nơi có nhiều hang động, đài cao, mà Huyền Không hay Vọng Hải là những địa chỉ tiêu biểu, mang tính tượng trưng; và ý nghĩ “thế giới nhất kỳ quan” (kỳ quan bậc nhất của đất nước) lúc này như một lời xác thực cho những gì đã từng được nghe. Xét về ngữ nghĩa, đây chưa phải là một câu đối chỉnh lẫn sự thâm sâu trong ngôn từ, nhưng ý nghĩa của nó là điều không thể phủ nhận từ một người có lòng mến mộ Phật đạo.

Cũng trong ý nghĩa ấy, câu đối sau như một lời ca tụng, viện dẫn lý do đến đây thường lăm, nhưng cũng có thể xem là một lời mời gọi du khách:

錦石清奇修得到
慈雲布護福無量

(Âm: Cẩm thạch thanh kì tu đắc đáo

Từ vân bố hộ phúc vô lượng)².

(Nghĩa: Đá quý khoe sắc, tu hành hiệu quả

Mây lành che chở, phúc báu vô lượng).

Bên cạnh việc đề cao thắng cảnh, tinh thần ca ngợi



đạo pháp là nội dung chủ yếu của những liên đối treo tại hai ngôi cổ tự. Ngũ Hành Sơn trong quá khứ là một trung tâm Phật giáo lớn của Quảng Nam - Đà Nẵng, tiếp nhận sự tu trì của các thiền sư thuộc nhiều tông phái khác nhau. Tuy nhiên, đạo pháp được nói đến không phải của riêng tông phái nào, mà là đạo Phật nói chung, như câu đối sau đã nêu rõ:

靈岳禪堂無量壽
漕溪法派永傳芳

(Âm: Linh Nhạc thiền đường vô lượng thọ
Tào Khê pháp phái vĩnh truyền hương)³.

Câu đối này không nhất thiết phải dịch nghĩa, bởi ý nghĩa của nó đã lộ hẳn trên mặt văn bản. Tào Khê là biệt hiệu của Lục tổ Huệ Năng. “Tào Khê ở phủ Thiệu Châu, phía Đông nam phủ thành. Thời Lương có vị sư nước Thiên Trúc từ Tây phương tới bơi thuyền của Tào Khê, ngủ thấy mùi hương thơm lạ bèn nói: Trên thượng nguồn ắt có thắng cảnh. Đoạn đi tìm, rồi mở núi dựng bia nói rằng: Một trăm bảy mươi năm sau sẽ xuất hiện một vị Vô thượng pháp sư thuyết pháp ở đây. Nay chính là ngôi chùa Nam Hoa của Lục tổ vậy⁴”. Linh Nhạc có thể hiểu theo hai cách. Một là chỉ núi Linh Ứng, gọi tắt là Linh Nhạc (núi Linh). Câu đối này treo tại chùa Linh Ứng, hơn nữa về sau nói đến pháp phái Lục tổ, vậy về trước nói đến thiền đường chùa Linh Ứng không phải không có lý. Tuy vậy, cách hiểu thứ hai, Linh Nhạc là chỉ núi Linh Thứu, nơi Phật thuyết pháp có lẽ dễ chấp nhận hơn, theo lý luận ban đầu là nhờ công giác ngộ của Phật Thích-ca, sau mới có pháp phái Tào Khê hoàng dương đạo pháp thêm sâu rộng.

Xưa nay, vấn đề truyền thừa pháp phái rất được chú trọng. Người được kế thừa y bát phải xuất chúng trong hàng môn đệ cả về đạo hạnh lẫn công phu tu trì. Có như vậy, mạng mạch pháp phái mới thêm vững. Sự xuất hiện của những vị truyền thừa trên pháp đàn được coi như hoa nở hương thơm bay khắp rừng thiền:

蓮社月團香火約
亶林花繼鉢依傳

(Âm: Liên xã nguyệt đoàn hương hỏa ước
Chiên lâm hoa kế bát y truyền)⁵.

(Nghĩa: Thôn sen trắng tỏ hện hương hỏa
Rừng thiền hoa tiếp truyền y bát).

Hay:

菩提樹長蔭垂福地振尊風
優鉢花開香遍禪林光祖印

(Âm: Bồ-đề thụ trường, ấm thùy phước địa chấn tôn phong
Ưu bát hoa khai, hương biến thiền lâm quang tổ ấn)⁶.

(Nghĩa: Cây Bồ-đề lớn, tán rủ che đất phước, hưng chấn
tông phong)

Hoa Ưu-bát nở, hương bay khắp rừng thiền, rạng ngời
tổ ấn).

Cây Bồ-đề hay hoa Ưu-bát chỉ là những từ ngữ ẩn
dụ, chỉ những bậc giác ngộ hoặc người được tổ sư trao
truyền y bát, chính thức nối Chánh pháp, dẫn dắt chúng
sư tăng tu tập thành đạo, truyền bá tông phong.

Khác với những câu đối trên, hai cặp câu đối còn lại nói
đến việc tu tập của người tu hành. Đây là sự tóm gọn một
cách giản lược nhất về sự tu tập mà người mới xuất gia đã
được sư phụ truyền dạy:

積善由有來仙源慶衍
得道謂可量法派榮陞

(Âm: Tích thiện hữu do lai, tiên nguyên khánh diễn
Đắc đạo vị khả lường, pháp phái vinh thăng)⁷.

(Nghĩa: Tích thiện vì ngày sau, nguồn tiên tiếp diễn
Đắc đạo thực khó lường, pháp phái vinh thăng).

Đạo Phật khuyến khích mọi người chăm làm điều
thiện, xa bỏ điều ác, nếu đời này trồng cây lành ắt ngày
sau hưởng quả phước, đó chính là “tiên nguyên khánh
diễn”, kiếp này hay kiếp sau đều vinh hưởng. Nghiêm
trì giới luật là bước đầu tiên trên con đường tu tập, còn
việc thành đạo hay đắc đạo khó nói trước, nhưng một
khi đắc đạo thì Phật pháp được xiển dương thêm rộng,
pháp phái nhờ có người nối tiếp mà thêm sâu. Thêm
nữa, mọi sự đều phải cố gắng, không lười biếng, trễ
nãi, bởi “đạo chẳng xa người” và “tâm thanh tịnh thì sẽ
thành Phật”:

人弘道道弘人道不遠人
佛即心心即佛心齋成佛

(Âm: Nhân hoằng đạo, đạo hoằng nhân, đạo bất viễn nhân
Phật tức tâm, tâm tức Phật, tâm trai thành Phật)⁸.

(Nghĩa: Người mở mang đạo, đạo khai sáng người, đạo
chẳng xa người)

Phật là tâm, tâm cũng là Phật, tâm được tu sẽ thành Phật).

Nhìn chung, các liễn đối tại chùa Tam Thai và Linh
Ứng cơ bản là sự ca ngợi thắng tích Ngũ Hành với
phong cảnh non nước hữu tình, nhưng bao trùm hết
thấy là sự tán tụng Phật đạo với mong muốn pháp phái
rộng mở, đạo pháp vững bền, cùng với đó là những lời
răn dạy về việc tu tập thành đạo. Do có tuổi thọ không
nhiều (liễn đối có tuổi thọ nhiều nhất là 115 năm, ít
nhất là 76 năm), lại được bảo lưu trong chốn danh lam
được ân điển của triều đình, ít chịu ảnh hưởng của khói

lửa chiến tranh; thêm nữa, nhà chùa có ý thức giữ gìn
tốt nên những liễn đối này, nay vẫn nguyên vẹn.

2. Hệ thống hoành phi tại tổ đình

Tam Thai và Linh Ứng

So với liễn đối, hoành phi có số lượng nhiều hơn, 10
tấm, trong đó có 4 tấm được vua ban cấp. Hai trong
bốn tấm này có niên đại thời Minh Mệnh thứ 6 (1825).
Ngũ Hành Sơn lục cho biết “Minh Mệnh năm thứ 6, vua
tuần du phương Nam, sắc cho quan Bộ Công là Liêu
Hòa hầu đến Quảng Nam trông coi việc xây dựng sơn
tự, sắc ban biển vàng treo ở phương trượng, sơn phòng
các chùa ngự chế Tam Thai, Ứng Chân, Hoa Nghiêm, Từ
Tâm...”⁹ Tấm hoành “Tam Thai tự” (chùa Tam Thai), bên
phải (nhìn từ ngoài vào) để hai chữ “ngự chế”, bên trái
để “Minh Mệnh lục niên phụng tạo” (phụng tạo năm
Minh Mệnh thứ 6) nay vẫn còn nguyên trạng. Khác với
biển sắc tứ chùa Tam Thai, biển “Ứng Chân tự” (chùa
Ứng Chân; tên gọi cũ của chùa Linh Ứng) dưới thời
Thành Thái bị hư hỏng nặng, không thể trấn thiết
được. Năm Thành Thái thứ 9 (1897), Hộ lý Nam Nghĩa
đốc thần Vương Duy Trinh xin cấp biển mới và được
chuẩn y. Tấm biển này nay vẫn còn. Năm 1891, tức
Thành Thái thứ 3, do kị húy, chùa Ứng Chân được đổi
tên thành Linh Ứng. Lúc này, chùa được ban cấp thêm
một tấm biển nữa để “Linh Ứng tự” (chùa Linh Ứng).

Cả ba tấm biển được ngự ban đã nói ở trên khác nhau
về kích thước (hai tấm ở chùa Linh Ứng chiều dài 90cm, cao
60cm, dày 4cm; riêng tấm ở chùa Tam Thai dài 83cm, cao
52cm, dày 6cm), nhưng có cùng kiểu trang trí: biển được
đóng khung; ngoài cùng bốn phía đều đắp nổi hình hai
con rồng trong tư thế chầu mặt nhật; kế đến phía trong
chạm hồi văn hình chữ S; trong cùng là lòng bia, giữa khắc
đại tự tên chùa, hai bên là lạc khoản, chữ đắp nổi, mạ vàng
theo kiểu chữ chân trên nền biển màu đỏ tươi.

Thông qua tờ tư của Bộ Công về việc làm lại các biển
ở hai chùa Tam Thai, Linh Ứng vào năm Thành Thái thứ 9
mà *Châu bản* có đề cập, chúng ta biết việc làm các biển
này cũng tốn kém cho công quỹ. Chỉ tính riêng Ngũ
Hành Sơn, số biển cấp ban đã hơn 10 biển, hưởng chi
số danh lam thắng tích trong cả nước rất nhiều. Có lẽ
vì sự rườm rà, tốn kém này nên về sau, khi có đơn xin
ban cấp biển, vua chuẩn y nhưng cho chùa tự sắm biển,
triều đình chỉ quy định cách thức làm. Ví dụ như năm
Duy Tân thứ 4 (1910), Vĩnh Gia hòa thượng ở chùa Phước
Lâm (Hội An, Quảng Nam) có đơn xin cấp biển, Bộ Lễ
sau khi nhận phúc đáp của tỉnh thần Quảng Nam xét lại
lịch chùa và đội ngũ sư tăng đã trình lên vua “xin phụng
ân chuẩn ban cho một tấm biển (trong khắc 3 chữ lớn
Phước Lâm tự, bên tả khắc niên hiệu, bên hữu khắc 3
chữ phụng sắc tứ) nhưng do chùa ấy tự sắm lấy treo để
bảo tồn cổ tích”¹¹. Đề nghị này được vua ân chuẩn.

Năm Thành Thái thứ 12, vua tiếp tục ban cho chùa
Linh Ứng một tấm biển, nay vẫn trấn thiết tại chùa.
Hoành phi này không phải ban cho chùa, mà ban riêng

cho sư Từ Trí. Tấm biển này nay không còn vẻ rực rỡ của sơn son thếp vàng như xưa, nhưng chữ khắc và họa tiết trang trí vẫn còn rõ nét. Biển được đóng khung, hai phía trên và dưới chạm nổi hình hai con rồng chầu mặt nhật, hai phía trái, phải chạm hình dây lá cách điệu. Ngoài dòng đại tự, lạc khoản bên phải đề “sắc tứ Tăng cang Nguyễn Từ Trí”, bên trái đề “Thành Thái thập nhị niên thập nhất nguyệt thập cửu nhật” (tức ngày 19 tháng 11 năm Thành Thái thứ 12).

Ngoài bốn hoành phi trên, còn có sáu bức hoành khác có niên đại thời vua Bảo Đại, đều do sư tăng và đạo hữu các chùa phụng tạo. Dòng đại tự ở sáu bức này đều có bốn chữ, với nội dung ca ngợi đạo pháp và công lao tổ sư các đời. Tuy nhiên có sự khác biệt về kích thước và họa tiết trang trí.

Hoành phi 靈嶽應機 “Linh nhạc ứng cơ” (núi thiêng ứng với cơ trời), dòng lạc khoản đề tháng 2 năm đầu niên hiệu Bảo Đại (1925), do chư sơn bốn tỉnh tặng chùa nhân dịp chùa Linh Ứng đón vị trú trì mới¹². Tấm hoành này được sơn son thếp vàng rực rỡ, nhưng không đóng khung. Kế tiếp là hoành phi 道淵德渚 “Đạo uyên đức chử” (đạo sâu đức lớn), do mười một vị hòa thượng phụng cúng vào năm Bảo Đại thứ 3 (1927). Khác với năm tấm còn lại trong số sáu tấm có niên đại thời vua Bảo Đại, hoành phi này được đóng khung, với các họa tiết dây leo, hoa lá cách điệu ở bốn phía. Năm sau, tức năm 1928, các vị trú trì chùa Phước Lâm, chùa Chúc Thánh, chùa Hội Phước, chùa Phước Sơn (ở Phú Yên) cúng vào chùa hoành phi 慈華秘傳 “Từ hoa bí bác”. Ba hoành phi này được trần thiết tại chùa Tam Thai.

Ba hoành phi còn lại đều được cúng vào chùa Linh Ứng năm 1933¹³. Hoành phi 王章共貫 “Vương chương cộng quán” do ngài Thiện Trung, Tăng cang chùa Tam Thai phụng tạo; 慧命可繼 “Tuệ mệnh khả kế” do các vị Phổ Thoại - trú trì chùa Long Tuyền, Thiện Quả - trú trì chùa Chúc Thánh, Bảo Thụy - trú trì chùa Phước Lâm¹⁴, Dương Khánh - trú trì chùa Nghĩa Trung và ngài Dương Chí, cũng là sư trú trì ở một ngôi chùa mà chúng tôi chưa rõ tên, phụng cúng; 法雨滋霖 “Pháp vũ tư lâm” do các ngài Tôn Bảo - trú trì chùa Vu Lan, Tôn An - trú trì chùa Thiền Quang, Tôn Thắng - trú trì chùa Phổ Thiên và hai cư sĩ Tâm Định ở Kim Long (Huế) - Thị Đạo ở An Xuyên cúng vào chùa Linh Ứng.

Như thế, so với liên đối, hoành phi tại hai ngôi già-lam Tam Thai, Linh Ứng có tuổi thọ lớn hơn (tuổi thọ lớn nhất là 191 năm, ít nhất là 83 năm). Một số trong số đó ít nhiều có hư hại, nhưng không đáng kể. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Lý Kim Hoa (2003), *Châu bản triều Nguyễn tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội.

2. Phân viện Nghiên cứu Phật học (2002), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa Học Xã Hội, TP.HCM.



3. Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông.

4. Ấn Lan - Tổ Huệ - Từ Trí và các tác giả (1916), *Ngũ Hành Sơn lục*, Tác giả sưu tầm.

Chú thích:

1. Liên đối này có kích thước như sau: 24 x 200 x 4 (chiều rộng x chiều cao x độ dày), phụng cúng năm Bảo Đại thứ 16, tức năm 1940. Hiện nay vẫn treo tại chùa Linh Ứng.

2. Liên đối này treo tại chùa Linh Ứng, được phụng cúng vào năm 1933.

3. Liên đối này treo tại chùa Linh Ứng, được phụng cúng vào năm Duy Tân thứ 8, (tức năm 1914) bởi ngài sắc chuẩn trú trì hai chùa ngự chế Tam Thai, Linh Ứng Lê Từ Nhẫn.

4. Dẫn theo: Phân viện Nghiên cứu Phật học (2002), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa Học Xã Hội, TP.HCM.

5. Liên đối có kích thước 24 x 200 x 3cm, treo tại chùa Linh Ứng, được phụng cúng vào năm Bảo Đại thứ 8 (1932) bởi các vị Phước Hòa, Bảo Phong, Bảo O, Bảo Chánh, Viên Quang, Bảo Minh, Bảo Thắng, Bảo Hải, Bảo Vân. Dòng lạc khoản chỉ cho biết những người này thuộc pháp phái Tào Khê ở Đà Thành.

6. Liên đối này có niên đại năm Bảo Đại thứ 3 (1927), treo tại chùa Tam Thai.

7. Câu đối này được phụng cúng năm Bảo Đại thứ nhất, tức năm 1925.

8. Câu đối này được treo tại chùa Tam Thai, có niên đại năm 1900, do Tông cửu phẩm Lê Nhân, người Thạch Bô, pháp danh (Như) Xuân và Tông cửu phẩm Phan Diễn, người Bảo An, pháp danh Như Tuệ đồng phụng cúng.

9. Từ Trí (1916), *Ngũ Hành Sơn lục*, tư liệu sưu tầm, tờ số 4b.

10. Lý Kim Hoa (2003), tldđ, tr.650-654.

11. Lý Kim Hoa (2003), tldđ, tr.905-908.

12. Dòng lạc khoản bên trái (nhìn từ ngoài vào) ghi rõ “sắc tứ Linh Ứng tự sắc chuẩn tân trú trì chi khánh” 敕賜靈應寺敕準新住持之慶.

13. Các hoành phi này ghi năm can chi là Quý Dậu đi kèm niên hiệu vua Bảo Đại thứ 8, nhưng năm Quý Dậu là năm 1933, còn năm Bảo Đại thứ 8 là năm 1932. Ở đây, chúng tôi lấy mốc 1933.

14. Theo sư Thích Như Tịnh trong cuốn “*Lược sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*” thì người giữ chức trú trì chùa Phước Lâm lúc này là ngài Chơn Thể - Đạo Viên - Phổ Minh (1867-1936).



Vai trò

Tổ đình Giác Lâm

trong sự phát triển Phật giáo Nam Bộ

THÍCH THIỆN NHƠN

Đạo Phật từ Ấn Độ truyền vào Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ II (189 Tây lịch), nhưng đến thế kỷ XVII, đạo Phật mới truyền tới vùng đất Nam Bộ. Nhất là từ khi Tổ sư Nguyên Thiều từ Thuận Hóa vào hoằng đạo ở phương Nam năm 1694, trú tại chùa Đại Giác ở Đồng Nai - Cù lao Đại Phố. Sang năm 1695, Tổ khai sáng chùa Kim Cang ở Bình Thảo, Biên Hòa.

Từ năm 1698, sau khi Chưởng cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đồng Nai thì dòng lưu dân từ Thuận Quảng bắt đầu định cư sinh hoạt nhiều hơn, càng ngày càng đông. Hòa vào dòng di dân, Thiền sư Phật Ý, đệ tử Tổ Thành Đăng Minh Lượng đã xuống vùng đất Gia Định thành lập thảo am năm 1744, vị trí tại Công viên Tao Đàn, Công viên Văn hóa quận 1, TP.HCM. Đến năm 1752 cải tạo thảo am thành chùa Từ Ân, và người bạn đồng tu cũng biến đổi thảo am kế cận thành chùa Khải Tường, vị trí Bảo tàng Chứng tích chiến tranh Việt Nam, quận 3, TP.HCM.

Trong quá trình cộng cư sinh tồn, trong đó có Phật tử người Minh Hương Lý Thụy Long phát tâm xây dựng chùa Tập Phúc (Sơn Cam, Cẩm Đệm) phủ Tân Bình năm 1744 và về sau đổi thành chùa Giác Lâm. Thiền sư Tịnh Hải người Minh Hương, dòng Lâm Tế Trí Tuệ đời thứ 28 (Trí Tuệ Thanh Tịnh Đạo Đức...) là người trụ trì đầu tiên.

Sau khi Ngài viên tịch, chùa Giác Lâm khuyết vị trụ trì, Phật tử Lý Thụy Long đã đến thỉnh cầu Hòa thượng Phật Ý cử người về quản lý. Hòa thượng Phật Ý đã cử đệ tử là Tổ Tông Viên Quang về trụ trì chùa Giác Lâm năm 1774.

Sau khi về trụ trì chùa Giác Lâm, Hòa thượng Tổ Tông Viên Quang đã tu bổ lại chùa chiền, mở lớp Phật học lấy tên là Phật học xá Giác Lâm, tiền thân Phật học đường ở Nam Bộ. Lớp học hoạt động từ năm 1776 đến 1860, do hai Hòa thượng Viên Quang (1776-1792) và Hòa thượng Hải Tịnh (1844-1860) điều hành giảng dạy Tam tạng giáo điển Phật giáo. Hoạt động song song với chùa Giác Lâm có chùa Giác Viên là trường đào tạo Ứng phú đạo tràng (Nghị lễ Phật giáo).

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, từ năm 1920 thành lập Hội Lục hòa Liên hiệp tại chùa Giác Hải - Chợ Lớn, do Hòa thượng Như Trí Khánh Hòa chủ xướng. Trong các kỳ kỳ Tổ tại Giác Lâm, Hòa thượng Khánh Hòa đã ra đánh lễ, chư sơn thiện đức hoan hỷ ủng hộ chương trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Năm 1931, Hòa thượng được chính quyền Pháp cho phép thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn Sài Gòn, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Hội trưởng.

Hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Như Nhân Từ Phong chùa Giác Hải



Chợ Lớn, đệ tử Hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân, môn phong Tổ đình Giác Lâm, đã tham gia sáng lập và Chứng minh Đạo sư cho Hội.

Để truyền trao giới pháp cho các giới tử Nam Kỳ Lục tỉnh, năm 1819, Hòa thượng Viên Quang khai Đại giới đàn đầu tiên ở Nam Bộ. Đến năm 1849, Hòa thượng Tiên Giác khai Đại giới đàn lần thứ hai tại Tổ đình Giác Lâm; năm 1922, Hòa thượng Hồng Hưng Thạnh Đạo đã khai Đại giới đàn tại chùa Giác Lâm lần thứ 3.

Năm 1945, Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ ra đời, do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm Hội trưởng. Trụ sở đặt tại chùa Thiền Kim (chùa Ô Môi) Đồng Tháp Mười. Chùa Giác Lâm, dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thiện Thuận, đã tích cực tham gia Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, nhiều tu sĩ đã cởi áo ca-sa khoác chiến bào tham gia kháng chiến chống Pháp. Chùa là nơi chứa giấu vũ khí và cán bộ cách mạng cho đến ngày chia đôi đất nước 1954, là địa chỉ đỏ của cách mạng trong các thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước.

Để có tổ chức Phật giáo lãnh đạo các phong trào, tháng 6/1952 thành lập Giáo hội Lục hòa Tăng Việt Nam, tại chùa Long An, do Hòa thượng Thích Thiện Tông làm Đại Tăng trưởng (Tăng thống), Văn phòng đặt tại chùa Trường Thạnh, quận 1, Sài Gòn. Sang năm 1954, thành lập Hội Lục hòa Phật tử, tại chùa Long Vân - Gia Định, do Hòa thượng Thiện Hào làm Hội trưởng.

Đến năm 1968, để thống nhất tổ chức, Đại hội hợp nhất hai tổ chức: Giáo hội Lục hòa Tăng Việt Nam và Hội Lục hòa Phật tử thành Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, gồm có hai Viện: Viện Tăng thống, đặt tại chùa Trường Thạnh, do Hòa thượng Huệ Thành làm Tăng thống. Viện Hoàng đạo đặt tại chùa Giác Lâm, quận

Tân Bình, do Hòa thượng Minh Đức làm Viện trưởng, rồi đến Hòa thượng Thiện Thuận, cuối cùng là Hòa thượng Bửu Ý cho đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước năm 1981. Đặc biệt, sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất Tổ quốc, tháng 8/1976 Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM được thành lập, Hòa thượng Minh Nguyệt làm Chủ tịch; Hòa thượng Bửu Ý làm Phó Chủ tịch. Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước quận Tân Bình được thành lập, văn phòng đặt tại chùa Giác Lâm, Thượng tọa Huệ Xướng làm Trưởng ban Liên lạc cho đến ngày thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981.

Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam là một trong 9 tổ chức Giáo hội sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tại Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981 - chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, Hòa thượng Thích Huệ Thành (chùa Long Thiền, Biên Hòa, Đồng Nai) được suy tôn Phó Pháp chủ, Hòa thượng Thiện Phú chùa Giác Viên (Q.11), Hòa thượng Minh Nhuận chùa Long Vân (quận Bình Thạnh), Hòa thượng Quảng Kim chùa Trường Thạnh (Q.1) là thành viên Hội đồng Chứng minh; Hòa thượng Bửu Ý chùa Long Thạnh (huyện Bình Chánh) được suy cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Tại Đại hội thành lập Thành hội Phật giáo TP.HCM tháng 6/1982, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam cũng là một trong những thành viên thành lập Thành hội Phật giáo thành phố: HT.Bửu Ý, HT.Huệ Sanh làm Phó ban Trị sự; Thượng tọa Thiện Xuân làm Phó Thư ký kiêm Chánh Văn phòng Thành hội Phật giáo, cư sĩ Trương Hiến làm Ủy viên Ban Trị sự.

Đối với Phật giáo các quận, huyện, Ban Đại diện Phật giáo Q.Tân Bình đặt văn phòng tại chùa Giác Lâm. TT. Minh Cảnh làm Chánh đại diện, TT.Huệ Xướng làm Phó đại diện rồi Chánh đại diện Phật giáo Q.Tân Bình trong nhiều nhiệm kỳ.

Trên lĩnh vực giáo dục, trong hệ thống Trường Trung cấp Phật học TP.HCM, Lớp Sơ cấp Phật học Q.Tân Bình thành lập năm 1995 tại chùa Giác Lâm hoạt động liên tục đến năm 2007 thì dời điểm học qua chùa Hải Quang trong quận.

Về mặt truyền thừa, từ Hòa thượng Tiên Giác, có bốn đệ tử thành danh: HT.Minh Khiêm, HT.Minh Hương, HT.Minh Lượng, Minh Huyền.

Hòa thượng Minh Khiêm, có đệ tử và pháp tôn hành đạo tại chùa Giác Hải, chùa Từ Ân, chùa Giác Viên Chợ Lớn, chùa Thiền Lâm Gò Kén, Phước Lưu, Tây Ninh.

Hòa thượng Như Hiển Chí Thiền đệ tử Hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân có đệ tử và pháp tôn hành đạo tại chùa Phi Lai, chùa An Sơn, chùa Vạn Linh Châu Đốc; chùa Phước Thạnh Sa Đéc; chùa Vạn Đức, chùa Khánh Sơn Sóc Trăng, chùa Giác Hoa Vĩnh Hòa, Bạc Liêu; chùa Quan Âm Cà Mau v.v...

Hòa thượng Minh Hương có đệ tử và pháp tôn hành đạo tại các chùa Linh Nguyên Đức Hòa - Long



An, Phước Tường, Hội Sơn... Gia Định, Tổ đình Long Thiển, Bửu Phong - Biên Hòa, Đồng Nai, Quy Sơn - Vũng Tàu; HT.Minh Huyền Pháp Tạng, Minh Võ Nhất Thừa và các pháp tôn hành đạo tại chùa Tây An - Châu Đốc; HT.Minh Lượng có đệ tử và pháp tôn hành đạo tại chùa Kim Cang - Thủ Thừa, Long An; chùa Bửu Lâm, Linh Thấu - Mỹ Tho, chùa Tuyên Linh, Hội Tôn - Bến Tre, Phước Hưng, Phước Lâm - Sa Đéc v.v...

Trong thời gian hành đạo tại chùa Tây An Châu Đốc (1905-1914), Hòa thượng Minh Khiêm có các đệ tử: Như Sơn, Như Quả, Như Tâm, Như Mật... hành đạo tại chùa Tây An, Long Quang, Châu Long, Long Khánh, Phước Điền, Phú Thạnh, An Phước - Châu Đốc; Phước Long, Từ Quang - Sa Đéc...

Về văn hóa, ngày 11/6/1988 chùa được Bộ Văn hóa công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Xây dựng Bảo tháp Ngũ gia tông phái uy nghiêm, hùng vĩ, tôn trí ngọc Xá-lợi Phật, Tôn giả A-nan do Đại đức Narada giáo phẩm cấp cao Phật giáo Tích Lan trao tặng ngày 24/6/1953. Kiến tạo Đại Giảng đường Hải Tịnh, hoàn chỉnh các ngôi tháp Tổ trong khuôn viên chùa và nhiều hạng mục khác, xứng đáng là ngôi Tổ đình Phật giáo miền Nam tại TP.Hồ Chí Minh trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đồng thời, với những bảo vật quý hiện tôn trí trong chùa, nhất là các tác phẩm khắc gỗ còn lại như: *Nhân Quả Thực Lục Toàn Bản, Quy Nguyên Trực Chỉ, Pháp Hoa Diễn Nghĩa, Lăng Nghiêm Kinh Tán, Ngũ Gia Tông Phái Ký, Luật Trường Hàng Hán Nôm, Hứa Sử Truyện, Tống*

Đàn Tăng cùng các sớ điệp, sắc chỉ, sắc phong... của triều đình nhà Nguyễn phong tặng.

Tóm lại, qua hơn 300 năm Phật giáo Nam Bộ tồn tại và phát triển cho đến ngày nay là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tổ đình Giác Lâm với 272 năm, qua 10 đời trụ trì, như:

- Thiền sư Tịnh Hải (1744 - ?).
- Thiền sư Tổ Tông Viên Quang (1774-1827).
- Thiền sư Tiên Giác Hải Tịnh (1827-1869).
- Thiền sư Minh Vi Mật Hạnh (1869-1873).
- Thiền sư Minh Khiêm Hoàng Ân (1873-1903).
- Thiền sư Như Lợi (1903-1910).
- Thiền sư Hồng Hưng Thạnh Đạo (1910-1949).
- Thiền sư Nhật Dẫn - Thiện Thuận (1949-1974).
- Thiền sư Lệ Sành - Huệ Sanh (1974-1998).
- *Ban Trụ trì* (2006...):
- *Viện chủ*: Hòa thượng Thích Huệ Trung.
- *Trụ trì*: Đại đức Thích Từ Tánh.
- *Phó trụ trì*: Đại đức Thích Từ Phát.
- *Phó trụ trì kiêm thư ký*: Đại đức Thích Từ Trí.
- *Phó thư ký*: Đại đức Thích Từ Xuân.

Tổ đình Giác Lâm đã đóng trọn vai trò lịch sử và chứng nhân tác thành sự kiện lịch sử của Phật giáo Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của nhân dân Việt Nam, nhân dân thành phố, góp phần giải phóng quê hương, thống nhất đất nước, thống nhất Phật giáo Việt Nam, là dấu ấn, là Tổ đình tiêu biểu của Phật giáo Nam Bộ, Phật giáo TP.HCM và Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Bằng tinh thần phụng đạo yêu nước, tốt đời đẹp đạo, là thành viên của Giáo hội, Tổ đình Giác Lâm, môn phong pháp phái sẽ tiếp tục trường dưỡng đạo tâm, tăng cường đạo lực, trang nghiêm Giáo hội, nỗ lực phát huy tinh thần hộ quốc an dân, phát triển cơ sở ổn định trong lòng dân tộc, bảo vệ nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam, đoàn kết hòa hợp cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo TP.Hồ Chí Minh trong thời kỳ hội nhập và phát triển ở thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo. ■

Bị chú: Hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh (Tế Giác Quảng Châu) (1788-1875) từng trụ trì chùa Tây An, Núi Sam Châu Đốc, do Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên) Doãn Uẩn xây dựng năm 1847, với ước nguyện là đồng bào Việt - Khmer vùng biên giới Tây Nam có nơi cầu nguyện được bình an, thịnh vượng (Tây An). Trong khi đó, có Phật Thầy Đoàn Minh Huyền (1807-1856) đang lãnh đạo môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương bị triều đình nghi là dị giáo, bắt phải về chùa Tây An làm lễ xuất gia với Hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh, được Hòa thượng ban pháp danh Minh Huyền - Pháp Tạng. Về sau, Ngài viên tịch tại chùa năm 1856. Môn đồ đệ tử làm lễ an táng theo dạng kim tinh mặt bằng như mặt đất, không xây tháp. Từ đó, dân chúng gọi chùa là "Chùa Phật Thầy Tây An".



Vua Tự Đức

và việc bang giao với nhà Thanh

TÔN THẮT THỌ

Trong các triều đại quân chủ Việt Nam, khi một vị vua mới lên trị vì thường được vị hoàng đế phương Bắc phong vương thì mới được xem là chính thức. Thế nhưng xét về thực chất, việc phong vương của một triều đình nước lớn cho một nước nhỏ chỉ là một hình thức bang giao, có ý nghĩa như là công nhận vị trí độc lập của nước đó mà thôi.

Triều đại nhà Nguyễn cũng theo điển lễ đã được quy định đối với triều đình phương Bắc. Đó là mối quan hệ với các nước có thực hiện triều cống và thụ phong. Đặc biệt, Việt Nam có biên giới ngay sát đại đế quốc phong kiến Trung Hoa, đã từng bị Trung Hoa xâm chiếm cả ngàn năm, thì việc cầu phong luôn được sử dụng như một *phương sách ngoại giao* để giữ mối quan hệ hoà hiếu. Hoạt động cầu phong đã có từ nhiều triều đại trước, và kéo dài đến thời vua Tự Đức (1847-1883). Đến năm 1885, với Hoà ước Thiên Tân giữa Pháp và Trung Hoa thì lúc đó đã *chấm dứt vĩnh viễn* quan hệ *thượng quốc - chư hầu* giữa Việt Nam với Trung Hoa.

Nhiều tài liệu lịch sử đã ghi lại, rằng khác với các triều đại trước, dưới triều vua Tự Đức (1847-1883), nhà vua đã có những hành xử xuất phát từ lòng tự tôn quốc thống, không chỉ muốn xóa đi dấu vết của sự hạ mình trước “thiên triều”, mà ông còn muốn vượt lên để khẳng định *sự bình đẳng* của nhà nước Đại Nam đối với đế chế nhà Thanh đương thời.

Các vua triều Nguyễn từ vua Gia Long qua Minh Mạng, Thiệu Trị rất ý thức trong việc đối sánh giữa *phương Nam* với *phương Bắc*, giữa *Nam triều* với *Bắc triều*. Đến đời Tự Đức, ý thức ấy càng được gia tăng và

nhân lên gấp bội, mà một trong những bằng chứng đầy sức thuyết phục là *yêu cầu phong vương ngay tại Phú Xuân, kinh đô của nhà Nguyễn*, chứ không phải ở cố đô Thăng Long thuộc các triều đại đã qua trong quá khứ.

Về vấn đề này, người đề xuất ý kiến đó chính là quan đại thần Nguyễn Đăng Giai (?-1854). Chính nhờ đề xuất này ông đã được vua Tự Đức ban thưởng một đồng tiền có chữ Long Văn Khế Hội và ba tấm nhiễu màu.

Sách *Đại Nam liệt truyện* chép:

“Khi ấy, vua mới lên ngôi, sai sứ sang nước Thanh cầu phong. Đăng Giai dâng sớ nói: Phép của tiên vương phạm có nước tất có đô thành, triều kiến hội đồng, giảng điều tin, sửa điều hòa mục, không gì là không làm ở đấy, là để cho vững cội gốc của nước, trọng phong hóa của nhà vua để bớt sự khó cho người mà đỡ phí hao. Nước ta từ nhà Lê trở về trước, gọi là nước An Nam, đóng đô ở Thăng Long, cho nên lễ bang giao của các đời làm ngay ở đấy, là lễ chính đáng. Các tiên thánh hoàng đế ta, gây mở viêm bang, với An Nam nguyên cùng một nước. Thế tổ Cao Hoàng để ta thống nhất bờ cõi, đặt kinh thành ở Phú Xuân, lúc mới bình định cả nước, thông hiếu với nước Thanh; đã sửa lại, đô ấp đổi mới, đã không phải như Đinh, Lý, Trần, Lê trước. Thành Thăng Long ở đời Lê là Đông Đô, ở đời nay là một tỉnh thành; việc khác thế khác, ấn định chỗ người nước Thanh sao được giữ chỗ ấy để làm lễ bang giao được.

Gia Long năm thứ nhất (1802), vâng thánh dụ muốn đưa thư tiếp sứ nhà Thanh ở trên cửa ải Lạng Sơn, để đỡ phiền phí. Tiếc vì lúc ấy, các bề tôi chưa thể theo ý ấy, nhân cơ hội lớn ấy để làm thành một kế nghị lớn. Khoảng năm Minh Mạng đã từng vâng lời dụ của



Thánh tổ Nhân Hoàng đế, bảo rằng: “việc đi tuần miền Bắc để làm lễ bang giao, không có thể để làm điều dạy đời được, giả sử nước có vua lớn, muôn việc chinh đồn cả, các con cháu phó thác được người thì việc ấy cũng không quan ngại gì, là ra trong địa phương gặp có biến cố, lòng người chưa yên, mà bỏ nước đi tuần xa thì chỗ đất căn bản quan trọng há không có sự lo ngại không ngờ ư? Muốn bàn kế về xã tắc, nên chú ý xếp đặt khác”.

Kính dịch lời thánh dạy như thế, thì lễ bang giao tất phải thi hành ở kinh sư, thì ở ta có lợi vô cùng, mà ở người có lẽ tất phải theo. Không có gì đáng ngờ nữa. Vả, nước ta là nước văn hiến, nước Thanh cũng là nước giữ lễ, theo hay không theo, coi ở lễ có nên hay không. Ta lấy lễ mà nói, thì lời rõ ràng, nghĩa chính đáng, người nước Thanh sẽ nói thế nào để chối được ư? Xin sắc cho bộ thần làm quốc thư giao sứ bộ phát đi, xin từ nay về sau đến thẳng kinh sư để là điển lễ lớn. Điển lễ ấy đã định, muôn đời thường yên, bớt được khoản tiêu phí không có hạn, khỏi được sự ngăn phòng ở ngoài ý nghĩ, thì mưu tính sâu xa của các tiên thánh ngày trước tất thành ở chỗ Hoàng thượng khéo nối chí, khéo theo việc vậy.

Vua cho lời nói là phải, sai phát quốc thư đi. Đến khi sứ nước Thanh là Lao Sùng Quang đến kinh làm lễ bang giao, tình ý thỏa hiệp...” (ĐNLT, sđd, tr. 247).

Sự nhượng bộ của Trung Hoa trong lễ phong vương cho vua Tự Đức tháng 9 năm 1847 đã mở ra một tiền lệ bang giao, tạo nên ấn tượng đặc biệt về sự lớn mạnh của nước Đại Nam từ đó về sau, ít ra là trong mắt các sứ thần Trung Hoa.

Trong suốt thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, lịch sử cho thấy triều đình Tự Đức đã không thỉnh cầu bất cứ hành động giúp đỡ nào của nhà Thanh, cho dù hai lần bị buộc phải ký với Pháp hai hiệp ước rất bất lợi là Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) và Giáp Tuất (1874).

Trước tình hình các đám giặc cướp Trung Hoa tràn qua biên giới phía Bắc sau cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc bị đàn áp, như giặc Cờ Trắng của Bàn Văn Nhị, giặc Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh, giặc Cờ Đen của Ngô Côn... lúc này triều đình Tự Đức mới cử sứ bộ bang giao thiệp với nhà Thanh vào các năm 1876 và 1880 để đề nghị phối hợp đánh dẹp. Tuy nhiên, hiệu quả tiêu trừ của lực lượng nhà Thanh quá kém, thậm chí còn làm hại nhân dân địa phương. Đối phó với tình hình rắc rối này, dưới sự tham vấn trực tiếp của Lạng Bằng Ninh Thái Thống đốc Quân vụ Đại thần Hoàng Kế Viêm, vua Tự Đức đã phong chức đề đốc cho Lưu Vĩnh Phúc là tay chân của Ngô Côn sau khi tên này chết; dùng Phúc khống chế và tiêu diệt các thế lực khác, kể cả quân Pháp.

Qua đó ta thấy rằng, quan hệ bang giao giữa triều đình nhà Nguyễn với nhà Thanh dưới thời Tự Đức đã thay đổi theo hướng có lợi cho sự khẳng định mạnh mẽ tư tưởng bình đẳng giữa hai thể chế trên bình diện quốc gia.

Trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 10 (2009), tác giả Yu Insun có bài viết “*Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIX: thể chế triều cống, thực và hư*”, trong đó tác giả đã nhận định:

“Những nỗ lực ngoại giao của hoàng đế Tự Đức ít nhiều đã kiềm chế được các đối thủ lẫn nhau trong một giai đoạn lịch sử phức tạp nửa sau thế kỷ XIX. Sự suy yếu của Bắc triều cũng đồng thời là sự trỗi dậy tinh thần tự chủ phương Nam, khi nhà Nguyễn chỉ công nhận thể chế triều cống của nhà Thanh về mặt hình thức”.

Một minh chứng cụ thể khác là trong thời gian trị vì của mình, vua Tự Đức đã đích thân chỉ đạo việc biên soạn bộ quốc sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, và tự mình ghi lời luận bàn. Có thể nói nội dung của bộ sử này đã thể hiện sinh khí của thời đại mới, thời đại vươn lên của ý thức dân tộc.

Xin được dẫn một dòng *Châu phê* của vua Tự Đức, lời phê thể hiện lòng tự tôn văn hóa hiếm có trước sự

kiện thời nhà Trần, mỗi khi tiếp đón các sứ thần Trung Hoa, triều đình thường giao việc cho các bậc danh tướng như Thượng tướng Trần Quang Khải, Quốc công Trần Quốc Tuấn... đồng thời tỏ thái độ trọng thị đối phương quá đáng, điều đó làm ông bất phục, ông phê.

“Tiếp tân mà tất phải dùng đến tướng văn tướng võ, thì không phải là tôn trọng quốc thể”.

(Khâm định Việt sử..., sdd, tr.549)

* * *

Phải nhìn nhận rằng sự kiện và bối cảnh lịch sử của từng thời đại cho chúng ta thấy rằng tư tưởng của các nhà lãnh đạo luôn hiểu khái niệm “độc lập” có nghĩa là đất nước hòa bình, không có ngoại xâm, cương giới và cương vực phân định rõ ràng. Còn “lệ thuộc” được hiểu là bị mất độc lập, bị ngoại bang xâm chiếm đất đai, lãnh thổ và bị đè nén, áp bức trên mọi lĩnh vực. Nếu đối chiếu cách hiểu trên với việc sách phong, triều cống thời bấy giờ thì rõ ràng là việc thực hiện sách phong, triều cống của các triều đại quân chủ Việt Nam với Trung Hoa lúc này xét về cơ bản là không xâm phạm vào nguyên tắc “độc lập”, tức là sẽ không bị “lệ thuộc” theo cách hiểu như trên.

Thực tế cho ta thấy danh hiệu “quốc vương” mà triều đình phương Bắc phong cho các vua Việt Nam chỉ mang tính chất tượng trưng. Các vị vua Việt Nam ngoài thì xưng vương, nhưng trong nước lại xưng đế với thần dân. Hơn nữa, tuy danh nghĩa là “thiên tử” đứng đầu “thiên hạ”, song thực tế thì triều đình phương Bắc không được biết gì nhiều về những công việc nội trị của Việt Nam, ngoài những thông báo mang tính nghi lễ ngoại giao việc vua này lên ngôi,

vua khác băng hà... Không những thế, nhiều giai đoạn lịch sử đã ghi nhận mỗi khi phương Bắc có ý đồ xâm lấn đất đai biên giới, lãnh thổ hay khi an ninh biên giới bị đe dọa thì các triều đại nước ta đều kiên quyết đánh trả bằng mọi phương tiện như chính trị, ngoại giao, quân sự...

Có thể nói, không phải ngẫu nhiên mà Tsuboi trong sách *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* đã nhấn mạnh rằng:

“Lịch sử của đất nước Việt Nam cũng là lịch sử của sự khẳng định độc lập với Trung Hoa”.

Điều này đúng không chỉ trong thời chiến mà cả trong thời bình. Quả thật, lịch sử Việt Nam đã hằn sâu dấu ấn của cuộc chiến đấu chống đế quốc phương Bắc. Song sang thời bình, ông cha ta đã thực hiện một tập tục khôn khéo, kéo dài cả ngàn năm bắt đầu từ Khúc Thừa Dụ, là “*Độc lập thật sự, thần thuộc danh nghĩa*” để ngoại giao được với một nước lớn, nhằm giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Và hoạt động cầu phong của các triều đại Việt Nam cũng không nằm ngoài mục đích tối cao ấy. ■

Tài liệu tham khảo

- Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb Giáo Dục, 2007.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện* tập 3, Nxb Thuận Hóa, 1994.
- Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Ban KHXH Thành ủy TP.HCM, 1990.
- Yu Insun, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIX: thể chế triều cống, thực và hư*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 10, 2009.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 46 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này: 370 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Thêm và bớt

LÊ HẢI ĐĂNG

Câu chuyện liên quan đến dạy thêm và học thêm có vẻ như vừa hạ nhiệt trên diễn đàn giáo dục nước ta, nhưng không biết cơn sốt này sẽ dịu được bao lâu. Nó cũng giống như vấn đề an toàn giao thông có mức độ ảnh hưởng trên diện rộng và thể hiện tính chất tắc nghẽn về đường hướng.

Theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, toàn thành phố có khoảng 320.000 học sinh học thêm, trong đó học sinh tiểu học chiếm 20%. Trên thực tế, số lượng học sinh dính líu đến học thêm chắc chắn nhiều hơn số liệu thống kê của Sở GD&ĐT thành phố, vì mức độ phổ biến, phổ quát của nó hầu như bao phủ khắp các quận trung tâm, kể cả khu vực lân cận, vùng ngoại ô, địa bàn huyện lỵ... Và chúng ta hãy thử đặt câu hỏi: tại sao học sinh phải học thêm? Vì, học ở trường học chưa đủ. Tại sao thầy cô giáo phải dạy thêm? Bởi, dạy ở trường chưa đủ (thu nhập). Vậy, thế nào là đủ. Câu hỏi này lẽ ra Bộ GD&ĐT

phải biết. Trên cơ sở biết đủ rồi, Bộ mới có khả năng xem xét, chỉ đạo thiết kế khung chương trình, sách giáo khoa phù hợp. Và muốn giải quyết tình trạng dạy, học thêm, chương trình học tất yếu phải bớt đi những môn học vô bổ, nội dung dư thừa, không phù hợp với lứa tuổi ở từng cấp học.

Nhìn vào bộ khung chương trình của ngành giáo dục có thể thấy tư tưởng "*lấy hiện tại ra để kế thừa quá khứ*" đóng vai trò chủ đạo. Nó vô hình trung biến học trò thành "cỗ xe thổ" để chuyên chở kiến thức. Trên thực tế, cứ trung bình năm năm, kiến thức loài người tiếp tục nhân lên gấp đôi; vậy, việc coi học sinh như những cỗ xe thổ tải chữ thì cả thầy lẫn trò sẽ phải oằn mình ra để thực thi nhiệm vụ của ngành, đồng thời thông qua biện pháp dạy thêm, học thêm để giảm tải, giảm áp.

Còn nếu ngay từ tiền đề giáo dục, Bộ đã thay đổi tư duy theo hướng "*giáo dục vì tương lai*", học sinh sẽ bớt được gánh nặng kiến thức nhồi nhét, chống chọi theo năm tháng, đặc biệt là có rất nhiều môn học chưa thực

sự cần thiết; từ đó mới có thể từng bước chuẩn bị tốt cho tương lai. Trên cơ sở đó, nhà trường giúp cho học sinh: thích nghi được với xã hội hiện đại; bồi dưỡng các em năng lực tự lý giải; học sinh biết mình đang đầu tư gì cho tương lai; và biến toàn bộ kiến thức thu thập được ở nhà trường trở thành trách nhiệm đối với tương lai. Nhờ vậy, học sinh tiết kiệm được nhiều năng lượng, phát triển thêm kỹ năng phù hợp với lứa tuổi, như thể thao, nghệ thuật, năng lực tưởng tượng, sáng tạo... để đến giai đoạn trưởng thành, các em có thể phát huy một cách cao độ, tạo ra những sản phẩm đóng góp tích cực cho xã hội.

Như vậy, học sinh tiểu học chưa cần phải biết đến phân số, học sinh cấp II cũng chưa đòi hỏi tiếp xúc với phương trình bậc II, sin, cos, tang, cotang... Đối với những phép tính này, ngay cả nhân viên ngân hàng chuyên tính toán về tỉ giá, lãi suất... cũng không hề sử dụng. Để giải được bài toán loại trừ tình trạng dạy và học thêm, thiết nghĩ Bộ GD&ĐT chỉ cần áp dụng hai phép tính: cộng và trừ. Trước hết, nên suy xét cộng lương cho giáo viên, trừ đi những tiết học dư thừa, cộng thêm thời gian cho họ được học tập, nghỉ ngơi, nâng cao trình độ chuyên môn, kiến văn tổng hợp, trừ đi những buổi họp hành xác, học chính trị...

Còn đối với học sinh, cộng thêm thời gian vui chơi, giải trí cho các em, trừ đi những môn học vô bổ, cộng thêm giờ học thể dục, thẩm mỹ, kỹ năng, đạo đức, trừ đi mớ kiến thức không biết để làm gì... Thiết nghĩ đối tượng đáng phải học thêm hơn cả là nhà quản lý giáo dục, người thiết kế, biên soạn sách giáo khoa, thầy cô giáo và cuối cùng là quý phụ huynh đáng kính. Vì, chính quý vị mới gây hậu quả tai hại cho học sinh, con em mình. Nó góp phần tạo động lực cho tâm lý hướng ngoại, hun đúc động cơ chuyển hướng sang các quốc gia có chất lượng giáo dục tiên tiến nhằm đầu tư dài hạn cho tương lai.

Bên cạnh đó, việc dạy, học thêm còn gây ra tình trạng làm sai lệch chỉ báo về học lực của học sinh. Kết quả của việc dạy, học thêm vô hình trung đã đặt học sinh cùng khối, cùng lớp trên những đường đua có vạch xuất phát khác nhau. Nhiều phụ huynh tự hào con mình đã học hết chương trình của năm học kế tiếp. Điều này sẽ gây thiệt thòi cho các bạn cùng lứa, từ đó làm nảy sinh tình trạng phân hóa học sinh một cách ảo tưởng, bất hợp lý. Nó cũng giống như trong thi đấu thể thao, các vận động viên tham gia đã không bắt đầu trên cùng một vạch xuất phát. Người thắng chưa hẳn đã giỏi, người thua chưa chắc đã tồi.

Chúng ta mong mỗi ở học sinh sự tiến bộ tự thân, đồng thời hướng con em mình tới những con đường xa tắp ở tương lai phía trước, chứ không nên ỷ lại vào thành tích hiện tại. Vì, con người càng ngày càng phải đối diện với những vấn đề không có tiền lệ lịch sử. Giáo dục phải bồi dưỡng cho học sinh có năng lực sáng tạo



để sau này, ở những bậc học kế tiếp, cao hơn, các em có đủ khả năng giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Lối học nhồi nhét, bổ túc kiến thức bằng việc học thêm, dạy thêm một mặt không tạo ra được sự thay đổi căn bản, mặt khác còn làm mai một, thui chột trí tưởng tượng, óc sáng tạo của các em. Vì, học thêm dừng lại ở phương cách tiếp nhận kiến thức một chiều, đằng sau học thêm còn một khoảng trống vô biên cần trí tuệ Việt Nam sáng tạo.

Nếu như năng lực tưởng tượng, trí tuệ sáng tạo không được hun đúc, nuôi dưỡng từ tấm bé, lớn lên các em sẽ trở thành con người ù lỳ, thụ động, chờ sự cứu viện ở người khác như những bài học có được trên lớp dạy thêm. Tiếp theo, di chứng ấy gây ảnh hưởng tới phẩm chất nguồn nhân lực, từ tuyển sinh đại học, tuyển dụng nguồn nhân lực cho đến bổ nhiệm cán bộ quản lý, lãnh đạo... Bởi vậy, ngay cả lãnh đạo ở nhiều cấp, kể cả cấp cao cũng ỷ lại vào sự chỉ đạo sáng suốt, một biểu hiện trá hình của phương thức "dạy thêm" từ cấp cao hơn. Chứng tỏ những con người này không có đủ năng lực giải quyết vấn đề chưa có tiền lệ lịch sử. Đây đã là căn bệnh chung của đất nước mà "khối u" tập trung ở ngành giáo dục.

Năm nay có một điểm mới là rất nhiều trường đồng loạt tuyên bố, "*Lấy học trò làm trung tâm*".

Nếu ngành giáo dục quyết tâm lấy học trò làm trung tâm, mỗi học sinh sẽ là một trung tâm mà mọi thay đổi đều xoay quanh. Trong tương lai, đất nước sẽ không còn những trung tâm dạy thêm, học thêm, bồi dưỡng kiến thức, luyện thi, ôn thi... thay vào đó là vô vàn trung tâm mới hình thành từ các cá nhân. ■

Nghĩ về thiền Vipassana

THÍCH NỮ HUỆ HẢI

Ngày nay khi khoa học công nghệ phát triển, đời sống con người được cải thiện và nâng cao. Bên cạnh các tiện ích vật chất phong phú, nhiều khu vui chơi giải trí cũng được đầu tư hiện đại, các công trình nghệ thuật cũng được chú ý và phát triển.

Tuy nhiên vẫn còn đó những lo lắng ưu phiền không kém: dân số quá tải; đường sá tắc nghẽn; tai nạn giao thông ngày càng nhiều; thiên tai vì phá hoại môi sinh; bệnh tật như béo phì, tiểu đường, cao huyết áp, ung thư, đột quỵ, tai biến; tội phạm về công nghệ cao ngày càng lộ diện. Càng lo lắng hơn khi ý thức đạo đức giới trẻ ngày càng tụt dốc: hành vi, ngôn ngữ, trang phục lạ; suy nghĩ háo sảo trên trời thiếu thực tế; bạo lực học đường; bạo lực gia đình; tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, cướp bóc, đua xe, tham sát... Công việc, mặc dầu trang thiết bị hiện đại nhưng tính cạnh tranh ngày càng cao, đòi hỏi sự tinh tế nhạy bén, kịp thời, sáng tạo... gây nên nhiều áp lực.

Rõ ràng tuy vật chất ngày càng được nâng cao, khoa học công nghệ ngày càng phát triển, đời sống sinh hoạt có nhiều cải thiện đáng kể nhưng không thể giải

quyết được những vấn nạn trên, con người ngày càng nhiều lo âu phiền muộn, căng thẳng, vội vã, hoang mang vô định, bỏ quên chính mình.

Với khuynh hướng hiện tại, thế giới nhận ra rằng “... *bất chấp mọi nỗi khát khao, mọi nỗ lực tìm kiếm những điều hư ảo bên ngoài, trạng thái bình yên, an lạc luôn sẵn có bên trong mỗi con người chúng ta*”¹.

Trở lại với chính mình, gạt bỏ thân tâm bằng một phương pháp rất giản dị, cổ xưa đó là thiền tập, phương pháp mà hơn 2.500 năm qua Đức Phật đã khẳng định: “*Đây là con đường độc nhất đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn*”².

Tuy nhiên hiện tại có rất nhiều phương pháp thực hành thiền ra đời làm cho người thực hành lo lắng vì không biết phải thực hành theo phương pháp nào mới đúng. Phật giáo trên nền tảng kinh điển, giới thiệu đến những hành giả đang thực tập thiền hai dòng thiền chính đó là thiền Chỉ và thiền Quán. Kinh *Thập Thượng* có viết: “*Thế nào là hai pháp cần phải tu tập? Chỉ và Quán. Đó là hai pháp cần phải tu tập*”³.

Thiền *Chỉ* còn gọi là thiền vắng lặng, tiếng Pāli là

Samathabhāvanā. Samatha là sự yên lặng, sự định tâm, bhāvanā là sự tiến triển, sự phát triển của tinh thần. *Chỉ* có nghĩa là dừng lại sự tán loạn, sự quên lãng vọng niệm, chấm dứt sự đuổi bắt các đối tượng khác. Vậy thiền *Chỉ* là trạng thái tâm chuyên chú vào một cảnh, một đối tượng, khiến cho mọi vọng tưởng ngưng bật, là cách tập trung tâm ý vào một pháp và không để bị chi phối bởi bất cứ một pháp nào khác, cả chủ quan lẫn khách quan. Thiền *Chỉ* còn có thể thực tập thuần thực tâm bằng cách theo dõi để nhận ra sự khởi động, phát sinh của một ý nghĩ và lập tức dừng lại.

Thiền Quán tiếng Pāli là Bhāvanā còn gọi là thiền Tuệ, thiền Chánh niệm hay thiền Minh Sát, cũng gọi là thiền Tứ Niệm Xứ, tiếng Sanskrit là vipaśyanā, tiếng Pāli là Vipassanā. Là phương pháp tỉnh giác, quan sát cử động trong từng sát-na, nhận rõ hơi thở với tâm thức, đồng thời là một sự thể nghiệm nhuần nhuyễn, kết hợp tám chi phần Thánh đạo. Trong đó ba chi phần giữ then chốt là Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh kiến; trong ba chi phần này thì Chánh kiến giữ vai trò chủ đạo, Chánh tinh tấn và Chánh niệm làm nền tảng. Năm chi phần còn lại: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng và Chánh định làm nhiệm vụ hỗ trợ. Thiền Quán nhằm mục đích tuệ tri như thật tánh trong chân nghĩa pháp: vô thường, khổ, vô ngã. Đây là tướng trạng chung. Đồng thời, thiền Quán còn giúp hành giả tuệ tri tướng trạng riêng của mỗi pháp, như mỗi tâm, tâm sở, sắc pháp đều có tướng trạng, cảm xúc riêng. Ví dụ như tâm tham khác tâm sân; từ khác với bi; sắc nhãn khác sắc nhĩ...

Không dừng lại ở đó, thiền Quán còn giúp cho hành giả tuệ tri được thực tánh của pháp vô vi Niết-bàn là vô ngã và vắng lặng. Vắng lặng ở đây không phải là một trạng thái yên ắng bất động mà là hoàn toàn vắng bóng của vô minh, ái dục, phiền não, khổ đau của thế giới Tập đế và Khổ đế.

Có thể nói *“Thiền quán là một pháp môn rất nhẹ nhàng nhưng cũng rất tỉ mỉ, hoàn toàn giúp chúng ta phát huy chánh niệm và ý thức được những kinh nghiệm trong cuộc sống của mình rõ ràng hơn”*⁴.

Qua nhiều năm được nghiên cứu bởi các chuyên gia, đặc biệt là nghiên cứu của giáo sư phân tâm học kiêm thiền giả Siegel, người ta biết tác dụng của thiền Chánh niệm tạo ra được sự hòa hợp của nhiều thành phần trong não bộ và cơ thể, làm phát sinh chín loại chức năng liên hệ đến sự kết hợp thần kinh các vùng trong não trước trán như⁵:

1. Điều hành thân thể tốt đẹp;
2. Trao đổi hòa hợp giữa con người;
3. Làm cho cảm xúc quân bình;
4. Duy trì phản ứng mềm dẻo;
5. Tạo sự cảm thông với tha nhân;
6. Tự nhận biết về cuộc đời mình từ quá khứ đến hiện tại và trong vị lai;
7. Giảm sự sợ hãi;

8. Nhận biết tình trạng của các cơ quan bên trong thân thể;

9. Phát triển đạo đức trong cuộc sống.

Kết quả nghiên cứu khoa học trên cho chúng ta một phương pháp sống khỏe mạnh về tinh thần cũng như cơ thể vật chất, đồng thời nói lên được con người là vị bác sĩ tuyệt vời nhất cho chính mình, có thể điều trị tận gốc rễ bệnh tật và làm mới chính mình một cách hoàn thiện.

Chính vì thấy rõ giá trị của thiền tập, nên một nước phát triển như Mỹ đã sử dụng thiền tập như một công cụ giáo dục trong học đường, từ mẫu giáo cho đến tiểu học, trung học và cả đại học, thậm chí kể cả giáo viên, các nhà chính trị, các doanh nghiệp, các chiến sĩ và cả tạo nhân phẩm tội nhân.

Tại Việt Nam, sự quay về với pháp môn thực hành thiền Phật giáo Nguyên thủy đang là một khởi sắc mới. Nhiều trung tâm thiền Phật giáo đã mời các thiền sư có nhiều kinh nghiệm ở nước ngoài về giảng dạy, mở các khóa thiền với nội quy nghiêm ngặt như thiền viện Phước Sơn ở Đồng Nai, tịnh xá Ngọc Thành và các thiền viện Nguyên Thủy ở quận 2 và quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; bên cạnh đó còn có lớp dạy tu thiền như ở Sóc Sơn Hà Nội thu hút rất đông lượng người tham gia. Đồng thời có các chương trình online trực tiếp tại chùa Giác Ngộ, thành phố Hồ Chí Minh nhằm chia sẻ kinh nghiệm tu tập cũng như giải đáp những thắc mắc cho các thiền sinh về loại thiền này...

Thiết nghĩ, trong đời sống bẽ bộn như ngày nay, nếu chúng ta thực hành phương pháp ưu việt này cho sự giải tỏa những căng thẳng, giảm bệnh tật... thì đó là một việc làm mang tính thiết thực vì tiết kiệm được thời gian mà không phải tốn kém tài chính nhưng có lợi ích rất nhiều. Duy nhất và quan trọng hơn hết là sự kiên trì thực hành của mỗi chúng ta.

Được sự hướng dẫn tận tình, có cơ sở khoa học, lấy nền tảng Kinh tạng làm căn bản, tất cả chúng ta vững tâm thực hành mà không sợ những pha tạp hay sai lệch trong việc ứng dụng trở về tìm hiểu chính mình, có hiểu được chính mình, chúng ta mới có thể hiểu được mọi người và mọi sự vật, sự việc xung quanh để chúng ta có thể sống tốt, hành động đúng nhờ có tâm ổn định, bình an. Tâm bình thì thế giới bình. ■

Chú thích:

1. Dan Millman, *Những Quy Luật Của Tinh Thần*, Thanh Chân dịch, (2004), Nxb Mũi Cà Mau, tr.30.
2. *Kinh Trường Bộ I*, Hòa Thượng Minh Châu dịch, (2013), Nxb Tôn Giáo, tr.459.
3. *Kinh Trường Bộ I*, Hòa Thượng Minh Châu dịch, (2013), Nxb Tôn Giáo, tr.692.
4. Bhante Henepola Gunaratana, Nguyễn Duy Nhiên dịch, *Chánh niệm thực tập Thiền quán*, Nxb Sinh Thức, tr.51.
5. Phụng Sơn, 2014, *Thiền Hạnh Phúc Sức Khỏe Và Thành Công Trong 8 tuần lễ*, Nxb Hồng Đức, tr.7.



ĐỖ HỒNG NGỌC

Ở đây và bây giờ

Một nhà báo nằm chiêm bao thấy gặp Thượng đế bèn mở máy ghi âm xin phép được phỏng vấn vài câu nếu Ngài có thì giờ.

- Cứ tự nhiên. Thì giờ của ta vô lượng!
- Từ khi... tạo ra loài người, Ngài có điều gì băn khoăn thắc mắc về họ không?
- Nhiều lắm.
- Chẳng hạn?
- Loài người rất lạ. Lúc nhỏ thì mong cho mau lớn. Lớn rồi thì mong cho nhỏ lại...

Nhà báo giật mình, thấy hơi nhột. Thượng đế tiếp:

- Lạ nữa, lúc trẻ khỏe thì họ mang hết sức lực ra đấu đá tranh giành để kiếm cho thật nhiều tiền... Rồi khi có tuổi, họ mang tiền đó ra... phục hồi sức khỏe!

Nhà báo rút khăn lau mồ hôi trán.

- Nhưng lạ nhất là loài người không sống!
- Nghĩa là họ...
- Không. Họ vẫn tồn tại nhưng không sống. Họ luôn nhớ tiếc dĩ vãng hoặc mơ ước tương lai. Mà dĩ vãng thì qua rồi, tương lai thì chưa tới. Họ luôn ở trong cái đã qua rồi hoặc cái chưa tới... nên nói họ không sống...
- Ý Ngài là phải biết sống trong hiện tại?

- Phải. Ở đây và bây giờ.

Nhà báo tỉnh giấc, toát mồ hôi, đưa tay vào mái tóc... lấm bầm:

*"Đời tôi ngốc dại
Tự làm khô héo tôi đây
Nửa đêm thức dậy
Chập chờn lau trắng trong tay..."*

(Trịnh Công Sơn)

Rồi sực nhớ lời Phật dạy:
*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy, sắc thù diệu...*

(Phẩm "Cây lau")

Tiếng vỗ của một bàn tay

Vỗ phải hai bàn tay chứ! Một bàn tay làm sao vỗ cho ra tiếng được?

Đây là một trong những công án nổi tiếng của Thiền tông. Thấy cho trò một công án. Có khi là một câu, một chữ, một vấn đề gì đó... để trò ngất ngư nghiền ngẫm ngày này qua tháng khác, rồi trò đánh bạo thử trình lên thầy, thấy quất chổi đuổi đi. Lại tiếp tục nghiền ngẫm ngất ngư... ngày này qua tháng khác, cho đến một hôm, thấy ánh trăng xuyên qua cành lá, nghe một tiếng ngói vỡ... bồng à há một tiếng thảng thốt. Thấy vẫn dõi theo trò từng bước. Khi thấy trò đã kêu lên "À há!" thì hai thầy trò bèn bá vai nhau lặng lẽ cùng dạo quanh vườn:

*Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi...*

(Xuân Diệu)

Công án là một cách tốt để thiền (tùy căn cơ). Nó buộc tâm ta lại. Không cho chạy lăng xăng. Một phương thức “thiền chỉ” hiệu quả. Nhưng công án cũng là một phương thức “thiền quán” tuyệt vời. Nó có thể mở ra thênh thang một cách nhìn mới, nghĩ mới, để từ đó, nhận ra Thế tánh, Chơn tâm, Như Lai tạng... đằng sau lớp sương mù dày đặc che mờ bấy nay.

Công án nhiều khi chẳng cần có lời giải. Chỉ cần làm sao... buộc chặt được tâm của thiền sinh lại, không để bị tán loạn, lang bang. Nhờ đó có thể bước thêm những bước để ngộ nhập “Tri kiến Phật” vậy.

Phật bảo đánh một tiếng chuông. Hỏi có nghe không, Anan? Dạ, có nghe. Nghe gì? Nghe tiếng chuông. Tiếng chuông dứt, Phật hỏi có nghe không Anan? Dạ, không. Không nghe. Không nghe gì? Không nghe tiếng chuông. Phật cho đánh lại tiếng chuông lần nữa. Nghe không? Dạ có nghe. Nghe gì? Nghe tiếng chuông. Phật cười: Tôi hỏi ông có *nghe* không chứ đâu có hỏi ông có nghe tiếng chuông không? Giữa hai lần gióng chuông ông vẫn nghe đó chứ, ông nghe sự im lặng, nghe sự “không - có - tiếng” đó chứ. Vậy cái sự “nghe” của ông đâu có mất dù cái tiếng chuông kia khi có khi không.

Tiếng là thanh trần, từ bên ngoài, luôn thay đổi. Còn “nghe” - khả năng nghe, “tánh nghe” - là tự bên trong, không hề thay đổi, luôn có đó. Nếu không có bệnh lý gì về nhĩ căn (thính giác) thì cái sự nghe luôn thường hằng, luôn trong sáng, thanh tịnh.

Một bàn tay thì không thể tạo ra tiếng vỗ. Nhưng câu hỏi không nằm ở *tiếng*. Câu hỏi dụng ý đặt ở chỗ khác: chỗ “nghe”. Đáng ra câu hỏi sẽ phải là “Có *nghe* tiếng vỗ của một bàn tay không?”. Có hay không? Không phải có “tiếng” hay không mà là có “nghe” hay không? Câu trả lời sẽ là không có tiếng nhưng vẫn có nghe. Nghe cái gì? Nghe cái không - có - tiếng.

Ta không nên để dính mắc với *tướng* (cái trình hiện, cái biểu kiến, hình thức, từ bên ngoài, luôn thay đổi, do điều kiện mà có, như mắt với sắc, tai với thanh, mũi với hương, lưỡi với vị...), trong khi cái *tánh* thấy, *tánh* nghe... bên trong ta vẫn không thay đổi, vẫn bất biến.

Từ nhãn thị chúng sanh

Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch

rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát do nhơn duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?” (Kinh Pháp Hoa).

Ý xưa nay vốn vô tận. Vô số vô lượng vô biên... chúng sanh đều do ý mà ra! Ý dẫn các pháp. Một khi “Ý” mà thanh tịnh rồi thì các căn khác tự dung đều thanh tịnh theo.

Diệu Âm là cảm xúc, là thọ. Thọ đến rồi... thọ đi! Nhưng *tưởng* thì ở lại. Tưởng ở lại để sanh “*vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não*”.

Phật dạy thứ thuốc “đặc trị” cái *tưởng* là “Một lòng xưng danh” Quán Thế Âm Bồ-tát, lập tức vô lượng vô số khổ não sẽ biến mất ngay vì Quán Thế Âm là vị Bồ-tát có khả năng “nghe được tiếng kêu của trần thế!”.

Bởi vì vô não ta một lúc không thể có hai ý tưởng cùng tồn tại. Nếu đã “một lòng xưng danh” Quán Thế Âm (*nhất tâm bất loạn*) thì không thể cùng lúc “xưng danh” cái gì khác nữa: tham sân si mạn nghi kiến lặn đi!

Nỗi sợ của con người là ghê gớm nhất. Sợ chết, sợ khổ, sợ nghèo, sợ xấu xí, sợ bệnh hoạn, sợ già nua... Cho nên giúp cho con người ta hết sợ là đủ để mang lại hạnh phúc, đủ để “cứu vớt chúng sanh”. Nhưng vì đâu mà người ta sợ? Vì *tưởng*. Tưởng nên mới thấy sợ dây thành con rắn. Tưởng nên mới cho cái gì của mình cũng nhất thiên hạ. Tưởng nên vô thường mà thấy là thường, vô ngã mà thấy là ngã... Tưởng là *của ta, là ta, là tự ngã của ta* nên mới sinh đủ tham sân si mạn nghi kiến! Nên Bồ-tát Quán Thế Âm có một món quà tặng giúp người ta hết sợ: *vô úy thí!*

Một khi xưng danh Quán Thế Âm thì “dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy đặng; bị nước lớn cuốn trôi, liền dặng chỗ cạn; gió lớn thổi ghe thuyền dặng thoát khỏi nạn”, còn trên đất thì “dao gậy liền gãy từng khúc, gông cùm xiềng xích đứt rã...” ... *Tứ đại* “đất, nước, gió, lửa” đều đã trở nên yên ổn. Còn *Tham sân si* thì sao? “*Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, liền dặng ly dục. Nếu người nhiều ngu si, liền dặng lia ngu si...*”. Tham sân si cũng dứt.

Quán Thế Âm Bồ-tát cũng chính là Quán Tự tại Bồ-tát. “*Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*!” (Tâm kinh).

Quán Thế Âm là một vị Bồ-tát *dẫn thân*, có lòng Từ bi lớn, một thứ *vô duyên từ*, gồm cả các hạnh của Thường Bất Khinh, của Dược Vương và của Diệu Âm Bồ-tát... Đó là *tôn trọng, chân thành, thấu cảm*, nên có khả năng “hiện nhất thiết sắc thân” (xuất hiện dưới bất cứ hình dáng nào) và “giải nhất thiết chúng sanh ngũ ngôn” (hiểu được tất cả mọi thứ ngôn ngữ), từ đó mà có thể: “*từ nhãn thị chúng sanh*”!

Quán Thế Âm không đến từ bên ngoài mà đến tức khắc từ bên trong mỗi chúng ta. Khi ta “cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát” thì ta đã sống với lòng Từ Bi Hỷ Xả, đã biết lắng nghe và biết tôn trọng, biết thấu cảm, và nhờ đó đã mang lại an vui hạnh phúc cho chính mình và cho mọi người xung quanh. ■

Bàn thêm về giáo dục đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại

THÍCH GIÁC TOÀN



Mục tiêu của giáo dục Phật giáo

Lịch sử đã ghi nhận các nền văn minh bị sụp đổ vì những mục tiêu sai lạc trong phương pháp phát triển. Chiến tranh, nghèo đói, suy thoái đạo đức, cạn kiệt môi trường sống... là kết quả của những sai lạc ấy. Giáo dục phải chia sẻ trách nhiệm với xã hội trước những hậu quả gây khổ đau như vậy.

Gần đây, người ta thường bảo mục tiêu cụ thể và trước mắt của giáo dục là đào tạo những con người mới, những con người toàn diện với những tiêu chuẩn mang tính khoa học và đạo đức hiện đại, những con người phù hợp với xã hội mới và có khả năng làm cho xã hội mới phát triển. Mặt khác, giáo dục phải đào tạo những con người thuần túy chuyên môn theo sự phân công của xã hội. Một bên là những con người gần như siêu nhân, một bên là những con người gần như là người máy. Có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng con người thời nay không hạnh phúc hơn con người thời xưa nếu chúng ta không cho rằng nhiều tiện nghi vật chất là cốt lõi của hạnh phúc. Và nếu thế thì, mẫu người mới của những phương pháp giáo dục mới tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới ngày nay, dù ảnh hưởng hay mang đậm dấu ấn triết học Đông-Tây... cũng chỉ là phản ánh của một quan điểm nhất thời.

Giáo dục Phật giáo hướng đến mục đích hay mục tiêu

tối hậu là cứu cánh giải thoát khỏi khổ đau, là Niết-bàn. Mẫu người lý tưởng tối hậu mà giáo dục Phật giáo muốn con người vươn tới là Phật. Học tập, tu hành là để làm Phật. Kể đến, con người lý tưởng mà giáo dục Phật giáo cần lấy khuôn mẫu để đào tạo là chư Bồ-tát, chư Thánh Tăng đã chứng đạo, chư Tổ sư mà trình độ giải thoát đã được ghi nhận.

Chư Phật và chư Thánh giả nói trên là những mẫu người lý tưởng của Phật giáo và mục tiêu của giáo dục Phật giáo là đào tạo những con người có khả năng học tập và phát triển tâm linh cao để đạt đến trình độ giải thoát như những mẫu người lý tưởng ấy. Mặt khác, mục tiêu phải được hiểu là những điểm cuối của những chặng đường mà các đối tượng của giáo dục (người học) phải đạt đến trên con đường dài có nhiều chặng cần phải vượt qua để đạt được lý tưởng tối hậu. Do đó, giáo dục tùy hoàn cảnh, tùy trình độ từng cá nhân mà phải có những mục tiêu trước mắt khác nhau. Đây là những mẫu người chủ yếu là những Tăng Ni tài đức có khả năng tu tập, chứng đạt một trình độ tâm linh cao cả và có khả năng giảng dạy, hướng dẫn các Tăng Ni khác và các cư sĩ Phật tử trong sinh hoạt hàng ngày, kiến tạo một xã hội an lạc, vui tươi.

Phật giáo tuyên bố đời là khổ nên mọi hoạt động của Phật giáo, đặc biệt là giáo dục Phật giáo, đều lấy cuộc đời làm đối tượng, lấy những con người đang sống trong tập thể xã hội làm đối tượng. Cho nên, mẫu người đào tạo của Phật giáo trong mọi thời đại chính là những con người thâm hiểu và mang ý nguyện tu tập theo giáo lý của Đức Phật, đồng thời người ấy lại phải thích nghi với xã hội, với những kiến thức kỹ năng hiện đại.

Giới học, nội dung hàng đầu của giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại

Để thành tựu mục tiêu giáo dục như đã nêu trên, dù nội dung giáo dục theo bất cứ hình thức nào thì căn bản vẫn là Giới, Định và Tuệ. Về cơ bản, giới là để phòng hộ các căn, tránh những cám dỗ bên ngoài. Định là để ổn định tâm, để tâm không dao động, chao đảo. Tuệ là để thể hội Phật pháp, tiến đến giải thoát. Giới, Định và Tuệ có mối liên hệ mật thiết với nhau. Tuy vậy, Giới được kể đầu tiên vì Giới là căn bản, là vô cùng quan trọng trong bước đầu tu tập.

Ngày nay cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, những hiện tượng phi đạo đức gia tăng không ngừng:

tham lam, gian xảo, thù hận, bạo lực, nếp sống sa đọa... Trước tình hình đó, giáo dục Phật giáo cần đóng góp vào việc giáo dục đạo đức cho quần chúng Phật tử và nhất là cho Tăng Ni trẻ.

Công việc giáo dục Tăng Ni về giới luật, đạo đức của người tu sĩ Phật giáo là nhiệm vụ của chư tôn túc bốn sư, thân giáo sư, giới luật sư và của các cơ sở trường viện. Chúng tôi xin bàn đến ba đề mục cơ bản: gương mẫu đạo hạnh của Tăng-già, nội dung giáo dục đạo đức và tổ chức nội trú tại các cơ sở giáo dục Phật giáo...

1. Gương mẫu đạo hạnh của Tăng-già

Giáo hội ta không thiếu những vị tôn túc giáo phẩm trí tuệ đạo đức cao vời, xứng đáng là tấm gương sáng cho hàng hậu thế - phong cách nhẹ nhàng, thanh thân, hiền hòa của chư vị có sức thu hút sự kính trọng, tin tưởng của quần chúng. Một tính chất quan trọng ở chư vị là tử oai nghi, giữ gìn cẩn mật cả trong cách nói năng, làm việc mà Hòa thượng Thích Thanh Từ từng nêu giảng. Sự cẩn mật ấy bao hàm trong cách giữ gìn để tránh bị hiểu lầm, đúng với hai câu thơ của người xưa: *"Qua điền bất nhập lý, Lý hạ bất chỉnh quan"* (nghĩa là: Đi qua ruộng dưa thì không cúi xuống sửa giày, sợ người ta tưởng mình cúi xuống trộm dưa; Đi dưới cây mận thì không với tay sửa mũ, sợ người ta tưởng mình giơ tay hái trộm mận).

Các Tăng Ni sinh ngày nay cần học cách giữ gìn trong sinh hoạt, giao tiếp, tránh bị hiểu lầm là mình có ý không tốt, vi phạm giới luật. Các phương tiện thông tin truyền thông và những lời đồn đãi gần đây tạo dư luận xấu về một số Tăng Ni, tính chân thật thì rất ít mà sự ác ý hoặc hiểu lầm thì khá nhiều!

2. Giáo dục đạo đức

Giáo dục đạo đức phải được đặt nặng từ cấp Sa-di, Sa-di-ni. Các oai nghi cần được giảng dạy, triển khai kỹ cho các vị này như được trình bày trong *Sa-di Luật nghi Yếu lược* của Đại sư Liên Trì (đời Minh), *Sa-di Thập giới Oai nghi Lục yếu* của Đại sư Ngẫu Ích (cuối đời Minh). Việc thực hành nội dung này cần được luyện tập, có sự giám sát của chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức trong tự viện cũng như trong các cơ sở giáo dục Phật giáo liên hệ.

Ban Tăng sự Trung ương cũng cần có những văn bản ấn định về các sinh hoạt thường ngày của các Tăng Ni và theo dõi, giám sát những trường hợp vi phạm. Chư vị bốn sư giáo dục, theo dõi các sinh hoạt của các Tăng Ni đệ tử; các đồng sự, huynh đệ đồng tu khuyến khích, nhắc nhở nhau giữ gìn giới luật; nhà trường Phật học tăng cường chất lượng và số lượng các tiết học về giới luật cho Tăng Ni sinh và có khen thưởng, khiển trách các cá nhân vi phạm về hạnh kiểm.

3. Tổ chức nội trú tại các cơ sở giáo dục Phật giáo

Tiến đến việc tất cả các trường viện Phật học đều phải tổ chức nội trú cho Tăng Ni sinh trong suốt cấp học. Nội xá được kiểm soát chặt chẽ giống như một tu viện. Tăng Ni sinh không được dùng những phương tiện truyền thông cá nhân như điện thoại, tivi, máy vi tính... Mọi liên lạc với



bên ngoài trong trường hợp cần thiết thì phải xin phép ban quản lý nội xá để được dùng điện thoại bàn của nội xá, có sự giám sát của người phụ trách. Tăng Ni sinh cũng được xem một số chương trình truyền hình được Ban Quản lý lựa chọn.

Nội xá có phòng sinh hoạt, giải trí, có phòng vi tính để Tăng Ni sinh tra cứu, học hỏi dưới sự giám sát của người phụ trách. Các hoạt động giải trí lành mạnh, thể dục thể thao... cũng được khuyến khích.

Tất nhiên, điều quan trọng nhất của nội xá là phải thực hiện nghiêm túc các thời khóa sinh hoạt như: tụng kinh, hành lễ, yết-ma, bố-tát, an cư, trao đổi kinh nghiệm tu tập, kiến thức, lao động tập thể... Đây là những phương cách giáo dục tốt, nhất là giáo dục về phẩm hạnh.

Kết luận

Bài viết này chỉ bàn về một số nét căn bản về mục tiêu của giáo dục Phật giáo và về nội dung giáo dục liên hệ. Người xưa có câu *"Tiên học lễ, hậu học văn"*. Lễ hay đạo đức, khả năng giao tiếp đúng phép tắc, phẩm hạnh của mỗi người, nhất là của một Tăng sĩ. Quần chúng đánh giá sự trang nghiêm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua cái nhìn vào những biểu hiện phẩm chất của chư Tăng Ni. Những dư luận xấu hiện nay về một số Tăng Ni dù đúng hay không đúng cũng đều ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Giáo hội. Mong sao việc giáo dục đạo đức cho Tăng Ni trẻ được phát huy, có hiệu quả tích cực, phù hợp với mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Tài liệu tham khảo:

- Nhiều tác giả, *Đạo đức học Phật giáo*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1995.
- Thích Chơn Thiện, *Tăng-già thời Đức Phật*, Nxb Tôn Giáo, 2000.
- Thích Giác Toàn, *Tài liệu giảng dạy tại các trường Phật học, Học viện Phật giáo*.
- Tỳ-kheo Hộ Pháp, "Đối tượng Oai nghi", www.budsas.org.
- Ni sư Đức Trí, "Phật học Danh số", www.hoalinhthoai.com.
- Thích Pháp Hùng, "Nguy cơ tiềm ẩn từ hiện tượng tuổi trẻ hành đạo sớm", www.giacngo.vn.
- Một số tin tức từ các trang web, các tạp chí liên hệ đến một số Tăng Ni trẻ.



Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11

Mục tiêu dạy làm người

PHAN KHẮC TUÂN

Ngày 23-10-1896, vua Thành Thái đã ban Dụ thành lập trường Quốc Học Huế, và đến ngày 23-10-2016, trường Quốc Học Huế đã làm lễ kỷ niệm 120 năm ngày ngôi trường ra đời. Hiếm có ngôi trường nào trên toàn quốc có được lịch sử lâu đời như thế, với nhiều thế hệ thầy và trò đã làm vẻ vang cho đất nước suốt hơn thế kỷ, cho nên hẳn nhiên, lễ kỷ niệm 120 năm phải là một lễ lớn, một sự kiện văn hóa giáo dục mà nhiều người con của Quốc Học ở khắp nơi, trong nước và ngoài nước, hướng về ngôi trường xưa.

Trong dịp này, thầy giáo về hưu Phan Khắc Tuân, nguyên hiệu trưởng của trường giai đoạn trước năm 1975, đã đọc một bài diễn văn, với tư cách nguyên hiệu trưởng. Tôi xin gửi bài diễn văn này đến tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, xin được đăng như một bài văn có giá trị, không phải để phổ biến một diễn văn cho một lễ kỷ niệm - biết bao nhiêu lễ kỷ niệm trên đất nước ta, làm sao đòi hỏi VHFG đăng - mà chỉ để mong những người có thành tâm với văn hóa và giáo dục nước nhà cùng nhau suy ngẫm về giá trị của giáo dục dấu lịch sử có những biến chuyển cam go.

Biết bao nhiêu chuyện về giáo dục suốt chiều dài 120 năm, qua những thay đổi chế độ, qua thể hiện vai trò nhà giáo, qua sự phát triển quy mô trường, lớp, qua bề dày thành tích, qua phát triển công nghệ... nhưng thầy Phan Khắc Tuân không sa vào chi tiết, mà chỉ nhấn mạnh mục tiêu dạy làm người, dạy để học sinh làm người có học, làm người tử tế. Mọi tính thiện, mọi tình yêu cũng từ đó mà nảy nở. Thầy Phan Khắc Tuân chỉ cần chưa đầy năm phút để đọc bài diễn văn, thật ý nghĩa, toàn vẹn, súc tích, và cuốn hút người nghe.

Cao Huy Hóa giới thiệu

Kính thưa...

Trong giai đoạn lịch sử từ 1945 đến 1975, tôi may mắn có bảy năm làm học trò và mười lăm năm làm thầy giáo ở trường Quốc Học, hôm nay lại được vinh hạnh bày tỏ cảm nghĩ trong lễ kỷ niệm 120 năm ngày thành lập trường mình.

Kính thưa quý vị,

Trường Quốc Học đến nay đã tròn 120 tuổi, đã hai lần đổi họ thay tên, đã trải qua ba giai đoạn lịch sử trong thời kỳ hiện đại. Nền giáo dục nước nhà trong các giai đoạn này đều có mục tiêu, tôn chỉ và triết lý giáo dục khác nhau. Tuy nhiên, tôi nghĩ, có một mục tiêu tiên khởi, chung nhất và xuyên suốt là *mục tiêu dạy làm người*.

Trên nền tảng được học làm người, sau khi hoàn tất việc học tập ở trường, người học trò đứng trước ngã rẽ cuộc đời, sẽ phải tìm con đường nào để lập thân, chọn công việc gì để lập nghiệp; thành công hay thất bại, hạnh phúc hay đắng cay, họ sẽ hành xử việc đời với cốt cách của *một con người có học, một con người tử tế*.

Bởi vì việc dạy làm người ở một trường học đặt cơ sở trên *tính thiện vốn có của con người* nên trường học *tự thân đã có tính thiện* và môi trường giáo dục suy ra cũng *tự thân là một môi trường thân thiện*; ở đó sẽ nảy nở tình thầy, tình bạn, tình lớp, tình trường rồi ương mầm cho *tình yêu quê hương đất nước*.

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi được trở về trường Quốc Học với cương vị một thầy giáo cũ, một hiệu trưởng cũ nhưng chung quy tôi vẫn là *một cựu học sinh Quốc Học, một thành viên Quốc Học*, như một người con Quốc Học trở về mái nhà xưa.

Tôi về đây để gặp gỡ các đồng nghiệp, đồng môn, lớp trước, người sau, kết nối với nhau bằng *một chút tình Quốc Học với niềm tự hào Quốc Học* ẩn náu lâu nay trong tâm khảm mỗi người.

Trong giờ phút hạnh ngộ đầy xúc cảm này, tôi xin được cùng quý vị dành một khoảnh khắc tĩnh tâm để tưởng nhớ các *thế hệ thầy giáo và học sinh Quốc Học* giờ đã *khuất xa*, đã từng trực tiếp hay gián tiếp dạy dỗ, dìu dắt chúng ta thành những người tử tế, thành những công dân lương thiện có ích cho đất nước và cho đời.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào quý vị. ■

Địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa

PHẠM TUẤN VŨ

1 Như một đặc trưng, ca dao tục ngữ ở mỗi địa phương bao giờ cũng nhắc đến một lượng tương đối lớn các địa danh tại địa phương mình ở nhiều thời kỳ. Địa danh trong ca dao, tục ngữ, vì thế, được xem như những bảo tàng lịch sử, nơi lưu giữ nhiều địa danh của địa phương, nơi chứng kiến sự biến đổi tên gọi của nhiều địa danh trong tiến trình lịch sử. Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa cũng không nằm ngoài đặc điểm có tính phổ biến này. Khảo sát kho tàng ca dao, tục ngữ của xứ Trầm Hương, chúng tôi nhận thấy địa danh được nhắc đến không những có số lượng khá lớn mà còn rất đa dạng, mang nhiều giá trị phản ánh độc đáo.

2 Về loại hình, địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa rất đa dạng với nhiều tiểu loại khác nhau.

Cụ thể như sau:

Địa danh chỉ địa hình tự nhiên có: rừng như rừng Phước Hải; đầm như đầm Hương Xuân (*Đầm Hương Xuân én tí/ Rừng Phước Hải mai vàng*); đèo như đèo Cả, đèo Rọ Tượng, đèo Rù Rì, đèo Dốc Thị (*Đèo Rù Rì đường uốn chữ “chi”/ Anh lên cho khéo kẻo có đi không về*); gò như gò Điều (*Ngựa ô đi tới quán Cau/ Ngựa hồng đứng đỉnh đi sau gò Điều*); sông như sông Dinh, sông Nha Trang, sông Cạn (*Sông Dinh có ba ngọn nguồn/ Anh nhớ em băng đèo vượt suối*); suối như suối Tiên, suối Ngổ, dòng Đảnh Thạnh (*Muốn vui cùng nước cùng mây/ Mây trùm suối Ngổ, nước đầy Suối Tiên*); biển như biển Nha Trang, biển Cù (*Biển Cù nước mãi còn sâu/ Công linh chẳng trước thì sau cũng thành*); cửa như cửa Khánh Hòa, cửa Cam Ranh (*Thuyền xuôi ra cửa Khánh Hòa/ Buồm giăng hai cánh dạ em đã héo hơn*); đảo như Bình Ba (*Tôm hùm Bình Ba/ Nai khô Diên Khánh*); hòn như hòn Vọng Phu, hòn Khôi, hòn Hèo, hòn Dù, hòn Giũ, hòn Bà, hòn Chữ, hòn Chồng, hòn Yến, hòn Nội, hòn Chúa, hòn Dung, hòn Đò (*Ninh Hòa có núi có non/ Có sông có biển, có hòn Vọng Phu/ Có hòn Khôi, có hòn Dù/ Có lăng Bà Vú, Tiên Du, hòn Hèo*);

đồng như đồng Lớn, đồng Cháy (*Mưa đồng Cọ/ Gió Tu Hoa/ Cọp Ô Gà/ Ma Đồng Lớn*)...

Địa danh chỉ công trình xây dựng có: tháp như tháp Bà (*Nhấn ai viếng cảnh Nha Trang/ Muốn tìm dấu cũ thì sang tháp Bà*); tòa như tòa Hải Học (*Muốn xem cá lạ biển Đông/ Xuống tòa Hải Học trong vùng Trường Tây*); chùa như chùa Hải Đức, chùa Kỳ, chùa Long Sơn (*Lòng mong nương bóng bồ-đề/ Lên chùa Hải Đức gần kề Nha Trang*); lăng như lăng Bà Vú (*Có lăng Bà Vú, có Tiên Du, hòn Hèo*); chợ như chợ Ninh Hòa (*Nhưng chưa biết đường tìm đến thăm em/ Ghé vô chợ Ninh Hòa mua một xâu nem*); quán như quán Cau (*Ngựa ô đi tới quán Cau*); cầu như cầu Sông Cạn (*Ngước lên trời mây giăng thâm thấp/ Ngang qua cầu Sông Cạn chấp tay/ Vết gò chết chém đầu đây/ Cự Trần Quý Cáp thẳng ngay bỏ mình*)...

Địa danh hành chính có: tỉnh như tỉnh Khánh Hòa (*Tỉnh Khánh Hòa đậm đà mưa nắng/ Non chồng nghĩa nặng, nước chứa tình thâm*); thành phố như Nha Trang, Cam Ranh (*Anh đứng ở Nha Trang/ Anh trông sang xóm Bồng*); thị xã như Ninh Hòa (*Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa/ Nhớ biển Nha Trang gió mát, nhớ Ninh Hòa nhiều nem*); huyện như Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Cam Lâm (*Từ Vạn Ninh vào đến Cam Lâm/ Chắc có lắm người đồng điệu, lắm kẻ đồng tâm với mình*); xã như Sơn Lâm, Suối Tiên (*Mây đầy Suối Ngô, nước đầy Suối Tiên*); thị trấn như Vạn Giã (*Thơm Vạn Giã ngọt đà quá ngọt/ Mía Phú Ân cái đợt cũng ngon*); làng như Võ Cạnh (*Cá tràu Võ Cạnh/ Sò huyết Thủy Triều*)...

Qua những liệt kê sơ bộ trên, có thể thấy phần nào sự đa dạng của hệ thống địa danh ở Khánh Hòa trong ca dao, tục ngữ. Nhiều loại hình địa danh xuất hiện trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa đã phản ánh sự phong phú của địa danh tại địa phương.

3 Về đặc điểm cấu tạo, địa danh trong ca dao tục ngữ Khánh Hòa có cấu tạo khá đa dạng. Có ba kiểu cấu tạo trong bộ địa danh này: (1) yếu tố chung





(tức loại hình địa danh, không viết hoa) + yếu tố riêng (tên địa danh, viết hoa); (2) chỉ có yếu tố riêng (tức chỉ có tên riêng của địa danh) và (3) yếu tố riêng + yếu tố chung. Kiểu (1) chủ yếu thuộc về bộ phận địa danh chỉ địa hình tự nhiên và công trình xây dựng như *sông Dinh*, *hòn Hèo*, *biển Nha Trang*, *đèo Cả*, *tháp Bà*, *chợ Ninh Hòa*, *tòa Hải Học*, *chùa Kỳ*,... Kiểu (2) chủ yếu là các địa danh hành chính như *Khánh Hòa*, *Vạn Giã*, *Diên Khánh*, *Nha Trang*, *Võ Canh*,... Kiểu (3) là dạng đặc biệt theo cấu trúc đảo loại hình địa danh ra sau tên riêng, rất ít xuất hiện. Trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, chỉ có một vài trường hợp này, ví dụ *Cam Ranh cửa* (*Cam Ranh cửa ấy lành lang/Thủy ba canh trót đi đường năm canh*)...

4 Về chức năng phản ánh, cũng như trong ca dao, tục ngữ nói chung, địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa thường được nhắc đến với chức năng phản ánh một số phương diện đặc thù về thiên nhiên, xã hội và con người Khánh Hòa.

Nhiều địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa phản ánh một cách sinh động một số đặc điểm về điều kiện tự nhiên, cảnh đẹp của địa phương mình. Chẳng hạn, khí hậu ôn hòa hai mùa mưa nắng của tỉnh được phản ánh qua địa danh *tỉnh Khánh Hòa* và bài ca dao sau:

*Tỉnh Khánh Hòa đậm đà mưa nắng
Non chồng nghĩa nặng, nước chứa tình thâm.*

Hay như, trong câu tục ngữ dưới đây, hai địa danh *hòn Đỏ*, *hòn Hèo* được nhân cách hóa một cách hình ảnh, gắn liền với chức năng dự báo thời tiết mà người dân Khánh Hòa từ bao đời đã đúc kết nên:

*Bao giờ hòn Đỏ mang tới
Hòn Hèo đội mũ thì trời sắp mưa.*

Một số địa phương ở Khánh Hòa có những hiện tượng thiên nhiên đặc biệt. Chẳng hạn, nhắc đến địa danh *Tu Bông* (còn có tên *Tu Hoa*), người ta nghĩ ngay đến “đặc sản” gió thổi với mật độ và cường độ lớn ở đây. Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa có nhiều bài nhắc đến địa danh *Tu Bông* và đặc trưng khí hậu này, chẳng hạn:

*Gió đầu bằng gió Tu Bông
Thương ai bằng thương cha, thương mẹ, thương chồng, thương con.*

Đặc trưng không gian địa lý và văn hóa miền biển của tỉnh Khánh Hòa được thể hiện rất rõ qua các địa danh được phản ánh trong ca dao, tục ngữ của địa phương. Điều này lý giải tại sao các kiểu địa danh chỉ địa hình tự nhiên liên quan tới biển như biển, bãi biển, hòn, cửa, đảo... xuất hiện với số lượng lớn trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa. Chẳng hạn:

*Kể từ giặc nổi can qua
Xa em hòn Chữ, hòn Bà cũng xa.*

Nhắc đến tỉnh Khánh Hòa, người ta nói đến nhiều cảnh đẹp, trong đó nổi bật nhất là biển Nha Trang. Người dân nơi đây rất tự hào về bãi biển đẹp bậc nhất Việt Nam của quê hương mình. Cho nên không phải ngẫu nhiên mà ca dao Khánh Hòa có nhiều bài miêu tả biển Nha Trang với hình ảnh, ngôn từ rất đẹp và giọng điệu đầy yêu mến, tự hào. Chẳng hạn như bài:

*Bãi biển Nha Trang mịn màng, trắng trẻo
Nước trong leo lẻo, gió mát trăng thanh
Đêm đêm thơ thẩn một mình
Đố ai cho khỏi vương tình nước mây.*

Bên cạnh tự nhiên, thắng cảnh, lịch sử Khánh Hòa cũng được phản ánh phần nào của một số địa danh được nhắc đến trong một số bài ca dao. Chẳng hạn, các địa danh *đèo Dốc Thị*, *biển Cù* trong bài ca dao dưới đây gắn với liên với phong trào Cần Vương kháng Pháp của ba người anh hùng Trần Đường, Trịnh Phong, Nguyễn Khanh được nhân dân tôn xưng là “Khánh Hòa tam kiệt”:

*Nghe lời em hỏi mà thương!
Thương người nghĩa kiệt, tơ vương vấn lòng
Vi thù non sông
Thề không đội trời chung với giặc
Từ Nam chí Bắc
Thiếu chi trang dạ sắt, gan đồng
Ở Khánh Hòa thì có ba ông*

Ông Trần Đường giữ đèo Dốc Thị
Ông Trịnh Phong trấn nơi biển Cù
Ông Nguyễn Khanh lo việc quân nhu
Ba ông một bụng nghìn thu danh truyền.

Nổi bật trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa là những địa danh gắn liền với các đặc trưng trong văn hóa vật chất của địa phương. Các sản vật của quê hương được người dân Khánh Hòa say sưa kể trong nhiều bài ca dao, tục ngữ. Phần lớn địa danh nơi đây đều gắn liền với một sản vật đặc trưng của địa phương mình. Do đó, mô hình sản vật + địa danh xuất hiện thường xuyên, ví như: *trầm hương Vạn Giã, yến sào Nha Trang, khoai lang hòn Chúa, đậu phụng hòn Dung, cây quế Thiên Thai, thơm Vạn Giã, mía Phú Ân,...* Mô hình địa danh + sản vật xuất hiện ít hơn những cũng phản ánh được sự đa dạng của sản vật ở xứ Trầm, như *Khánh Hòa [là xứ] trầm hương, Khánh Hòa [tốt] trâu, Ninh Hòa [nhiều] nem,...* Nhiều bài ca dao đã trở nên quen thuộc không chỉ với người dân Khánh Hòa mà cả những du khách ở xa đến, bởi nó gắn liền với nhiều đặc sản nức tiếng xa gần của nơi đây. Ví như:

*Yến sao hòn Nội
Vịt lội Ninh Hòa
Tôm hùm Bình Ba
Nai khô Diên Khánh
Cá tràu Võ Cạnh
Sò huyết Thủy Triều
Đời anh cay đắng đã nhiều
Về đây sớm ngọt, ngon chiều với em.*

Bên cạnh đặc trưng tự nhiên, xã hội, địa danh trong ca dao, tục ngữ còn phản ánh nhiều nét tiêu biểu trong tính cách, tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của con người Khánh Hòa. Người ở xứ Trầm Hương sống chan hòa, tình nghĩa, thủy chung, coi trọng tình cảm, yêu quê hương, đất nước. Những tình cảm tốt đẹp này được thể hiện trong những lời ca, tiếng hát hằng ngày của nhân dân lao động. Và mỗi địa danh xuất hiện trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa bao giờ cũng gắn với những tình cảm chân thành của con người nơi đây.

Người Khánh Hòa yêu quý, tự hào về quê hương mình. Tình yêu ấy được thể hiện trong nhiều bài ca dao với nhiều địa danh được ca ngợi một cách đầy yêu thương, triu mến, tự hào. Chẳng hạn:

*Khánh Hòa là xứ trầm hương
Non cao biển rộng người thương đi về
Yến sào mang đậm tình quê
Sông sâu đá tảng lời thề nước non.*

Không chỉ tự hào về cảnh đẹp, sản vật của quê hương, người Khánh Hòa còn trân trọng, trân trọng về những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương mình. Nhiều địa danh văn hóa được nhắc đến trong ca dao nơi đây với niềm thương nhớ, suy tư. Ví như:

*Ai về xóm Bóng quê nhà
Hỏi thăm điệu múa dâng Bà còn không.*

Trong đời sống hằng ngày, người Khánh Hòa, đặc biệt là người phụ nữ, thường giàu lòng yêu thương, vị tha, coi trọng tình cảm gia đình, tình làng nghĩa xóm. Ví như trong bài ca dao dưới đây, mượn hình ảnh gió Tu Bông làm đối tượng so sánh ngấm, nhân vật trữ tình đã khẳng định một cách chắc chắn tình cảm chân thành, sâu sắc của mình đối với người thân trong gia đình:

*Gió đầu cho bằng gió Tu Bông
Thương ai bằng thương cha, thương mẹ, thương chồng, thương con.*

Trong tình yêu và hôn nhân, người Khánh Hòa bao giờ cũng yêu thương nặng sâu, một lòng son sắt, thủy chung nghĩa tình. Ca dao Khánh Hòa có rất nhiều bài ca dao về đề tài tình yêu, hôn nhân hay, cảm động mà ở đó, nhiều địa danh được nhắc đến như là cái cớ để tác giả dân gian bày tỏ tình cảm của mình. Chẳng hạn:

*Bao giờ hòn Chữ bể tư
Biển Nha Trang cạn nước anh mới từ duyên em.*

Hay như:

*Đèo nào cao bằng đèo Rọ Tượng
Nghĩa nào trượng bằng nghĩa phu thê.*

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, bên cạnh các địa danh trong tỉnh chiếm phần lớn, vẫn có một số địa danh của các địa phương khác như *Bình Định, Phú Yên* (Ai về *Bình Định thăm cha/ Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em*), *Đồng Cọ* (địa danh này thuộc Phú Yên, trong câu tục ngữ *Mưa Đồng Cọ/ Gió Tu Hoa/ Cọp Ô Gà/ Ma Đồng Lớn*),... Một số địa danh của Khánh Hòa trong ca dao, tục ngữ bây giờ đã không còn như *Quảng Phước* (*Hỏi anh còn nhớ "Quảng Phước" tam hùng là ai*). Một số địa danh mới cũng được nhắc đến trong ca dao, tục ngữ hiện đại như *tòa Hải Học* (tức Viện Hải dương học, trong câu *Xuống tòa Hải Học trong vùng Trường Tây*)... Tuy có số lượng không lớn nhưng bộ phận này cũng góp phần làm đa dạng hệ thống địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, mang đến ít nhiều những giá trị phản ánh độc đáo.

5 Tóm lại, tiếp cận kho tàng văn học dân gian Khánh Hòa, có thể thấy địa danh được phản ánh trong ca dao, tục ngữ của địa phương không những có số lượng khá lớn mà còn đa dạng về loại hình và đặc điểm cấu tạo. Bên cạnh đó, cùng với việc phản ánh một cách sinh động, chân thực nhiều phương diện trong tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa, địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa còn phản ánh tương đối trọn vẹn, chân thực về tính cách, tâm hồn, nếp sống của con người Khánh Hòa xưa nay. Nghiên cứu địa danh trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, nhờ đó, có thể giúp ta hiểu nhiều hơn về đất và người xứ Trầm Hương trong tiến trình lịch sử. ■

Trung đạo

Nhận thức và Thực hành

THÍCH TÂM MINH

Lời tòa soạn: Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tập sách *Trung đạo: Nhận thức và Thực hành* do tác giả là Thượng tọa Thích Tâm Minh gửi tặng. Đây là một tập sách có ý nghĩa về phương diện thực hành đối với Phật tử. Chúng tôi đăng bài *Lời nói đầu* được in ở đầu sách thay cho lời giới thiệu.

Tập sách này là một nỗ lực tìm hiểu về quan niệm Trung đạo (Majjhima-patipadà) được nói đến trong Kinh tạng Pàli (Pàli Sutta Pitaka). Thuật ngữ Majjhima-patipadà được tìm thấy đề cập vài nơi trong các tuyển tập Nikàya nhưng có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người học Phật. Nguyên nghĩa của từ này được dùng để chỉ giáo lý của Đức Phật là con đường Trung đạo, đối lập hoàn toàn với các khuynh hướng tư tưởng triết học và tôn giáo đương thời, cả về phương diện triết lý lẫn thực hành.

Mở đầu bài pháp thứ nhất giảng cho năm vị ẩn sĩ tại Sàrnath, Đức Phật nói rằng nhờ thực hành con đường trung đạo (majjhima-patipadà) mà Như Lai sở đắc trí

tuệ, thành tựu an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Ngài khuyên các ẩn sĩ này từ bỏ hai nếp sống cực đoan, đam mê dục lạc (kàma-sukha) và tự hành khổ (attakilamatha), và thực hành theo con đường trung đạo (majjhima-patipadà), nghĩa là Bát Thánh đạo (Ariya-atthangikamagga), bao gồm chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

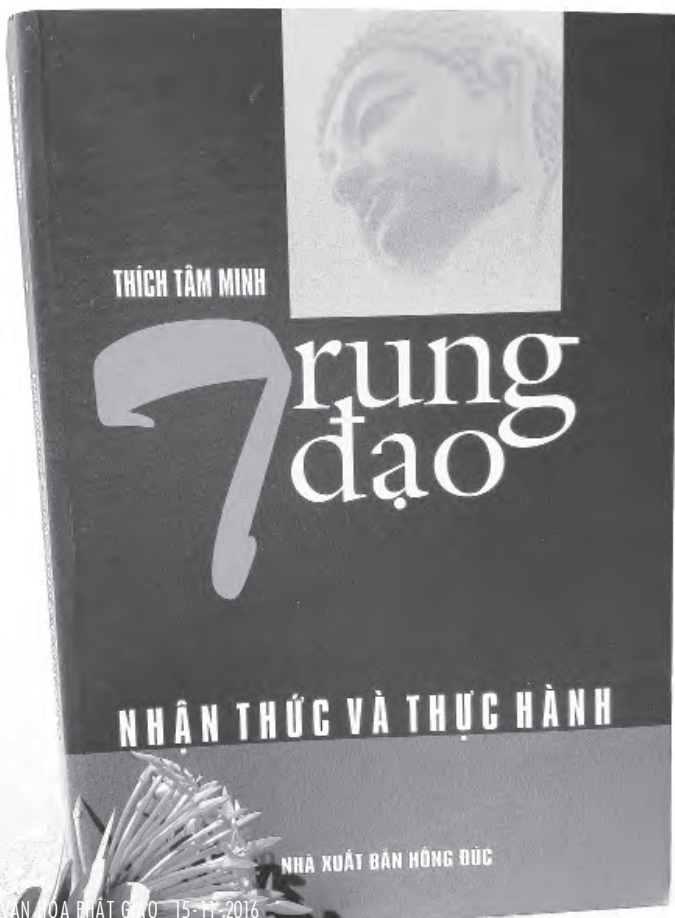
Một hôm, giảng cho Tỷ-kheo Kaccàyanagotta về chánh kiến, Thế Tôn bảo phần lớn thế giới này y cứ vào hai khuynh hướng cực đoan, có (atthitā) và không có (natthitā). Ngài dạy: *“Tất cả là có, này Kaccàyana, là một cực đoan. ‘Tất cả là không có, này Kaccàyana, là cực đoan thứ hai. Xa lìa hai cực đoan ấy, này Kaccàyana, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo: Vô minh duyên hành; hành duyên thức... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt”*.

Vào một dịp khác, trả lời các câu hỏi của du sĩ Kassapa liên quan đến vấn đề khổ đau (dukkha) được nêu dưới dạng thường trú luận (sassatavàda), đoạn diệt luận (ucchedavàda), ngẫu nhiên luận (adhiccasamuppàda), bậc Đạo sư nói rằng Như Lai vượt ra ngoài các cực đoan, giảng dạy Chánh pháp theo trung đạo (majjhena), nghĩa là, khổ đau sanh khởi và đoạn diệt do nhân duyên (hetupaccaya).

Như vậy, Majjhima-patipadà như được đề cập trong Kinh tạng Pàli ngụ ý hai cơ sở giáo lý:

- (a) Duyên khởi (Paticcasamuppàda) và
- (b) Bát Thánh đạo (Ariya-atthangikamagga).

Giáo lý thứ nhất, Duyên khởi, đại diện cho thực tại luận hay thế giới quan Phật giáo, cố tránh các phán quyết cực đoan hữu (atthitā), vô (natthitā), thường (sassata), đoạn (uccheda), lý thuyết ngẫu nhiên (adhiccasamuppàda) hay vô nhân luận (ahetuvàda). Giáo lý thứ hai, Bát Thánh đạo, tiêu biểu cho sự thực hành Phật giáo, vượt ra ngoài hai lối sống cực đoan, đắm say dục lạc (kàma-sukha) và tự hành khổ (attakilamatha). Hai giáo lý này, một tiêu biểu cho nhận



thức, một tiêu biểu cho thực hành, mở đường cho mọi cách thái tư duy và ứng xử trung đạo của Phật giáo.

Giáo lý thứ nhất, Duyên khởi, đóng vai trò nêu rõ thực tại là duyên sinh (paticcasamuppanna), vô thường (anicca), vô ngã (anatta), trong khi giáo lý thứ hai, Bát Thánh đạo, đề xuất một nếp sống trung dung phù hợp với các nguyên lý nêu ra bởi giáo lý Duyên khởi. Như vậy, ta có thể nói rằng Phật giáo là Trung đạo hay đồng nghĩa với Trung đạo. Có lẽ để phân biệt đặc điểm của Phật giáo với các hệ thống tư tưởng và tôn giáo đương thời mà tất cả mọi pháp môn thực hành của đạo Phật lúc bấy giờ được mệnh danh là Trung đạo.

Tăng Chi Bộ kinh (Anguttara Nikāya) cung cấp cho chúng ta một bản kê nói về 37 pháp trợ đạo, tất cả được gọi là Trung đạo (majjhima-patipadā)¹.

Từ trước đến nay, phần lớn độc giả Phật giáo Việt Nam thường hiểu Trung đạo theo nghĩa một nếp sống hay cách thái ứng xử trung dung tiết độ, vượt ra ngoài các cực đoan thái quá, mà ít khi tìm xem vì sao đạo Phật chủ trương một nếp sống như vậy. Các học giả trí thức Phật giáo thì thích nghiêng ngả *Trung quán luận* (Mādhyamaka Sāstra), một tác phẩm Phật học nổi tiếng của Long Thọ (Nāgārjuna) bàn về Trung đạo nhưng thiên nặng về mặt luận lý triết học hơn là chỉ rõ con đường thực hành.

Có thể nói rằng, mặc dù nhấn mạnh quan niệm tánh Không (Sūnyatā), luận lý Trung đạo của Long Thọ trong chừng mực nào đó là sự kế thừa lập trường Trung đạo của Đức Phật được nói đến trong các bản kinh Pāli; chỉ khác là tác phẩm của ngài nghiêng nặng về mặt luận lý phá chấp trong khi quan niệm Trung đạo của Kinh tạng Pāli bao hàm cả hai phương diện, luận lý và thực hành. Đức Phật dùng luận thuyết Trung đạo-Duyên khởi nhằm nêu rõ quan niệm duyên sinh của Ngài, đồng thời phá bỏ các kiến chấp hữu (atthitā), vô (natthitā), thường (sassata), đoạn (uccheda)... và Ngài đề xuất sự thực hành Trung đạo-Bát Thánh đạo, một nếp sống hay ứng xử trung dung, vừa tránh các chủ trương lạc thú (kāma-sukha) và khổ hạnh (attakilamatha) cực đoan, vừa cần thiết cho việc thực hiện hạnh phúc hay giải thoát khổ đau trên cơ sở thoát ly tham ái (tanhā) và chấp thủ (upādāna) nhờ nắm bắt thực tại duyên sinh của hiện hữu.

Thông thường, mỗi quan điểm hay nhận thức thực tại đi đôi với một quan niệm sống hay cách thái hành động tương ứng. Quan niệm vạn vật đồng nhất thể của phần lớn các tư tưởng và văn hóa Đông phương kêu gọi con người sống hợp nhất với vạn vật vũ trụ và tiết độ, trong khi khuynh hướng nhị nguyên của tư tưởng Tây phương tách con người khỏi thiên nhiên và khuyến khích chủ nghĩa thực dụng.

Luận đề "*Cogito ergo sum*" đưa ra bởi René Descartes thế kỷ XVII đã làm thay đổi căn bản nền tảng tư tưởng triết học Tây phương và mở đường cho nền văn minh

khoa học-kỹ thuật ngày nay. Hệ quả của đường lối tư duy nhị nguyên ấy là con người đã tiến lên xây dựng được một nền văn minh vật chất rực rỡ trong lịch sử nhưng hậu quả của nó thì không ai có thể lường hết được. Những biểu hiện thất thường và rối loạn của con người sống trong các xã hội văn minh ngày nay đi đôi với bạo động, khủng bố, chiến tranh, dịch bệnh do ô nhiễm môi sinh và những khám phá mới của ngành vật lý học hiện đại về thực tại bất khả phân của mọi hiện tượng khiến người ta ngày càng cân nhắc nhiều hơn về hậu quả nghiêm trọng của đường lối tư duy nhị nguyên và có xu hướng quay về với nền tảng tư tưởng triết học Tây phương cổ đại cũng như tìm hiểu giá trị các tư tưởng Đông phương.

Tập sách này không nhằm giới thiệu một cái gì mới mẻ trong số những lời dạy của Đức Phật mà chỉ tập trung tìm hiểu tư tưởng Trung đạo của Ngài và qua đó gợi suy nghĩ rằng đạo Phật đã tồn tại hòa bình và lâu bền không nhờ vào năng lực nào khác ngoài quan niệm duyên sinh của Đức Phật và một nếp sống tiết độ không ngừng được theo đuổi và khuyến khích bởi các thể hệ Phật tử.

Edward Conze nói rằng giá trị của một tư tưởng được phán xét không phải bởi bản thân tư tưởng ấy mà bởi những gì người ta có thể làm với nó và bởi phẩm chất cuộc sống bắt nguồn từ đó². Quả thực như vậy. Khuynh hướng phân lập của tư tưởng Tây phương đã có công đẩy nhanh tiến trình lịch sử văn minh nhân loại nhưng đã tạo ra muôn vàn rối rắm và khủng hoảng cho đời sống con người và gieo rắc vô số tai ách lên bề mặt hành tinh bởi ý tưởng xâm lăng và chủ trương thực dụng.

Quan niệm duyên sinh của Đức Phật đã góp phần xây dựng và duy trì nền tảng hòa bình, hòa hợp, thái độ tôn trọng sự sống và phẩm giá con người trên cuộc đời nhờ nếp sống tương ái, tương kính và tiết độ luôn luôn được tuân thủ và gìn giữ bởi các thể hệ Phật tử. Kinh Pháp cú nói rằng các bậc Thánh đến với đời bằng tâm thái trân trọng và hộ trì, nhẹ nhàng như ong đến với hoa, chỉ nhận lấy chút mật nhụy hoa rồi bay đi mà không làm tổn hại hương sắc loài hoa³.

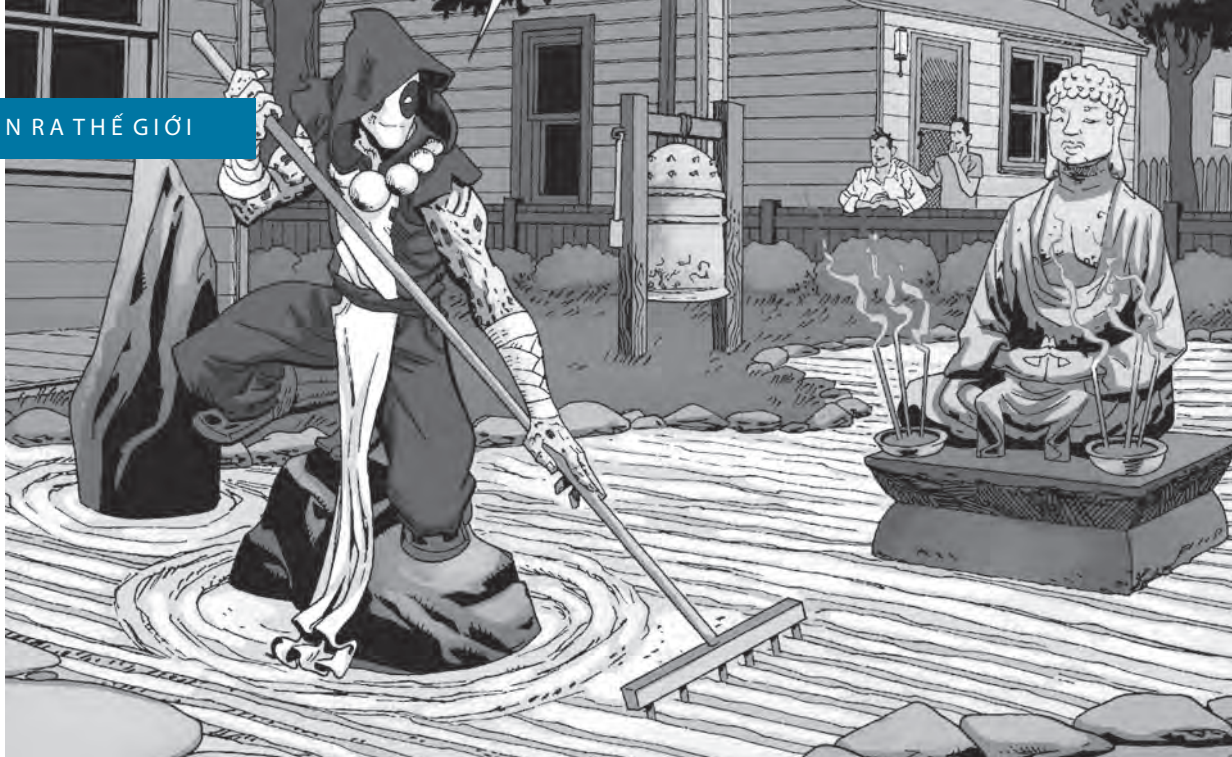
Người con Phật chấp nhận nếp sống Trung đạo, tiết độ trong mọi sinh hoạt và nhu cầu, chế ngự các ham muốn giác quan, tôn trọng sự sống và môi trường sống của muôn loài chúng sinh, yêu chuộng hòa bình và tình thân hữu, bởi họ tin tưởng ở những lời dạy sáng suốt và đầy từ tâm của bậc Đạo sư và bởi họ hiểu rõ giá trị của lẽ sống mà họ đang theo. ■

Chú thích:

1. *Kinh Bộ Tăng Chi*, tập I, tr.343-346, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, 1988.

2. Edward Conze, *Tinh hoa và Sự phát triển của đạo Phật*, Chân Pháp dịch, Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh, 1969, tr.32.

3. *Kinh Pháp Cú*, kệ 49.



Thiền Tập và Bạo Lực

Bài & ảnh: NGUYỄN GIÁC

Bây giờ, nhìn đâu chúng ta cũng dễ dàng thấy bạo lực; dường như nghiệp của thời này là thế. Từ Biển Đông tới Trung Đông... Thậm chí, bạo lực hiển hiện hàng ngày trên các đường phố, từ Sài Gòn tới Los Angeles... Bạo lực không còn ẩn kín như chuyện một thời rất cổ tích. Bạo lực hiện ra ngay trên truyền hình hàng ngày, trên các trang báo, trên mạng xã hội. Nhiều khi chúng ta cũng có thể nhận ra bạo lực trong ngôn ngữ góp ý dưới các bản tin trên báo mạng hàng ngày, kể cả đôi khi dưới các bài viết về tôn giáo. Đạo Phật là đạo bất bạo động, chưa từng dẫn tới thánh chiến, đã nhìn về hay ứng phó về bạo lực thời nay ra sao?

Hãy hình dung, và có thể thấy dễ dàng, người đồng tính dễ bị kỳ thị nhất, và đôi khi hành vi kỳ thị rất bạo lực. Phụ nữ cũng dễ là đối tượng của bạo lực; chỉ cần đọc các bản tin hàng ngày là thấy, không cần ở các nước Hồi giáo, mà ngay ở Việt Nam cũng thế, khi những người vợ phải chịu đựng. Và đôi khi, bạo lực kỳ thị này có tính hệ thống, khi xã hội im lặng, khi xã hội chấp nhận rằng chuyện hãm hiếp là như thế.

Bạo lực trên đường phố Mỹ gần đây thường xảy ra. Tại Hoa Kỳ, hình ảnh người dân da đen thường khi cũng bị nhìn dưới mắt bạo lực. Các trường hợp cảnh sát Mỹ nổ súng, và người thanh niên da đen tay không gục ngã... là hình ảnh làm chúng ta suy nghĩ. Không nhiều. Nhưng cũng dễ thấy rằng thành kiến bạo lực đã có sẵn trong đầu rất nhiều người chúng ta, trong phản xạ, có khi hàng ngày. Đúng vậy, rất nhiều khu phố da đen mang tiếng là nhiều bạo lực. Và đã đi vào

văn chương, vào phim ảnh, như Harlem, như Chicago, như New Orleans... Chỉ nhắc tới tên thành phố thôi, không cần đọc các thống kê bạo lực, nhiều người đã ngại không muốn bước tới.

Ni sư Zenju Earthlyn Manuel đã trải qua rất nhiều, đã chứng kiến và đã kinh nghiệm về bạo lực. Bà một thời là người phụ nữ da đen đồng tính... Chúng ta nói "một thời," vì có lẽ, trong cửa thiền, những phân biệt nếu không biến mất, hẳn cũng là nhạt dần.

Ni sư cũng là nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, giáo viên, và là một tay trống. Với kinh nghiệm sống phong phú (kể cả bầm dập), và là người đa tài như thế, Ni sư đã trở thành một người hoằng pháp nổi tiếng tại Hoa Kỳ. Ni sư có bằng thạc sĩ từ UCLA và bằng tiến sĩ về Học trình Chuyển hóa ở California Institute of Integral Studies.

Phóng viên Sean Piverger trên báo *The Bay Area Reporter* hôm 11 tháng 8 năm 2016 có bản tin tựa đề "*Zen Buddhist priest explores systemic oppression*" (Một thiền sư khảo sát về sự đàn áp có hệ thống).

Ni sư hiện là cư dân Oakland (Bắc California), mới tuần trước đã tới trụ sở Anasa Yoga ở khu phố Laurel của Oakland để nói chuyện về cuốn sách của Ni sư xuất bản năm 2015, nhan đề "*The Way of Tenderness: Awakening Through Race, Sexuality, and Gender*" (Con đường của Nhu hòa: Tỉnh giác qua Sắc tộc, Tính dục và Giới tính).

Chữ Tenderness có nhiều nghĩa, thường hiểu là bao gồm nhiều nghĩa: dịu dàng, tử tế, độ lượng, từ bi...

Pháp danh Zenju của Ni sư có nghĩa Thiện Châu, viên ngọc của sự hiền thiện.

Ni sư trả lời phỏng vấn của báo *Bay Area Reporter* qua email: *"Tôi đã khám phá Thiền tập từ 15 năm nay, và tự hỏi rằng Thiền tập này có thể hay không sẽ làm giảm bớt ảnh hưởng của sự đàn áp có hệ thống đối với một phụ nữ đồng tính da đen. Sách này là kết quả của khám phá đó. Sách này viết về việc sử dụng các ứng phó của hiện thể của chúng ta trong màu da, tính dục và giới tính, như các lối đi tới giác ngộ. Sách này là về kinh nghiệm tương đối của đời sống mang ý nghĩa đối với cái vô tận đương hữu của đời sống. Nó là về cái nhất thể đương hữu với các tính đa dạng của sự dị biệt của chúng ta".*

Ngắn gọn cho dễ hiểu: Ni sư tự nhận thấy mình là người bị đàn áp có tính hệ thống, vì là đồng tính, là da đen, là phụ nữ... và sách này là về kinh nghiệm Thiền tập trực nhận về cái vô tận và sự ứng phó với đời sống cụ thể.

Đó không phải là cuốn sách đầu tiên của Ni sư. Ni sư đã có nhiều tác phẩm trước đó, trong đó có ít nhất là bốn cuốn đang được bán trên Amazon: *"Still Breathing"*, *"Black Angel Cards"*, *"Tell Me Something About Buddhism"*, và *"Be Love: An Exploration of Our Deepest Desire"*. Cũng như có bài trong nhiều tuyển tập các nhà sư Hoa Kỳ.

Đặc biệt trong tác phẩm *"Tell Me Something About Buddhism"* (Hãy Nói Với Tôi Điều Về Phật Giáo), người viết lời giới thiệu là Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Cần ghi rõ rằng Ni sư tu theo dòng Soto (Tào Động Nhật Bản).

Bài báo kể rằng sau khi dọn nhà từ Louisiana, ba và mẹ của Ni sư Manuel định cư ở Los Angeles, nơi đây Ni sư ra đời năm 1952. Ni sư kể, cuộc đời nơi đây rất gian nan.

Nên ghi chú rằng hiện nay Ni sư cư ngụ ở Oakland. Theo xếp hạng của Conde Nast Traveler, trong 10 thành phố "thiếu thân thiện nhất" (10 unfriendliest cities) Hoa Kỳ của năm 2015, thứ nhì là Oakland, thứ 9 là Los Angeles, hai thành phố nơi Ni sư đang sống và đã sinh trưởng, nghĩa là hai cội đầy bạo lực.

Bây giờ là 63 tuổi, Ni sư kể rằng, *"Bạo lực xảy ra tại nhà tôi, và khi tôi bước ra thế giới. Hầu hết nó là bản chất của hành vi căm ghét. Tại nhà, nó tới từ sự căm ghét bên trong xuyên qua mẹ tôi, và trong thế giới nó là sự căm ghét đơn giản chống lại màu da của tôi".*

Bất kể rằng Ni sư và mẹ có một "quá khứ bạo lực", Ni sư Manuel kể với thính chúng ở hội trường Anasa rằng mẹ đã trao cho Ni sư lời khuyên, *"Chớ nhìn vào kẻ khác và vào lối đi của họ để quyết định xem rằng con có sẽ đi theo họ hay không, vì không ai hoàn toàn cả".*

Ni sư kể, lời khuyên đó đi theo Ni sư trong "gần như bất kỳ môi trường tâm linh nào" bất kể mọi "yếu đuối của con người" đã từng xảy ra cho Ni sư.

Ni sư cũng kể rằng thân xác con người là "con đường thực sự bạn phải tỉnh thức để có cái nhìn tuệ giác vào đời bạn và để hiểu biết tâm linh".

Trên chặng đường tâm linh, Ni sư Manuel đã thấy hai vị sư Thiền tông đang nói chuyện, và Ni sư ngưỡng mộ việc họ thực tập "sống trong khoảnh khắc" bởi vì họ không "đang nói, chỉ để nghe chính họ." Có thể hiểu rằng: nói và nghe bằng toàn thân. Chính lúc đó, Ni sư mới thấy cần "thực tập trên thân" cho chính Ni sư và nhận lấy Phật giáo.

Trên chính trang nhà của mình, trong một bài phân tích về hội họa, Ni sư có viết về luyện thân:

"Buddhism is a body practice of breathing in and out those things we see, hear, feel, touch, and contemplate, which results in a meditative stillness in motion..."

(<https://buddhistartnews.wordpress.com/2010/11/19/>).

(Phật giáo là pháp thở toàn thân, thở vào và thở ra mọi thứ chúng ta thấy, nghe, cảm thọ, xúc chạm và ý thức - thở như thế dẫn tới sự tĩnh lặng thiền định trong chuyển động...).

Đó là diễn ý của Ni sư. Thực ra, đó cũng từ gốc là lời dạy "buông xả thân tâm" của Đạo Nguyên (1200-1253). Và ngay khi chúng ta buông hết, chúng ta sẽ thấy chúng ta thở bằng toàn thân, và thở bằng toàn tâm, tức là thở bằng toàn bộ sắc thọ tướng hành thức... Kinh tạng Pali cũng gọi cách khác, là quảng bỏ sắc thọ tướng hành thức, kinh khác gọi là quảng bỏ thấy nghe hay biết.

Đó cũng là lời Đức Phật dạy trong Kinh Bahiya, rằng: *"Khi thấy, chỉ có cái được thấy; khi nghe, chỉ có cái được nghe..."*. Nghĩa là, lúc đó chúng ta đang cùng thở với cái toàn thể thế giới, là khi thấy nghe, khi thở vào và thở ra với cái toàn thể đang hiển lộ chung quanh. Và đó cũng là *bất nhị*: không hề có dị biệt giữa cái nghe và cái đang nghe, cái nhìn và cái đang nhìn... rằng âm thanh chính là tâm hiển lộ, rằng hình ảnh chính là tâm hiển lộ...

Sau 15 năm Thiền tập, Ni sư Manuel trở thành Thiền sư dòng Soto Nhật Bản. Tiếng Việt gọi là Tào Động. Nếu để ý, trong khi Nam tông dùng Thiền minh sát, tập trung niệm bốn đề mục (tứ niệm xứ): niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp... Thiền Tào Động là pháp niệm không đề mục, vì là buông bỏ toàn bộ thân tâm, tất cả chỉ còn là sự tỉnh thức không đề mục.

Sự tỉnh thức không đề mục, cũng là cốt tủy của kinh *Bahiya*, chỉ là để thế giới tự hiển lộ trong khi mình nhận biết và không khởi tâm chọn lựa biện biệt, và không cần niệm bất cứ gì hết...

Trong thời của bạo lực, Thiền tập là một cách chữa tận căn rễ, vì sẽ búng tận gốc mọi suy nghĩ bạo lực.

Bạn cũng có thể sống với thế giới này như thế. Xin mời ngồi xuống, thở dịu dàng, buông bỏ thân tâm, và hãy tỉnh thức không đề mục. Đó là Thiền Tào Động Nhật Bản, là luyện thân: hãy thở toàn thân, thở vào và thở ra mọi thứ chúng ta thấy, nghe, cảm thọ, xúc chạm và ý thức - thở như thế dẫn tới sự tĩnh lặng thiền định trong chuyển động... ■

Những 'trợ lý' nguy hiểm

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Trong cuộc sống của nhiều người hiện nay, họ có các "trợ lý" đắc lực nhưng thực chất là các chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm.

Hãy xem một bài báo với tựa đề "Những 'trợ lý' giúp sáng tạo!?" đã mô tả cuộc sống qua đêm của người mẫu thời trang như sau:

"Một đêm thời trang riêng. Hai tuần đốc sức cho hàng trăm mẫu thiết kế, bỏ ngủ. Đêm diễn kết thúc, Cúc (tên đã thay đổi) ngã gục vì kiệt sức. Nhưng là cổ đông lớn của nhãn hàng, cô không thể bỏ buổi tiệc sau đêm diễn dành cho bạn bè, đối tác.

Chồng cô bạn thân, người nước ngoài vừa về đến Việt Nam dự đêm diễn, đã cho Cúc 'liều thuốc thần kỳ'. Rải ba đường cocain lên tờ 100 USD, cuốn lại và hít bột trắng ấy vào mũi. Cúc cho biết cô như 'hồi sinh', mười giây sau, Cúc tươi nguyên và 'quẩy' đến 4 giờ sáng. Hôm sau, Cúc vẫn đi làm bình thường..."

Nội dung bài báo sau đó cho biết "trợ lý" mà cô Cúc đã chọn cho mình để chống lại những khoảnh khắc suy kiệt do công việc là cocain, là loại ma túy kích thích rất hiểm ở Việt Nam. Bài báo còn kể lại những "trợ lý" khác đang giúp việc đắc lực cho giới *showbiz* ở nước ta, tuy không kể tên nhưng qua cách dùng có thể biết, đó là thuốc lắc, ma túy đá... Những thứ giúp "vừa giải khuây vừa giảm cân" hay "tôi không tả được cảm giác phê nó như thế nào, chỉ nghe bạn bè nói lại, nhìn mặt người phê trông rất xinh và điều đó làm tôi thích".

Mới đây có một số thông tin về vụ "tem giấy", còn gọi là "bùa lười" đang được một bộ phận không nhỏ học sinh tại nhiều nơi trong nước ta, đặc biệt TP.HCM, sử dụng dán vào lưỡi. Loại "tem giấy" bí hiểm có nhiều giá rất khác nhau, được lấy từ miếng bìa giấy, mỗi bìa gồm 25 con tem giấy vuông, có kích cỡ hơn 1,5cm. Nguy hiểm ở chỗ tem giấy được tung ra nhắm vào đối tượng học sinh, các em chưa ý thức được trong tem giấy chứa

chất nguy hiểm mà chỉ nghĩ đơn giản là một thứ trò chơi vô hại. Thực chất mỗi con tem giấy được tẩm hóa chất LSD - một chất ma túy gây ảo giác. LSD (lysergic acid diethylamide, tiếng Đức là lyserg sauer diethylamid)) là một hóa chất được tìm ra vào năm 1943, nhằm chế tạo thuốc trị bệnh thần kinh-tâm thần nhưng chẳng ngờ nó gây ảo giác dữ dội được liệt vào chất cấm chứ không dùng trong điều trị.

Thêm nữa, cách đây không lâu, báo chí đưa tin một bộ phận giới trẻ ở nhiều nơi trong TP.Quảng Ngãi, TP.Thủ Dầu Một (Bình Dương), TP.Hồ Chí Minh, TP.Cao Lãnh (Đồng Tháp) có thú tiêu khiển nguy hiểm là hít keo con chó.

Keo con chó được gọi như thế vì tên nhãn hiệu của nó là DogX-66 (Dog là tiếng Anh chỉ con chó). Đây là loại keo dùng để dán gỗ, giày dép, ống nhựa... được chế biến bằng cách hòa tan một loại keo làm dính trong dung môi hữu cơ để thành chất lỏng, khi cho chất keo lỏng này tiếp xúc với không khí, dung môi sẽ bay hơi thành khí có mùi đặc trưng của dung môi đó. Dung môi thường dùng hòa tan các chất hữu cơ, trong đó có keo dính, là methylen clorid, ethyl acetat, toluen, cyclohexan, xylen... Khi hít các dung môi này vào đường hô hấp có khi sẽ có vị ngọt, còn mùi thì có nhiều loại tùy dung môi, người thấy thơm nhưng có người cảm thấy rất khó chịu. Điều đáng nói là dung môi ở trạng thái khí rất dễ thâm nhập vào hệ thần kinh trung ương sau khi hít, để gây trạng thái lâng lâng và nhiều cảm giác có vẻ huyền ảo. Hít keo con chó là một loại dùng chất gây nghiện, gọi là *ngihten hít khí* (inhalant abuse). Thực chất nghiện hít keo con chó cũng là nghiện chất gây ảo giác.

Những "trợ lý" cực kỳ nguy hiểm là ai?

Xin kể những "trợ lý" cực kỳ nguy hiểm đầu tiên là nhóm các ma túy thật sự như thuốc phiện, heroin, cocain... Riêng cocain là hoạt chất chính trích từ cây

Coca (*Erythroxylon coca*, họ *Erythroxylaceae*). Cocain là ma túy gây kích thích không có ở Việt Nam trước đây nhưng qua bài báo kể trên, người nước ngoài có thể mang vào nước ta một cách bất hợp pháp bất cứ lúc nào.

Những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm loại thứ hai là những chất gây ảo giác (hallucinogens). Gọi là chất gây ảo giác là chất gây nghiện khi sử dụng đưa vào cơ thể gây nên sự hư hỏng tạm thời về mặt ý thức, liên quan đến sự nhận định sai lạc về không gian và thời gian. Đó là cần sa, còn gọi là bồ đề, là lá của cây *Cannabis sativa* họ *Cannabinaceae*. Riêng LSD là hóa chất *lysergic acid diethylamid* (LSD là chữ viết tắt từ tiếng Đức *lyserg sauer diethylamid*) gây nghiện rất nhiều ở phương Tây nay có nhiều nguồn tin cho thấy đã du nhập vào Việt Nam dưới dạng “tem giấy”.

Ở ta cũng đã du nhập “cỏ Mỹ”, thực chất có tác dụng gây ảo giác giống y như cần sa. Đó là các gói thảo mộc khô cắt sợi nhỏ, được tẩm một số hoạt chất và có mùi hương đặc trưng. Tiếng nước ngoài gọi “cỏ Mỹ” là gia vị (spice), là cần sa tổng hợp (synthetic cannabis), cần sa hợp pháp (legal marijuana), chất giống cần sa (cannabinoid). Thực chất “cỏ Mỹ” không phải là cần sa nhưng nó tác dụng gây ảo giác giống y cần sa. Cần sa thuộc loại ma túy bị cấm, còn “cỏ Mỹ” không phải cần sa nhưng chứa chất giống như cần sa mà không bị cấm nên người ta gọi nó là cần sa hợp pháp. Hoạt chất chính có trong “cỏ Mỹ” là XLR-11 (tên khác là: 5-fluoro-UR-144). Đây là một hóa chất do Công ty Dược phẩm Abbott tìm ra có tác dụng hạ sốt (hypothermic) nhưng sau đó người phát hiện nó gây ảo giác giống y như cần sa. Thế là từ năm 2012, “cỏ Mỹ” được dùng như cần sa hợp pháp và được giới trẻ lạm dụng rất nhiều.

Những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm loại thứ ba là những chất gây nghiện có tác dụng kích thích hệ thần kinh trung ương. Đó là thuốc lắc (còn có tên ecstasy, MDMA viết tắt của methylen dioxy methamphetamin), ma túy đá (methamphetamin). Dân chơi ở xứ ta gọi ma túy đá vì tiếng lóng dân chơi Anh Mỹ gọi là ice (nước đá). Đặc biệt, thay vì được uống như thuốc lắc là dạng thuốc viên nén, ma túy đá có dạng tinh thể lỏng lạnh như hạt nước đá được đốt lên để hút (gọi là “đập đá”) sẽ cho tác dụng “phê” rất nhanh và kéo dài. Trong năm 2011, Bệnh viện Tâm thần TP.HCM nhập viện cấp cứu 113 bệnh nhân và 560 bệnh nhân đến khám điều trị ngoại trú vì các triệu chứng hoang tưởng ảo giác và rối loạn hành vi liên quan đến ma túy đá.

Mới đây còn có cây “khat” (có tên khoa học *Catha edulis*, họ *Celastraceae*) được nhập lậu vào Việt Nam với số lượng rất lớn hàng chục tấn, cũng được xếp nhóm kích thích hệ thần kinh trung ương và được gọi là cây Thiên đường vì kích thích làm cho hết buồn bã, phiền muộn.

Dùng “trợ lý” là chất kích thích gây ảo giác, người dùng không chỉ được kích thích giải khuây, yêu đời, không biết mệt mỏi dù làm việc kiệt sức, mà người

dùng còn được giảm cân do gây chán ăn. Đây là những tác dụng mà giới *showbiz* kể ở trên rất cần trong nghề nghiệp của họ.

Tóm lại, những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm chính là những chất khi sử dụng sẽ gây hư hỏng tạm thời về mặt ý thức đưa đến sự nhận định sai lệch, méo mó về không gian, thời gian để có được cái gọi là “khoái cảm”, sáng khoái tốt độ.

Tại sao con người lại cần đến những “trợ lý” nguy hiểm?

Những yếu tố được ghi nhận dẫn đến tình trạng lạm dụng và lệ thuộc các chất gây nghiện vừa kể như sau:

Những yếu tố ràng buộc về thể chất:

- *Sự mệt mỏi*: học thi, làm việc đêm (ca hát, viết văn, nhân viên y tế trực đêm bệnh viện).

- *Sự đau đớn do bệnh tật*: một số người bị đau dạ dày, đau xương khớp, suyễn... và họ đã tìm đến những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm để giảm đau.

Những yếu tố ràng buộc về mặt tâm lý:

- *Tìm khoái cảm, sáng khoái*.

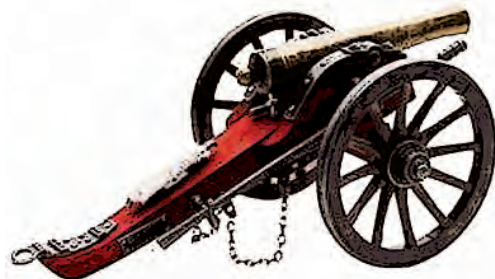
- *Tò mò, do sự rủ rê của bạn bè*: đây là yếu tố thúc đẩy chủ yếu của các bạn trẻ tìm đến ma túy, chất gây ảo giác, chất kích thích trong khi chưa đủ nhận thức để hiểu đây là những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm.

- *Lo âu*: về gia đình, về bản thân, về thời cuộc (theo lời kể của người nghiện ma túy, mỗi khi có chuyện gì phải lo lắng, khó giải quyết, tác dụng ma túy, chất gây ảo giác, chất kích thích giúp triệt bỏ sự lo lắng đó một cách dễ dàng).

- *Buồn chán*: thất vọng về gia đình, thất bại trong tình yêu, trong công việc, chán nản do thời cuộc, thanh niên sống trong gia đình quá dư dả.

Rốt lại, con người tìm đến những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm chỉ nhằm đạt được thứ “hạnh phúc” mà cái tôi của con người tội nghiệp đó nghĩ tưởng. Cái tôi luôn luôn vận hành trong sự lo âu, sợ hãi, thất vọng, tức giận, đau khổ nên thường đồng hóa hạnh phúc là dục lạc, khoái cảm, là sự an bình giả tưởng trong cảm giác cảm xúc khi bất ổn. Và con người lao mình, đắm chìm trong sự kích thích và ảo giác mà các “trợ lý” đưa đến. Đang nhìn cuộc đời màu xám xịt, nhờ những “trợ lý” cực kỳ nguy hiểm người ta nhanh chóng đạt được sáng khoái, thần kinh được kích thích, có sự rối loạn trong suy nghĩ, cười không kiểm soát để thấy cuộc đời có màu hồng thật tươi. Rồi trí não bắt đầu bị ảo giác, mất các khái niệm về thời gian, không gian để thấy bản thân không còn sâu ải, khổ não nữa. Và thế là đi đến hại mình, hại người.

Đức Phật là bậc Giác ngộ về sự khổ. Ôi, rất mong ngay từ thời rất trẻ, người người thấu hiểu, thực hiện Ngũ giới cấm, thẩm nhuần thuyết vô ngã mà Đức Phật đã thuyết giảng. Làm sao người ta phục tùng cái tôi chạy theo dục lạc, khoái cảm khi thấu hiểu đó chỉ là ảo tưởng, và sự thật chỉ là “vô ngã”? ■



Thụ hưởng và nhái

HỒ ANH THÁI

Bên lề sa mạc Thar ở miền Tây Bắc xứ Ấn có thành Jodhpur đồ sộ. Phía trên tường thành có hàng chục khẩu thần công khổng lồ, chĩa nòng từ trên cao xuống dưới. Tôi rất ấn tượng trước những khẩu thần công xếp thành hàng đều tăm tắp, không còn nóng bỏng khói lửa chiến tranh mà đã lạnh toát từ lâu, nhưng vẫn toát ra uy lực của vũ khí. Dù gì thì du khách cũng hào hứng thay nhau đứng chụp ảnh trước cả một hàng dài thần công như vậy. Đùa cả với cái thứ gây chết chóc một thời. Tôi còn tạo thế chụp ảnh bằng cách làm như đang gò lưng đẩy khẩu thần công to như cái cột đình, như thể nó có thể rơi từ trên đỉnh tường thành xuống.

Từ đấy, mỗi khi ghé vào một cửa hàng thủ công mỹ nghệ trên đất Ấn, tôi thường để ý đến những khẩu thần công. Nhỏ bằng ngón tay cho đến to như thân cây tre. Mô phỏng hệt như khẩu thần công ở thành Jodhpur và các tòa thành khác ở Ấn Độ. Cũng hai bánh xe để đẩy nòng súng đi. Cũng cái nòng trơn tru có thể nâng lên hạ xuống. Chất liệu bằng đồng vàng chóa hoặc đồng đen. Tôi đã mua mấy khẩu thần công kích thước khác nhau, giữ làm kỷ niệm và tặng bạn bè.

Cái khẩu thần công ấy còn vượt ra khỏi biên giới xứ Ấn. Trong một số cửa hàng lưu niệm ở Thụy Điển, Đan Mạch, tôi lại nhìn thấy nó. Đứng cùng những đồ đồng mà nhìn thoáng đã biết là nhập từ Ấn Độ. Như gặp lại người quen ở giữa xứ Bắc Âu. Tôi không cảm lòng được mà một lần nữa lại bỏ tiền Bắc Âu để mua lấy khẩu thần công Ấn Độ.

Rồi vào dịp nghìn năm Thăng Long, tình cờ thấy trên truyền hình mấy khẩu thần công bằng đồng, tưởng gặp lại cổ nhân cổ vật xứ Ấn. Mấy khẩu thần công này bày trên mặt bàn, rồi một vị được giới thiệu là đại tá, chắc là cán bộ kỹ thuật quân đội, cho biết, đại ý tôi đã dành mười năm nghiên cứu để làm ra sản phẩm này. Mười năm. Để kỷ niệm nghìn năm Thăng Long.

Mười năm nghiên cứu trong một sự nghiệp công chức trên dưới ba chục năm. Không phải là thời gian ngắn. Công phu vì thế cũng không nhỏ. Thành tích vì thế cũng có thể được nghiệm thu đánh giá cao. Chẳng biết đó là công trình cấp nhà nước hay cấp bộ, tiêu tốn của dân ít hay nhiều.

Nhưng mà thủ giống thủ xôi giống xôi. Đúng cái bản khoản như chuyện ông thầy bói ngày xưa, trước cái thủ cái xôi giống giống xem xem. Mấy cái khẩu thần công ấy giống hệt mẫu mã của đám thần công bày bán la liệt ở

Ấn Độ, ở Bắc Âu, làm vật lưu niệm, làm đồ chơi. Có chuyện phạm bản quyền ở đây không? Có chuyện đạo ý tưởng theo kiểu đạo văn ở đây không? Hay chỉ đơn giản là những tư tưởng lớn gặp nhau?

Giả sử những nghi vấn trên là không đúng thực tế. Vậy thì buồn ơi, chào nhé. Mất đến mười năm để loay hoay nghiên cứu làm ra một mặt hàng đã ề hể đại trà khắp xứ người. Lại còn dán nhãn to tát để kỷ niệm đại lễ. Buồn ơi, chào nhé.

Không có môi trường sáng tạo. Chỉ là môi trường hưởng thụ và cóp-pi. Nhái. Nhại. Nhái hay nhại thì cũng thế, chỉ là bắt chước. Hưởng thụ: những phát minh gì mới thì được thu nhận ngay, hưởng ngay những thành quả sáng tạo của bên ngoài. Một cái mới vừa xuất hiện ở Âu - Mỹ, đã lập tức có ngay ở xứ mình. Hưởng thụ thì rất nhanh, rất gấp, rất vội. Còn khi đã dốc lòng dốc sức tìm tòi, thì cái tìm tòi hóa ra đã được xứ người tìm thấy từ lâu, đã thành thứ đại trà thông thường từ lâu.

Trân trọng những nỗ lực tìm tòi theo kiểu Hai Lúa tự chế trực thăng, sinh viên và kỹ thuật viên làm robot, nhưng người ta không thể không thấy rằng đó là kiểu nỗ lực cũ người mới ta. Không sáng tạo ra cái mới, chỉ là đồ công đồ của để mô phỏng những gì mà nhân loại đã sáng tạo ra từ lâu. Dù có chế tác nó trong điều kiện của riêng ta, bằng nguyên vật liệu của xứ ta, thêm thắt những ý tưởng nho nhỏ của ta, thì không ai hồn nhiên mà nghĩ rằng đó là phát minh.

Ông bạn lảng giềng vốn khét tiếng về đồ nhái đồ cốp đồ rơm. Cứ ngồi yên chẳng cần phát minh, chờ xem ở đâu có phát minh mới là nhại là nhái. Phát minh vừa tung ra là chộp ngay, cốp ngay, rồi sản xuất đại trà. Không tốn tiền trả phí phát minh, không quá tốn tiền trả công lao động rẻ mạt, cứ thế mà nhân ra, giá rẻ bất ngờ, cứ thế mà phá giá. Cánh Âu - Mỹ phát minh hận lắm, tìm cách tẩy chay hàng hóa của ông bạn, tẩy chay mọi hoạt động của ông bạn, tìm cách trừng phạt ông bạn. Nhưng chỉ là sự trừng phạt một ông khổng lồ.

Ta không khổng lồ, và sự nhái sự cốp cũng chưa đến ngưỡng đáng cho người ta trừng phạt. Chỉ là phải biết mà ghi nhận với nhau rằng sản phẩm của ta hầu như đều chưa phải là sáng tạo, mới chỉ là sự loay hoay nỗ lực tìm tòi trong những gì sẵn có.

Không phải chỉ khuôn lại trong riêng chuyện khẩu thần công. ■



Đừng dạy con thời xấu

NGUYỄN THANH VŨ

Cách đây hơn một tuần, tôi có xem trên trang Youtube một đoạn clip về bé gái đang đóng kịch với một phong cách rất ư là người lớn. Thực ra clip này cũng khá lâu, vài năm rồi, nhưng nay được người bạn chia sẻ nên tôi hiểu kỳ xem thử. Nội dung cô bé diễn cảnh mắng ... chồng té tát qua điện thoại. Mặc dù đây chỉ là đóng kịch, nhưng thật hết hồn khi nghe bé nói: *"Bây giờ em sẽ ở với chồng khác mà không ở với anh..."* (!?). Hình ảnh này chẳng hay ho gì nhưng gia đình cô bé (đang quay phim) tán dương nhiệt liệt, còn làm "đạo diễn" cho bé tiếp tục diễn. Liệu đây có phải là điều bé nên làm?

Chắc rằng có nhiều người cho là bé gái này lanh lợi, quá giỏi vì chỉ mới tí tuổi đầu đã làm được điều mà các bé khác không thể. Tuy nhiên điều đó mới chỉ ở mức độ bé có năng khiếu diễn xuất được bộc lộ từ nhỏ, chứ chưa gọi là giỏi. Tiếc là cha mẹ bé không biết tận dụng năng khiếu đó để cho bé tham gia các hoạt động văn nghệ ở trường, nhà thiếu nhi, ngược lại còn cổ vũ, đẩy bé vào mặt xấu.

Thực tế cho thấy, ngày nay có rất nhiều bậc phụ huynh không nhận ra rằng mình đang dẫn con vào những cạm bẫy của người lớn ngay khi trẻ còn rất thơ dại. Trẻ con như trang giấy trắng không vấy mực, không biết điều gì đúng, điều gì sai, nên khi thấy cha mẹ vỗ tay tán thưởng thì trẻ tưởng đó là điều tốt rồi cố gắng phát huy. Và như thế tư tưởng này cứ ngấm ngấm trong đầu trẻ ngày một tăng cao, khiến trẻ rất dễ trở thành kẻ xấu trong tương lai gần.

Một số cha mẹ xem con mình làm điều xấu như là niềm hãnh diện vô cùng. Như cách đây vài tháng, đến nhà người bạn chơi, tôi được chứng kiến cách dạy con tiêu cực của bạn. Bé mới năm tuổi, rất đáng yêu, nhưng cháu làm tôi cảm thấy khó chịu khi cha nó bảo "chửi thể cho chú nghe đi con", đứa bé đã liên tục phát ra mấy câu nói tục tĩu lâu lâu, như một chú vẹt học nói. Sau đó cha đứa bé còn phá lên cười rất ư là tự hào, còn khen: "Con hay lắm!". Có lẽ, đứa bé đã được cha nó "huấn luyện" ngay từ rất nhỏ. Hay có nhiều cha mẹ thương con quá mức, muốn tiền có tiền, muốn quà có quà, mà không hiểu những hệ lụy từ đó. Đa số các trẻ cầm số tiền lớn mà ba mẹ cho đều sử dụng sai mục đích, như: chơi game, mua những trang phục đắt tiền, khao bạn bè vô tư... Chính vì sự nuông chiều đó dẫn đến việc trẻ vô vịnh, giận lẫy, làm nũng... khi cha mẹ từ chối yêu cầu. Và điều đó kéo

theo hàng loạt những tiêu cực sau này như trẻ ăn cắp vặt, hỗn hào với cha mẹ, chứng tỏ cái tôi quá lớn...

Trường hợp cô bé B. 13 tuổi làm người mẫu là ví dụ điển hình cho việc cha mẹ kéo con đến gần với cái xấu. Chỉ mới ngần ấy tuổi mà cô bé tỏ ra mình khá già dặn bằng những màn trình diễn thời trang không hợp với độ tuổi. Chẳng hạn như biến thành cô dâu diện mẫu áo cưới gợi cảm, là lơi trên sân khấu bên cạnh các người mẫu nam trưởng thành. Hoặc trong đoạn quảng cáo sản phẩm trị mụn, cũng cô bé này đã tỏ ra mình là người sành sỏi khi rung động, tình tứ bên người mẫu nam H. Hay ca sĩ P. mới nổi lên từ một cuộc thi, chưa học hết cấp hai nhưng lại hát những bài yêu đương đôi lứa nồng tình, ai oán.

Lẽ ra, với độ tuổi này, cha mẹ nên cho con chuyên tâm học tập hơn là tham gia các hoạt động nghệ thuật xô bồ. Mà nếu có tham gia nghệ thuật thì cũng chỉ là các hoạt động mang tính nhân văn, đúng với độ tuổi của trẻ, chứ không vì lợi ích trước mắt mà để tuổi thơ của trẻ bị đánh cắp. Bởi sau này trưởng thành, cô bé sẽ cảm thấy ray rứt vì tuổi thơ của mình chóng vánh quá, đến nỗi chỉ một cái chớp mắt là đã già mất rồi. Và biết đâu, vì đam mê vẻ hào nhoáng của sàn diễn thời trang, trẻ có thể dở dang chuyện học hành và thay đổi phong cách từ hồn nhiên, giản dị đến xa hoa.

Giáo dục con cái không hề đơn giản nhưng cũng không quá khó nếu phụ huynh biết quan tâm chu đáo đến trẻ, tham khảo ý kiến, học hỏi kinh nghiệm của một số cha mẹ khác thành công trong việc dạy con, từ các chuyên viên tư vấn tâm lý. Hoặc có thể nghiên cứu các loại sách dạy con có tính giáo dục cao, được nhiều bậc cha mẹ ưa chuộng. Cũng có trường hợp nhiều đứa trẻ trưởng thành quá sớm nên vấn đề tâm sinh lý cũng thay đổi phức tạp theo. Điều đó cần phải có sự quan tâm đặc biệt của cha mẹ đối với trẻ. Thường xuyên theo dõi những thay đổi mỗi ngày của trẻ để có biện pháp hữu hiệu trong việc giáo dục. Tuyệt đối không nên chạy theo ý thích của con, nghe những lời dọa "động trời" của con khiến cha mẹ hoảng sợ, vội vàng làm "nô lệ" thói xấu mà con vẽ ra. Mà nên đưa ra chính kiến, khuyên răn con trẻ một cách cứng rắn, dứt khoát, thậm chí phải phối hợp với nhà trường để việc dạy dỗ hữu hiệu hơn. Sợ chỉ giáo dục con trẻ hết sức mong manh, có thể xảy ra hai hướng tốt và xấu bất cứ lúc nào. Nhưng nếu cha mẹ là những vị phụ huynh gương mẫu thì dù trẻ có chạm ngưỡng tiêu cực, cha mẹ cũng luôn luôn có thể kéo trẻ về hướng tích cực. ■



Chuyện về danh và tiếng

Bài & ảnh: **TRỊNH CHU**

Có câu chuyện thế này: Một nhà thơ nọ, trong buổi ra mắt cuốn sách mới của bạn mình, chỉ vì MC (người dẫn chương trình) chưa kịp giới thiệu cho quảng đại quần chúng biết ông đang có mặt, thế là máu tự ái nổi lên, nhà thơ nọ lập tức bỏ về, mặc cho ngoài trời mưa đang tầm tã trút. Sự cố đó nhanh chóng rơi vào mắt mọi người. Người ta bắt đầu xì xào, bàn tán: “Văn nghệ sĩ mà thế ư?”. Tôi không rõ đây là một lời trách móc hay đơn thuần chỉ là sự cảm thán ngán ngẩm trước thói hợm đời, háo danh phách lối.

Thấy đám đông người nhộn nhạo, ông họa sĩ đi cùng nhà thơ nọ lập tức đăng đàn. Tôi nghĩ chắc ông họa sĩ sẽ nói đỡ cho bạn mình đôi lời, ví như anh ấy có việc đột xuất hoặc vì lý do cá nhân cần giải quyết gấp nên việc ra về là chẳngặng đùng, thì vị họa sĩ này lại để vào một câu nghe ra rất tê tái: “*Những lần tổ chức sau nhớ rút kinh nghiệm! Đừng để người ta phải tự ái mà bỏ ra về!*”, rồi hướng mắt về phía ban tổ chức có ý nhắc nhở.

À, thì ra là thế! Tự ái nên bỏ ra về!

Nghe đến đây, tôi chợt nhớ tới một bức ảnh được nhiều người cho rằng kỳ lạ, bức ảnh về bà Hillary Clinton, ứng viên Tổng thống Mỹ, vừa được trang mạng xã hội *Cnet* đăng tải hôm 25 tháng 9. Theo nhiều người, bức ảnh đó kỳ lạ ở chỗ nó cho thấy một “thảm họa của nhân loại”.

Nói là “thảm họa” vì bà Hillary Clinton đứng trên bục phát biểu và vẫy tay chào mọi người đang tập trung rất đông trước mặt. Thế nhưng, tất cả đều quay lưng lại rồi giơ chiếc điện thoại lên chụp selfie (ảnh tự sướng) chứ không phải để nghe bà phát biểu. Đám đông người chụp “ảnh tự sướng” có thể chỉ là phần mái tóc hoặc phần trán của họ nhưng điều quan trọng là có bà Hillary Clinton làm nền ở phía sau.

Cùng với đăng tải bức ảnh, trang *Cnet* còn viết một bức thư mang tính châm biếm gửi đến những người nổi tiếng. Nội dung của bức thư như sau: “*Người nổi tiếng thân mến! Nếu chúng tôi muốn hình ảnh của mình*

xuất hiện cùng các vị, chúng tôi sẽ quay lưng lại với các vị. Xin đừng cảm thấy bị xúc phạm. Đơn giản vì danh tiếng của các vị đã không còn đủ cho chúng tôi nữa. Chúng tôi cần gắn hình ảnh của mình với sự nổi tiếng của các vị, để có thể đăng tải những bức ảnh của mình lên Twitter, Facebook và Snapchat. Bằng cách đó, chúng tôi tạo được sự nổi tiếng nho nhỏ của riêng mình. Và đây có thể là mức độ nổi tiếng lớn nhất mà chúng tôi đạt được.”

“Chúng ta đang ngày càng muốn được người khác nhìn thấy, thay vì nhìn vào người khác. Ta không hề tới nơi nào đó để trải nghiệm, mà chỉ nhằm mục đích cho kẻ khác ‘nhìn thấy’ mình đã góp mặt tại đó mà thôi”, trang *Cnet* bình luận.

Hai câu chuyện, một vấn đề, vấn đề về danh và tiếng. Ừ, thì cũng dễ hiểu thôi! Mua danh ba vạn, người xưa chẳng nói rồi còn gì? Nhưng ý các cụ nhà ta là danh cho xứng đáng danh, tiếng cho rõ ràng là tiếng. Còn phải tìm đủ mọi cách để được nổi tiếng, kể cả việc dựa hơi người nổi tiếng như cái cách đám đông trong bức ảnh đang làm với bà Hillary Clinton, thì các cụ nhà ta tuyệt đối tránh. Vậy mà, văn minh như người Mỹ cũng không thoát khỏi cái bả hào huyền đó và nhà thơ nọ hẳn cũng rất khó nuốt trôi sự vô danh nên mới có phản ứng như vậy!

Tôi nghĩ, rằng con người ta sống trong đời, mỗi người một cách sống, mỗi đời người một cách lập và xưng danh. Chẳng cứ việc gì cũng phải là ta đây, ta là... thì cái danh kia mới nổi, mới kêu, mới oách. Im nghe mình thờ, tự ẩn vào góc khuất lấp cũng là một cách... xưng danh. Chỉ khác là xưng bằng sự im lặng. Cứ như núi cao, như rừng thẳm, như cỏ cây có tên và không tên, sống mặc nhiên, như nhiên chẳng thiết gì đến việc tranh không giành đại, có danh hoặc vô danh. Sống đến tận cùng, hóa thân đến tận cùng, như sông thì phải chảy, như núi thì phải xanh thế mới là người biết sống. Bởi nói cho cùng, sự vô danh tự thân đã là một giá trị. Nó giống như màn đêm đen kịt ở ngoài xa kia, vào một đêm nào đó, ta ngó nhìn bầu trời và nhận ra nhờ có nó làm nền mà các vì sao hoặc người hữu danh hiển lộ. ■

Hoa lộc vùng Hồ Gươm

NGUYỄN VIỆT HÀ

Bao giờ cũng vậy, khi tiết trời Hà Nội sang thu, nắng vàng dịu nhẹ có màu mật ong óng ả trải đều trên mái phố rêu phong trầm mặc, những cơn gió heo may se se lạnh từ phương Bắc tràn về, và lá vàng rơi rụng, hương cốm, hương hoa sữa thơm nồng nàn ngập tràn muôn nẻo, thì cũng là thời khắc hai cây lộc vùng bên Hồ Gươm bước vào mùa nở hoa. Thực ra thì loài cây này nở hoa quanh năm, nhưng chúng nở rải rác, nở ít hoa ở các thời kỳ, còn nếu phải gọi mùa hoa nở chính của chúng là ở thời khắc đầu hè và khi sang thu. Quanh Hồ Gươm có rất nhiều các loài cây xanh, từ phượng vĩ, bằng lăng, sấu, hoa sữa, muồng, điệp, xà cừ,... cho tới những loài gỗ quý như sưa, tếch... Và tất cả những loài cây xanh đa chủng loại ấy đã tạo nên một Hồ Gươm quanh năm lúc nào cũng có hoa nở. Thế nhưng, đáng chú ý và “đặc biệt” hơn cả có lẽ là hai cây lộc vùng bên bờ Bắc của hồ, phía trước Sở Điện Lực thành phố. Sở dĩ tôi gọi sự hiện diện của hai cây lộc vùng này là... đặc biệt bởi lẽ chúng đều là cổ thụ, khi tuổi đời của mỗi cây lên đến hàng mấy trăm năm, thậm chí là hơn thế nữa.

Chúng đứng cách nhau chừng mấy chục thước, và có vóc dáng khác nhau, một cây thì thân to vươn thẳng tỏa bóng xum xuê, còn một cây xuất phát từ một thân mầm nhưng khi chỗi khỏi mặt đất lại vươn lên thành chín nhánh, mà những người dân sống quanh đây vẫn gọi cây lộc vùng này là “cây chín gốc” đầy thân thương. Tuy khác nhau về chỗ đứng, dáng vóc hình hài, nhưng chúng đều là cổ thụ, cùng loài lộc vùng, và cùng trở hoa hình dây màu đỏ tươi với sắc hương dịu nhẹ thơm mát.

Nếu như vào mùa hè, lộc vùng nở hoa bên Hồ Gươm ít giành được sự chú ý của nhiều người trước nhiều loài cây đô thị khác đua nhau khoe sắc đua hương, thì khi sang thu, lúc này ngoài hoa sữa ra thì có rất ít cây đường phố trở hoa, mùa lộc vùng nở lần thứ hai trong năm đã thu hút rất nhiều người tới đây chiêm ngưỡng vẻ đẹp rực rỡ của hoa.

Suốt từ sáng sớm tinh sương, cho tới tối mịt, thậm chí là cả về đêm, dưới hai cây lộc vùng luôn có hàng trăm người tới đây ngắm hoa, trong đó có không ít du khách nước ngoài. Dường như mắt ai cũng không thể bỏ qua trước các chùm hoa hình dây buông dài xuống phía dưới, tựa các sợi mảnh hoa đầy lãng mạn, đung đưa trong gió

thu mơn man. Hai cây lộc vùng này từ xưa đã là chốn thả tâm hồn và lưu lại cảm xúc hình ảnh của biết bao nghệ sĩ nhiếp ảnh chuyên nghiệp, cũng như nghiệp dư. Rồi thì, nhiều nhà văn, nhà thơ cũng xuất thần thi cảm sáng tác với đề tài xuất phát từ vẻ đẹp diễm kiều đầy mê hoặc của lộc vùng. Có lẽ bất cứ một ai có máy ảnh, có điện thoại có chức năng chụp hình, khi đi qua đây giữa mùa lộc vùng nở hoa lại từ chối lưu lại những bức ảnh đẹp khiến họ ngẩn ngơ. Mùa này, hai cây lộc vùng bên hồ cũng là chốn để các đôi uyên ương, trước khi xây tổ ấm tới đây để chụp ảnh cưới, khi mỗi ngày có đến cả trăm đôi. Không chỉ các đôi trẻ sống tại thành phố, mà nhiều đôi sinh sống tại các vùng miền lân cận, do mê mẩn vẻ đẹp của Hồ Gươm cổ kính, của hoa lộc vùng..., nên cũng cất công tới lưu lại những khoảnh khắc đẹp trong đời để làm kỷ niệm...

Cái đẹp của lộc vùng nở hoa vào mùa thu là khi này các cọng lá trên cành của cây bắt đầu vàng và trút xuống, trong khi các dây hoa thì vẫn đang thi nhau... buông mảnh khoe sắc. Chẳng vậy mà nhiều cảnh nhìn khẳng khiu, trơ trụi lá vậy mà sức sống thì vẫn khỏe, mà bằng chứng là các chùm hoa vẫn đang thời xuân sắc khoe hương... Quãng thời gian mà lộc vùng nở hoa trong tiết thu kéo dài khoảng vài tháng, nghĩa là gần tới tiết đông sang, khi hơi lạnh của những cơn gió mùa đông bắc tái tê tràn về. Thế nhưng, lúc mà lộc vùng nở hoa được coi là đẹp nhất, quyến rũ nhất là ở thời điểm giữa thu, khi lúc này hoa nở với mật độ dày đặc, các chùm dây hoa đỏ tươi, và cánh hoa rơi rụng xuống đất, xuống mặt hồ đã tạo nên một tấm thảm hoa màu đỏ dày tới cả vài phân. Muốn ngắm tấm thảm hoa lộc vùng dưới gốc cây, dưới mặt nước Hồ Gươm đẹp như trong cổ tích như vậy, du khách chỉ có thể trở giấc và tới đây vào trước lúc bình minh, khi mà những người lao công quét dọn vệ sinh còn chưa bắt đầu một ngày làm việc mới của mình.

“Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội...”, không chỉ có hương hoa sữa nồng nàn, của hương cốm, của heo may, của phố cổ rêu phong trầm mặc, của những trái sấu chín cô đơn rụng hoài trên mái phố... mà ở đó còn có Ba Đình lịch sử, có Hồ Gươm huyền thoại - nơi có hai cây lộc vùng vào những mùa nở hoa đẹp đến mê hồn, làm ngẩn ngơ biết bao những tao nhân mặc khách... ■

Phía sau sự tiễn biệt...

PHẠM THỊ THANH VÂN

Năm 1984, chú chó Mino nhà tôi qua đời. Bố mẹ và các anh chị em tôi ai cũng buồn nhớ. Sau mất mát đó, cả nhà đều đồng ý là sẽ không nuôi một con vật nào cả để tránh lặp lại ký ức đau buồn đó.

Nhưng, mọi việc ở đời đều do một chữ duyên ngăn ngui mà hàm chứa biết bao ân nghĩa; để rồi, hơn hai mươi năm sau, năm 2009, một vị thầy quen biết đem cho gia đình tôi một chú chó nhỏ giống Chihuahua lai Terrier của Anh. Nó chưa đầy tuổi, bé nhỏ với bộ lông màu vàng nâu, hai tai và cặp mắt to. Thấy mua nó ở chợ bán chim chó đường LHP, một nơi mà mỗi lần có việc đi qua, tôi luôn thấy lòng nặng trĩu với bao ánh mắt buồn bã bên trong những chiếc cũi chật chội của những thân phận phải chịu cảnh cá chậu chim lồng.

Thầy cho vì nó rất khó ăn, mà thầy thì lại bận việc chùa không có thì giờ để lo cho nó chu đáo. Lúc đầu, nhà tôi không có ý định nuôi, nhưng khi nhìn thấy nó ốm yếu, lại biết được mua từ chợ về, lạc cha mẹ, lạc chủ nên tội quá, bèn nhận nuôi; mà chắc cũng có nhân duyên với nhau từ đời trước, nên vừa nhìn thấy, cả nhà tôi ai cũng đều thương nó.

Nhà tôi đặt tên cho nó là Lucky, với mong ước là cuộc đời nó luôn gặp may mắn, an lành. Lucky là một chú chó khôn ngoan, hiền hòa, rất ít phá phách như những con chó nhỏ khác. Ngày mới về, nó rất nhút nhát, e dè và có phần sợ sệt. Tôi thương nhất là đôi mắt, một đôi mắt luôn ướt và giàu cảm xúc. Thế là gia đình tôi đón Lucky như đón một sinh vật bé nhỏ, một thành viên mới cần được chăm sóc và thương yêu. Chẳng mấy chốc, giữa chúng tôi đã thân thuộc với nhau như từ lâu lắm. Nếu còn bố tôi thì Lucky đã nhận thêm được tình thương yêu từ ông, vì ông rất thương súc vật. Tôi còn nhớ, lúc trước, bố tôi thường gọi Mino đã mất với tiếng con vô cùng trìu mến.

Lucky là một chú chó trung thành, khôn ngoan, hiền hòa và hiếu khách, giữ nhà giỏi, bắt chuột bắt gián hay nhưng không bao giờ ăn thịt chúng; do tiếng sủa to và uy lực nên chuột rất sợ, từ ngày có Lucky hiện diện là chẳng có con chuột nào dám chạy vào sân, vào nhà.

Gia đình tôi vì thế cũng đỡ phải bận tâm. Mỗi khi thấy khách quen hay đồng loại là nó lại ngoắc cái đuôi ngắn ngủn như một bông hoa mừng rỡ. Thương nhất là cái nét ăn, nét ở; chẳng bao giờ ăn vụng hay sủa ầm ĩ mỗi khi muốn ăn, mà nó chỉ biểu lộ nhu cầu qua đôi mắt; nuôi dần biết ý, nên chúng tôi chỉ cần hỏi là nó biểu lộ sự đồng ý bằng cách ngoắc đuôi.

Tôi rất thích hình ảnh Lucky ngồi dưới chân mẹ tôi trên chiếc ghế dựa nhìn ra sân, ngồi để bảo vệ bà và để được bà xoa đầu, vỗ về, trò chuyện mỗi khi nhà vắng vẻ vì chúng tôi bận đi làm. Mọi biến cố buồn vui trong gia đình tôi đều có Lucky chia sẻ với những hành động giàu cảm xúc. Ngày mẹ tôi bệnh, phải vào bệnh viện cấp cứu, nó cứ ngơ ngẩn vào ra. Còn mẹ, khi tỉnh, sau khi hỏi han việc nhà cửa, bà hỏi Lucky đầu, có lẽ bà nhớ! Rồi mẹ tôi mất. Mấy ngày tang lễ, chúng tôi cũng thất cho Lucky một vành tang trắng tiễn đưa như cây cối trong vườn nhà; lúc ấy trông nó thật buồn bã.

Trong bảy thất, những khi chúng tôi tụng kinh cầu siêu cho mẹ, và cả về sau, Lucky đều nằm bên cạnh nghe kinh. Mỗi khi thấy ai trong anh em tôi xếp kinh, kệ, là nó lại chạy đến nằm bên cạnh. Quen thuộc đến độ, khi nghe đánh ba tiếng chuông chuẩn bị lạy tam quy, là nó biết đứng lên như cũng muốn lạy.

Cứ thế, Lucky chia sẻ mọi việc buồn vui trong nhà với sự đồng cảm. Những khi có việc đi vắng cả nhà, nó buồn nhưng hiểu nên chấp nhận, không đòi đi theo. Đã nhiều lần nó giữ nhà thoát khỏi những kẻ gian, bảo vệ chúng tôi với tất cả sự trung thành và sức lực; những gì chúng tôi nói nó đều hiểu và biểu lộ bằng tiếng sủa, ngôn ngữ của nó.

Nhưng, mọi việc ở đời do duyên sanh thì cũng do duyên diệt. Lucky bị bệnh nhiễm trùng máu, một căn bệnh nguy hiểm. Lucky, một chú chó nhỏ xinh, nhưng đã kiên trì chống chọi với bệnh tật gần một năm trời với bao nhiêu mũi thuốc chích, những lần lấy máu, siêu âm và với những cơn đau. Nhìn Lucky buồn bã đau đớn vì bệnh, lòng chúng tôi đau!

Những ngày tháng bên nhau của Lucky và gia đình tôi cũng qua nhanh. Tám năm có Lucky sống trong tình

thương và sự chăm sóc của gia đình tôi, mỗi anh chị em chúng tôi đều có với Lucky những khoảnh khắc đẹp, những kỷ niệm riêng; cùng chia sẻ với nhau mọi buồn vui dưới ngôi nhà đã khuất bóng nhiều người thân yêu; chúng tôi đã đối đãi với nhau bằng tình thương, cho nhau những nụ cười và sự san sẻ, chính những tình cảm đó đã xóa bỏ những ngăn chia giữa người và vật, *nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*.

Những ngày tháng nuôi dưỡng Lucky cho chúng tôi cơ hội thấu hiểu sâu sắc lời Phật dạy, khiến lòng bị mắc trong chúng tôi với nhân loại, với muôn loài ngày càng thấm đẫm. Sự nhạy cảm với cuộc sống đem đến cho chúng tôi những giây phút hòa điệu với vũ trụ, tận hưởng những khoảnh khắc đẹp, trân trọng và tri ân hơn những gì mà cuộc đời, thiên nhiên gửi gắm, đôi khi là cả nỗi buồn, niềm đau; để rồi nhận ra rằng mình đến với cõi đời này là để học cách cho và nhận, để ngày mai mình mở lòng hơn với hóm quạ, thấy mình quá đối

bé nhỏ giữa hư không thênh thang, thấy trời xanh quá đối dịu dàng, bao dung...!

Ngày Lucky mất, tôi lặng lẽ ghi: lại thêm một lần đưa tiễn! Tấm hình chụp Lucky trước khi mất bốn ngày, lúc đó trông thật thanh thản trong vòng tay cô em gái út của tôi, người mà Lucky thương yêu nhất. Tấm hình vô cùng sống động với đôi mắt to muốn gửi lại bao điều. Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể để tiễn đưa một sinh linh về cõi giới an lành với lòng thanh thản. Phía sau sự tiễn biệt bao giờ cũng khiến ta trân trọng hơn với thực tại, khoan dung hơn với mọi việc ở đời.

Mỗi khi nhìn vào tấm ảnh với nhàn lan rỗng vàng cắt từ vườn nhà, tôi thầm hỏi rằng Lucky đã về đâu rồi giữa đất trời mênh mông rộng lớn này, mong rằng ở cảnh giới đó Lucky sẽ lại được nghe kinh, nghe lời Phật giảng như kiếp này đã được sống.

Tiền biệt Lucky, một sinh linh hiền ngoan, bé nhỏ của tôi. ■





Cậu học trò và những ngày mưa bão

BÍCH NGÂN

Sáu ngày mưa bão liên tiếp. Cả cánh đồng ngập trong biển nước. Nhìn đâu cũng chỉ thấy nước là nước. Nước tràn bờ đập. Nước dâng lên đầu gối chân người lớn đoạn đường qua ngõ. Nước lấp liếm mấy bậc thêm đoạn nối cổng ngõ vào sân. Ngoài vườn, mấy luống rau cải chị Hoa vãi cả tuần nay, giờ cũng bị nước nhấn chìm. Ngôi nhà nhỏ lọt thỏm bên mấy bụi tre giáp cánh đồng, nơi mẹ con chị Hoa đang ở cũng bị cô lập.

Trong nhà, chiếc ra-đi-ô đời cũ vẫn rè rè thanh âm của cô phát thanh viên về thời tiết mấy ngày tới. “Dự báo mưa to sẽ kéo dài nhiều ngày liên tiếp. Bà con nên chuẩn bị chu đáo việc che chắn, giữ gìn tài sản, nhà cửa phòng nước dâng cao”.

Mưa ngớt nhưng trời vẫn sầm sì một màu đen kịt. Tiếng gió rít, tiếng mấy tay tre quất mạnh phía sau nhà nghe như giận dữ. Chị Hoa hết xuống bếp che đấm củi khô, ra vườn dựng lại mái tôn vì gió thốc lại lên nhà trên quét mấy vũng nước mưa dột giữa nhà, đổ đi những chậu, xoong hứng mưa cả đêm, lòng chị không tránh khỏi nỗi lắng lo tràn ngập. Chẳng biết

khi nào trời mới dừng hẳn mưa? Rồi ruộng bắp nếp ngoài đồng liệu trời có cho thu hoạch? Và thằng Hiệp, con chị, khi nào mới có thể đi học trở lại...

Bên cái bàn học cũ đặt ở góc nhà, ánh sáng của cây đèn bàn chỉ đủ chiếu sáng một vùng nhỏ. Hiệp ngồi xếp từng cuốn vở đặt ngay ngắn vào trong ngăn cặp gấp. Đôi mắt cậu buồn bã nhìn ra bầu trời u ám. Đưa tay vặn tắt đèn, đặt chiếc cặp cạnh bàn, Hiệp lặng lẽ bước ra bực cửa đứng tựa lưng ngó nghiêng. Thấy Hiệp không nói gì, chị Hoa hiểu được tâm trạng của con nên nhẹ nhàng:

“Nước ngập hết cả đường đi rồi, con nghỉ ở nhà thêm mấy bữa nữa chờ nước rút rồi hãy đi học lại”.

“Nhưng không đến lớp sẽ không theo kịp các bạn trong lớp mẹ ạ. Con nghỉ ở nhà hai bữa rồi. Nghỉ nữa thì... Biết đến khi nào nước mới rút hả mẹ?”.

Nghe con hỏi, chị Hoa cũng không biết trả lời thế nào đành ngậm ngùi:

“Ừ thì... khi nào trời hết mưa, nước sẽ rút nhanh thôi con”.

Vội mặc chiếc áo mưa bước ra ngoài trời, chị Hoa dặn với con:



Giờ đến lượt con. Dù khó khăn thế nào, mẹ cũng gắng để con được học hành tử tế. Sau này có cái nghề nuôi sống bản thân thì may ra mới sướng được con à”.

Thế rồi, nhờ mỗi chiều, đài truyền thanh xã phát bản tin, chị Hoa biết được ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp ngoài thị xã có dạy bổ túc cho học sinh cấp ba, lại miễn học phí cho đối tượng học sinh dưới 21 tuổi. Chị bàn với Hiệp cho cậu học ở đây. Hiệp đồng ý liền vì nghĩ sẽ bớt đi sự vất vả cho mẹ. Cậu vui vẻ đến Trung tâm. Cứ mỗi chiều đi học về, cậu vẫn khoe với mẹ:

“Ở Trung tâm, thầy cô dạy tận tình lắm mẹ à. Chẳng khác gì ở trường trung học cả”.

Mẹ Hiệp nghe con nói vậy càng yên tâm hơn. Chị mỉm cười nhìn con âu yếm.

Chị Hoa ra thăm đồng về, mặt buồn rười rượi. Thấy mẹ không nói, Hiệp gạn hỏi:

“Ruộng bắp có sao không mẹ?”.

Thờ dài, chị Hoa nhìn con, giọng ngắt ngứ:

“Bắp đang trổ cờ, phun râu thì lại bị mưa bão, cây bị đổ gãy, cây bị nước ngập. Xem ra đi tong cả sào bắp rồi con à”.

Giọng chị lạc đi, nghẹn ứ. Thấy mẹ xót xa cảnh mùa màng, Hiệp cũng không cầm được nước mắt. Cậu đến bên, vòng tay ôm lấy mẹ. Niềm hi vọng vào sào bắp để mua cho con bộ

quần áo mới, đổi lại cái xe đạp cũ tiện cho con đến trường giờ đã trôi theo nước lũ.

Rồi trời cũng yên gió. Mưa cũng tạnh hẳn. Cảnh vật sau cơn mưa bão giằng dai trông thật thảm hại. Ngoài đồng, hoa màu ngập úng. Trong vườn, nước rút để lại mấy vạt đất nằm phơi mình chông trơ. Gốc mướp cũng héo queo vì ngạt nước. Cạnh bờ giếng, đám ớt chỉ thiên, vạt rau thơm cũng éo ọt, úa tàn. Ngôi nhà mái tôn xuêch xoạc, lệch đi hai bên cánh mái. Trên sân la liệt những lá tre nằm ngổn ngang. Chị Hoa đưa mắt nhìn qua một lượt khung cảnh rồi gắng gượng nở nụ cười.

Nhìn con, chị nói:

“Mẹ ra đầu làng xem có thức ăn gì không, mua về đổi bữa”.

Rồi chị xắn quần, men theo con ngõ, nơi nước đã rút xuống chỉ còn đến mắt cá chân, bì bõm bước đi. Bóng chị nhỏ dần rồi khuất hẳn sau rặng tre trước ngõ.

Hiệp nhanh nhẩu giúp mẹ dọn dẹp lại sân nhà. Nước rút dần. Cậu sẽ lại được đến trường. Nhìn bầu trời quang dần, ánh mắt cậu hiện lên một niềm vui, niềm hy vọng tràn trề. ■



“Con ra vườn hái lấy quả mướp vào gọt để nấu canh. Mẹ ra đồng xem thử ruộng bắp nếp thế nào. Mưa thế này...”.

Chị bỏ lửng sau câu nói, bước lên thuyền chèo đi. Nghe mẹ nói, Hiệp dạ thật khẽ rồi lặng lẽ làm theo lời mẹ dặn.

Ba Hiệp mất khi cậu mới tròn một tuổi. Một mình chị Hoa dẫu dãi nắng mưa, đơn thân gồng gánh nuôi Hiệp ăn học chỉ với ba sào ruộng. Khi mưa thuận gió hòa thì đủ tiền lo sách vở, học phí, đủ cho Hiệp ăn học trong một năm, còn mưa gió thất thường thì... Trong ánh mắt người mẹ nghèo ấy hiện lên bao niềm trăn trở. Hai mẹ con chị cứ thế thui thủi bên những người hàng xóm hiền lành, tốt bụng đã gần hai mươi năm nay ở xã Nhơn Hậu này.

Nhà có hai mẹ con, lại nghèo nhất nhì trong làng. Hiệp thương mẹ nhưng chẳng giúp mẹ được gì. Năm nay cậu học lớp 10. Vốn là một học sinh khá, đủ điểm vào trường phổ thông công lập nhưng ngặt một nỗi tiền học phí ngày càng nhiều khiến Hiệp đã bao lần xin mẹ cho nghỉ học đi làm thêm nhưng chị Hoa một mực không cho. Lúc nào, chị cũng an ủi con:

“Thời ba mẹ đã khổ vì không được học hành rồi.



Gia đình xa cách

THÀNH CÔNG

Chị bắt đầu cảm thấy gia đình xa cách từ khi chồng chị ăn nên làm ra. Nhất là những năm gần đây, khi mà anh mua cho các con điện thoại thông minh, máy tính bảng, laptop, kể cả máy tính bàn.

Chị không phủ nhận sự tiện ích của công nghệ nhưng chị thấy chồng mình hơi vội vàng khi cho các con sử dụng sớm quá. Chúng còn quá nhỏ, đứa nhỏ mới 9 tuổi và đứa lớn cũng chỉ 13 tuổi thôi. Máy tính bàn thì chị còn chấp nhận được vì con chị cần phải học môn Tin học trong nhà trường, trau dồi kiến thức về phần mềm Microsoft Office thông dụng. Nhưng chúng nào có học hành chi đâu. Cô con gái lớn cứ ngồi trước máy tính bàn thì nói rằng luyện tập tin học, nhưng thực chất cón bé chỉ chơi *game* hay *chat* với bạn bè trên Facebook. Mà chồng chị cũng ngộ, thay vì hạn chế bắt con phải lo học hành thì anh cho chúng chơi thả cửa. Anh còn thường xuyên cài đặt thêm nhiều trò chơi mới để con có thể thay đổi *gu* giải trí. Đành rằng học thì cũng cần phải giải khuây, nhưng con trẻ nào có điểm dừng. Chúng thích khám phá những điều mới lạ và dễ sa đà vì suy nghĩ chưa chín chắn. Vì thế mà các *game* chiến thuật, phiêu lưu mà anh tải về đều được hai con hưởng ứng nhiệt liệt đến... quên ăn, quên học và cả quên ngủ. Nhất là thằng út, cứ lén không có mẹ ở nhà là dán mắt vào màn hình máy tính với các trò bắn ma, bắn gà và bắn ếch. Chị góp ý, la rầy con thì anh bảo: "*Thôi kệ đi em, con nít đứa nào mà không mê game. Anh người lớn cũng ghiền nè. Miễn sao hai đứa nó học lên lớp là được*". "*Lên lớp là được?*", chị thẳng thốt như thế khi anh quá chủ quan về việc học của con. Thậm chí anh chẳng động viên con học cho giỏi, tốt mà chỉ cần đủ điểm trung bình để lên lớp. Chị chán ngán nên mặc kệ vì trong nhà giờ ba cha con là một phe, còn chị lẻ loi.

Trong các bữa ăn, nhiều lúc chị muốn hét toáng lên: "*Các con mau dẹp điện thoại mà lo ăn cơm đi*". Nhưng nghĩ lại câu ông bà mình bảo "*trời đánh còn tránh bữa ăn*" nên chị bỏ qua. Vả lại, chính chồng chị còn dán mắt vào màn hình điện thoại để trò chuyện với bạn bè trên Zalo rồi cười khục khặc. Hỏi thế làm sao mà chị dạy dỗ hai con được. Chị đã gửi gắm cả tình cảm của mình vào bữa cơm tối, bữa ăn hiếm hoi trong ngày có mặt đầy đủ các thành viên. Vậy mà chẳng ai thêm quan tâm, góp ý thức ăn thế nào. Ba người cứ chăm chăm nhìn vào màn hình điện thoại. Vừa ăn vừa trao đổi tin nhắn trên Zalo. Chẳng ai thêm nói với ai tiếng nào. Thói quen ăn cơm dùng dũa cũng dần biến mất. Bữa cơm dọn ra chỉ có mình chị là

dùng chén với dũa, còn anh và hai con thì dùng tô, hoặc đĩa để tiện tay lướt web trên điện thoại. Thằng út mới tí tuổi đầu mà đã có vài trăm bạn trên Facebook khiến nó trả lời tin nhắn đến mỗi tay. Mà phải chỉ bạn bè cùng trang lứa, cùng lớp cũng tạm chấp nhận. Đành này đa số là các tài khoản có độ tuổi từ 15 - 20 tuổi mới đáng bàn. Chồng chị nhăn nhó bảo: "*Em quê quá! Làm bạn bè thôi thì đã sao nào? Cho nó mở mang kiến thức, học cách xã giao để sau này không phải rụt rè, sợ sệt*". Triết lý của anh thật thực tế. Nhưng rõ ràng cạm bẫy trên mạng đầy rẫy, trong khi một thằng bé 9 tuổi với đầu óc non nớt nào có lường trước được hậu quả ra sao. Chị thở dài sau mỗi bữa ăn. Nhìn thấy con đưa chân bước lên từng bậc thang mà mắt cứ dán vào màn hình điện thoại khiến chị cảm thấy ái ngại. Chị lo chúng nó sẽ đi sai đường khi không sáng mắt.

Những lần cả nhà đi du lịch, trong khi chị và chồng khênh đồ đạc lên ô-tô thì hai con lại mải mê với trò chơi trên máy tính bảng. Suốt cuộc hành trình, chẳng ai thêm nói với ai câu nào. Có chăng là những câu hỏi đáp vô hồn: Con ăn chút gì đi; Dạ con chưa đói; Thằng út uống chút nước đi con; Để đó đi, con chưa khát... Chẳng ai nhìn ai. Kể cả chồng chị cũng như hai đứa nhỏ, mê chơi game đến độ quên mất đây là buổi họp mặt gia đình. Chỉ những khi có cả ba mẹ chồng của chị cùng đi, khi ông bà lên tiếng bảo "*ngưng*" thì "*mấy con nghiện*" công nghệ mới chịu tắt máy. Chị nhớ hồi trước, lúc gia đình còn khó khăn, dù những lần đi du lịch xa hiếm hoi nhưng khoảnh khắc đó không bao giờ quên. Cả nhà cười nói vui vẻ. Cùng nhau tham gia các trò chơi thực tế mang tính đồng đội xuyên suốt hành trình. Chị, chồng và hai con hạnh phúc bên nhau, chăm sóc nhau, gấp thức ăn cho nhau. Những tấm hình chụp chung dù kém chất lượng (độ phân giải của máy ảnh thấp) nhưng qua đó cho thấy cả nhà yêu thương nhau đến nhường nào. Giờ ai cũng có một cái máy, cứ thích là selfie (tự chụp một mình). Những nụ cười triu mến, tha thiết của gia đình trong quá khứ làm chị đau đầu. Chị sợ với hình ảnh ngày càng xa cách như thế này, liệu tổ ấm có đủ củi để sưởi lâu dài?

Bạn bè bảo chị có một mái ấm hạnh phúc. Chồng đi làm thì vội vàng về nhà dùng cơm cùng gia đình. Con cái ngoan ngoãn, không la cà, học hành đàng hoàng. Chị cười, nụ cười héo hon. Chỉ có người trong cuộc mới hiểu được. Nhiều lần chị nghĩ, giá mình vẫn nghèo khó như ngày xưa có lẽ sẽ tốt hơn! ■

Ngô nướng mùa đông chút hồn quê nơi phố thị

NGUYỄN THỊ HẢI

Khi những cơn gió mùa đông bắc đầu tiên thổi về se se lạnh và tràn ngập phố phường Hà Nội cũng là lúc trên khắp các nẻo đường, ngô phố xuất hiện rất nhiều các hàng ngô nướng với mùi thơm lừng hấp dẫn, mời gọi khách qua đường. Không chỉ ban ngày, mà về đêm cũng có không ít những người đàn bà tỉnh lẻ lam lũ, thức cùng đêm với chậu than hoa đỏ lửa cùng một ngô tắt tã mưu sinh. Nếu như ngày trước, việc quạt và bán ngô nướng chủ yếu “dành” cho dân ngoại tỉnh, thì mấy năm gần đây cũng có không ít bà, ít chị là dân nội thành chính gốc cũng nhân cơ hội mùa đông kiếm tiền bằng công việc cũng không lấy gì làm vất vả cho lắm này.

Từ lâu, ngô nướng - thứ quà vặt được xem là chút hồn quê nơi phố thị này - đã trở nên rất đỗi thân quen với hết thảy người mỗi độ mùa đông về. Món quà vặt quá bình dị, dân dã và rẻ tiền này nhưng lại có sức hút mạnh mẽ đối với mọi người. Chỉ thoáng thấy bóng dáng của chị hàng ngô ngoe nguẩy gánh chậu than hoa đỏ lửa, nách cặp mặt ngô nếp vừa bẻ mà bẹ còn xanh non là sự thèm muốn lại trở dậy, và người ta không thể không cho phép mình được thưởng thức một vài bắp. Dường như người Hà Nội, nhất là mấy bà mấy cô làm kinh doanh cửa hàng, cửa hiệu trên khu phố cổ, ngồi buồn nên hay có thói quen mua vài bắp ăn chơi. Có người còn tỏ ra “nghiện” món quà này khi ngày nào không ăn mấy bắp là không chịu nổi...

Ăn ngô nướng thú nhất là những hôm trời trở gió lạnh lạnh. Tụm năm tụm ba mà ngồi quây quần bên một ngô, vừa chọn vừa nướng và ăn rồi xuyết xoa thì quả là tuyệt. Trời càng lạnh ăn ngô nướng càng ngon. Thú vị hơn cả chính là khi màn đêm buông xuống, và cái lạnh tái tê bao trùm không gian mà được ăn một bắp ngô nướng vừa rời khỏi chậu than hoa thì sự thú vị như tăng lên gấp bội phần và chắc chắn lúc đó bạn, cũng như mọi người bạn của bạn, đều cảm thấy lòng mình ấm nóng bởi vị ngô nướng bùi bùi, thơm thơm...

Thời kinh tế thị trường, người từ các tỉnh lên thủ đô mưu sinh ngày một nhiều và trong số ấy không ít người chọn cho mình nghề quạt ngô nướng bởi công việc không thật quá vất vả trong khi mức thu nhập cũng tạm tạm. Nhiều người chỉ qua ngày và nửa đêm cũng có thể kiếm được một, vài trăm ngàn bạc bằng nghề quạt nướng ngô. Chính vì thế nên có đến hàng ngàn người quạt ngô nướng trong thành phố. Hàng ngô nướng xuất hiện khắp mọi nơi, từ các khu phố cổ trung tâm cho đến tận các vùng ven ngoại ô. Thậm chí có con ngõ dài chưa đến vài trăm mét mà có tới



cả mấy hàng ngô ngồi liên nhau để bán. Ấy vậy mà hàng nào hàng nấy vẫn đều đặn hàng như tôm tươi. Thế mới biết sức tiêu thụ ngô của người dân là rất lớn.

Ngô dùng để nướng chỉ có thể là ngô nếp loại ngon, được đưa về từ các vùng quê như Hòa Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, và mấy huyện ngoại thành Hà Nội... Thế nhưng, có một loại ngô được trồng ở bãi giữa sông Hồng - bãi Tứ Liên - bắp nhỏ, ngắn, hạt tròn nhỏ có màu trắng ngà và bóng láng, được những người sành ăn chọn lựa nhiều hơn. Bởi đó mới là ngô nếp thứ thiệt, hay ngô nếp ta, chất lượng tuyệt hảo: dẻo, thơm hơn gấp nhiều lần các giống ngô lai bắp to. Theo như một số người có thâm niên quạt ngô kể lại, ngô dùng để nướng phải là ngô tươi, bẻ trong ngày, bởi chỉ cần để quá một ngày thôi, thì vị ngọt, dẻo của ngô sẽ giảm rất nhiều. Vì lẽ đó nên những người làm nghề quạt ngô thường đi tới tận vườn để mua, tự tay bẻ từng bắp một rồi mang về bán hết trong ngày. Bây giờ người ăn ngô nướng tinh lắm, khi nướng bắp ngô lên, họ ăn thấy hơi nhạt, độ dẻo không được quánh lại là họ phát hiện được ngô đã... “qua đêm” (để qua một đêm), và như thế lần sau người bán sẽ mất khách.

Hà Nội vào đông, khi ngô bãi giữa sông Hồng vẫn còn đang ngâm sữa vậy mà đầu đó trên các ngõ phố dài hun hút gió tôi đã bắt gặp những hàng ngô nướng mời gọi khách. Ấm thực mùa đông Hà Nội chẳng thiếu gì các món ăn làm vui bớt đi cái lạnh tê tái như: ốc luộc, quẩy nóng, bánh khoai, bánh chuối rán... Thế nhưng với ngô nướng, thứ quà mang đậm hồn quê này, luôn có sức hút và chiếm được cảm tình của nhiều người bởi nó bình dị, mộc mạc như chính tên gọi của nó... ■

Thương quá quê mình

TK.VY TIỂU

Thương quá quê mình,
 Điều linh chồng chất,
 Mưa bão cấp tập,
 Trút xuống ngàn nơi,
 Thương ai chiều đất màn trời,
 Miền Trung tan nát muôn người đau thương.

Bao cảnh đoạn trường,
 Vương vương nước mắt,
 Bão lũ cuốn sạch,
 Sống vô gia cư,
 Cuộc đời vốn thật huyền hư,
 Sáng còn tối mất - chẳng từ ai đâu!!

Nước xiết đục ngầu,
 Chôn sâu làng mạc,
 Một vùng trắng bạc,
 Nuốt chửng quê mình.
 Khổ đau đất mẹ điều linh,
 Quê hương tan tác dân tình lâm than.

Thương cảnh cơ hàn,
 Quê mình ngoài nớ,
 Mưa lũ bão tố,
 Bầm nát xóm thôn,
 Xiết bao xa xót đoạn trường,
 Thương về quê mẹ vẫn vương cõi lòng.

Niềm tin

TÁNH THIÊN

Nghệp thì luôn có cả hai
 Nghệp lành nghiệp dữ ở ngay tâm mình
 Tự ta chuyển nghiệp cho mình
 Nghe theo lời Phật an bình hôm nay

Chẳng chờ đợi đến ngày mai
 Bây giờ còn thờ phút này cứ vui
 Nhắc mình bỏ bớt cái tôi
 Trên đường tu tập ngọt bùi đắng cay

Cuộc đời dù có đổi thay
 Vườn hoa Phật Pháp đêm ngày vẫn trao
 Trăm năm gió cuốn ba đào
 Niềm tin Phật mãi dạt dào trong ta.

Lời ru quê nhà

NGUYỄN THỊ BÌNH

May còn một góc trời quê
 Đôi bờ sông vắng tôi về thương xưa
 Con đường nắng đã vào trưa
 Ru em mềm cánh nôi xưa thưở nào...
 Ru em mơ giấc ngọt ngào
 Cánh diều thơ bé nghiêng chao giữa trời
 Quê hương trong tiếng ru hời
 Đong đưa cánh võng ngọt lời ca dao...
 Tiếng gà trưa vọng lao xao
 Con chuồn chuồn ớt bờ ao giặt mình
 Ru em bỗng chợt thấy mình
 Neo trong hồn mãi góc bình yên xưa...

Khép

TỊNH BÌNH

Khép ngày trăng mọc hiên đêm
 Sương khuya rơi vỡ ướt mềm lời thơ
 Người như nửa tỉnh nửa mơ
 Xa xôi nhân ảnh đại khờ niềm đau
 Thời gian từng giọt phai mau
 Chạnh thương sợi tóc bạc màu nhớ thương
 Người xa về chốn vô thường
 Ta nơi cõi mộng bên đường cát bay
 Khép đêm con gió thổi dài
 Bình minh rụng ánh sao mai đầy thềm
 Khép sầu... sầu lại sầu thêm
 Loay hoay khóa lấp hết đêm sang ngày...
 *

Bao giờ chợt ngộ buông tay...

Dáng tóc

TRÀ KIM LONG

Thường có lúc đứng nhìn từ phía sau
Những mái tóc xõa dài trên lưng áo
Trôi trong gió mang theo dòng huyền ảo
Vương mắt người lòng gửi chút hương say.

Hình như là heo hút cuối đường bay
Con bướm nhỏ mang theo điều khao khát
Đôi cánh mỏng vừa tìm ra hướng mật
Chập chờn trên đường tóe thả lung linh.

Người đi sau chỉ là kẻ vô tình
Lượm bắt chợt chút duyên vừa sót lại
Ấn tượng ấy vẫn còn lưu dấu mãi
Rất đời thường riêng dáng tóc Việt Nam.

Như không

THANH PHÁP

Nắng...!
Hừng hực xuống
Giữa trưa
Vừa nghe
Có tiếng chim xưa...! Gọi bầy
Muốn trao nhau chuyện vui đây
Mà cơn gió động
Đang lay lá cành
Ngập ngừng...
Mấy tiếng loanh quanh
Lời toan muốn nói... chưa thành! Đã thôi
Không theo cánh
Chẳng hợp thời
Tiếng chim xưa
Gọi về, ... rồi như không.

Niệm ơn tháng Sáu

TRƯỜNG KHÁNH

Nắng trải vàng vườn tịnh,
Ai về chốn an cư?!
Dặn lòng nương ánh đạo,
Sáng soi Pháp nhân từ.

Trong huyền hư cõi thế,
Có chốn về an nhiên,
Lặng nghe chuông chùa điểm,
Tịnh tu chốn đạo thiền

Lắng ưu phiền khổ lụy,
Ý vị từng thời kinh,
Pháp Phật như mật ngọt,
Rót xuống bao an lành.

Trời trong xanh tháng sáu,
Từ mẫu Quán Âm về,
Nhành dương sái tịnh khô,
Quét sạch đời trầm mê.

Nẻo về vui ngày hội,
Mở lối Phổ Môn khai,
Tâm thanh cứu khổ nạn,
Tháng Sáu niệm ân Ngài.

Hương tương lai thanh thoát,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Lắng nghe đời - cứu khổ,
Nụ Từ Bi trở mầm.

Người dưng

HOÀNG CÔNG DANH

Mẹ chồng bỏ điện thoại xuống, hí hửng bảo với cô dâu cả rằng thằng út sắp về, có cả cô người yêu về cùng. Nó nói chuyện này đem về giới thiệu rồi đi làm giấy kết hôn luôn. Thanh niên bây giờ lạ thật, mẹ còn chưa biết mặt mũi ra sao mà nó đã nói như quyết.

Dâu cả bảo chú út có học hành tử tế, cũng kỹ tính nữa, chọn ai là chú ấy tìm hiểu cẩn thận rồi đấy, mẹ đừng lo.

Mẹ chồng như được con dâu ủng hộ, nói thêm, đúng đấy, nó quả quyết cô này mà còn chê thì nhất định không lấy vợ. Nay, nghe bảo xinh lắm, vùng quê mình không ai đẹp như thế.

Dâu cả chợt thấy tủi thân. Biết đâu mẹ nói vậy là có ý chê đứa dâu này đen đui xấu hoắc, không cho mẹ được nở mày nở mặt với người ta. Nghĩ là nghĩ vu vơ chứ dâu cả không giận mẹ. Mẹ chồng con dâu ở đâu khúc mắc không biết, riêng nhà này hơn chục năm chị sống với mẹ không để điều tiếng xấu cho thiên hạ cười.

Mấy hôm sau, lúc cả nhà đang ăn cơm thì cậu út dẫn cô người yêu về bất ngờ. Ngạc nhiên chưa - thằng cháu nội thấy bà há hốc mồm như quảng cáo bột giặt trên TV, thốt lên. Bà mẹ chồng luống cuống vụng về chửi tổ cha bậy, rồi hấp tấp giục con dâu lấy thêm bát, sai thằng cháu kéo ghế để cô với chú cùng ăn cơm luôn.

Chị dâu cả xuống bếp lục siêng lựa hai cái chén đẹp, trong lúc mắt xoay ngược lên nhìn cô gái. Đúng là ngạc nhiên chưa. Quá đẹp chứ không phải đẹp. Chú út, em chồng chị, cũng khô ngô sáng sủa học hành bài bản, kém cạnh chi ai mà không lấy được gái đẹp. Trai tài gái sắc xứng quá đi chứ. Biết thế, nhưng cô gái trắng trẻo, vóc dáng mặt mày không chê vào đâu được này chị chưa từng gặp. Hoa hậu đẹp cũng cỡ đó thôi, chị nghĩ, cô này về thì cả làng sắp đồn ầm lên đây. Chị cũng được nở mặt vì có cô em dâu xinh xắn. Hay là chị sẽ khó xử khi bị thiên hạ đặt lên bàn cân so sánh. Dễ thấy khắp khiêng quá, chị so chi được. Ý nghĩ chán nản này khiến chị cảm chén cảm giác nặng nề.

Sau bữa ăn, mình chị bưng bê dọn dẹp. Thực tình cô gái cũng có ý muốn giúp chị một tay, nhưng bị mẹ chồng ngăn lại. Chị bảo em cứ ngồi chơi cho mẹ hỏi chuyện, chị làm một mình quen rồi. Đúng là chị làm một

mình quen thật, hơn chục năm nay một tay chị lo hết việc lớn bé. Nhưng giờ ngồi rửa chén, trong lúc bên trên đang nói cười vui vẻ trò chuyện rồn rang, chị tủi lòng. Hai thằng cu con chị cũng quần lấy cô chú tranh nhau kể chuyện. Mấy bữa trước thằng lớn luôn xuống phụ mẹ đặt chén lên siêng. Giờ chúng nó cũng khéo bỏ rơi chị.

Trong lúc cô em dâu tương lai tắm rửa thì mẹ với chị lui húi quét phòng, nệm giường. Chẳng ai xúi, chị tự chạy ù ra chợ mua một chiếc chiếu với hai cái bọc gối mới. Trên đường về chị lục lợi trí nhớ coi mình đã từng được chào đón chu đáo kiểu như này chưa. Chưa. Nhất quyết là chưa. Hồi chị về làm vợ anh, đồ đạc tự sắm sửa lấy. Chiếc chiếu cói, cái mền, cái gối phòng ngủ tân hôn do anh đềo chị lên thị xã mua về trải. Chồng chị là con đầu, mẹ thì không đi xe được, các em còn nhỏ. Chị biết rồi mai mình sẽ cực vì cái nhà này đây, nhưng chị chẳng sợ. Biết chấp nhận nhiều khi cũng là niềm hạnh phúc của phụ nữ. Mà thôi, nghĩ chi cho đau đầu, dù sao cô ấy cũng từ thành phố về, quen với sạch sẽ chu tất, bữa bộn rộn xộn khéo làm người ta buồn lòng. Cô mà buồn thì mẹ cũng buồn, chị tất chẳng vui về gì. Thêm nữa, chị là dâu cả, "dâu cả là mạ bầy em" cơ mà, tiếc chi chút quan tâm.

Buổi chiều bà mẹ dẫn cô gái đi quanh thăm chòm xóm. Bà đi rất ráo hoát, mặt mày mừng mừng cười cười, coi là biết bộ dạng muốn khoe. Gặp ai bà cũng chỉ trỏ, con dâu tương lai tui đây, vợ sắp cưới của thằng út đấy. Thằng út từng được lên truyền hình vì học giỏi, cả làng lấy ra làm gương dạy con. Mẹ chồng rất tự hào về thằng út, giờ có thêm cô dâu đẹp rạng ngời mẹ càng hãnh diện.

Ồi mẹ chồng ơi. Cậu út chưa mở lời thưa chuyện cưới xin mà mẹ đã oang oang lên cô này là con dâu. Ai nói già không ham đẹp. Ai nói bà mẹ quê không muốn con trai lấy vợ quá sắc sảo. Trật lất. Đây mẹ chồng cũng thuộc dạng kỹ lưỡng khó tính mà xuội ngay vì đẹp. Hồi chị mới về ra mắt, mẹ sắm soi đủ thứ, nửa năm trời chị qua lại ăn hết mấy chục nồi cơm cho mẹ xem cái tính nết mới được chấp thuận. Thời buổi bây giờ khác trước, nhưng quê kiểng tập tục vẫn còn. Đẹp là được thông cảm, đẹp thì được ngoại lệ sao? Có lẽ mẹ tin cậu con út quá. Có lần mẹ nói thằng út sách vở nó còn thuộc lâu lâu, hướng chị mấy đứa con gái.

Dâu cả lồng hai cái bọc gối xong, hỏi mẹ đặt ở đâu, chẳng biết cô chú ấy có... ngủ chung không. Mẹ quát ngay, bậy. Quát xong thì chân chừ, ờ, chẳng biết ý thẳng út thế nào, thôi cứ để tạm đó, lát nó tự liệu. May, cô gái ôm một cái gối xuống ngủ với mẹ chồng tương lai. Dâu cả khen thầm trong bụng, cô này cũng biết ý tứ.

Cậu út thừa với mẹ sáng nay chúng con xuống xã làm cái đăng ký kết hôn, phần giấy tờ trong thành phố con đã chuẩn bị sẵn. Mẹ đồng ý ngay tấp lự, bảo đi nhanh mà về, ở nhà làm con gà mâm cơm cúng cáo tổ tiên, lạy bố mày về chúng giám. Thế là cô dâu tương lai thành cô dâu chính thức, là dâu út trong nhà. Nghe dâu cả dâu út tưởng đồng đức, hóa ra chỉ hai đứa dâu đó chứ mấy. Giữa trai đầu với trai út có thêm hai cô đã đi lấy chồng xa.

Miếng trâu nên vợ nên chồng, thì đây, chị dâu cả đã chuẩn bị cho một ngọn trâu quệt vôi. Nhưng rồi chị thấy áy náy quá, kéo cậu út ra ngoài thở thê. Em định không làm tiệc cưới thật đấy à. Như thế thì tội nghiệp quá. Làng này ai nghèo khó đến đâu cũng sắm được mâm mời bà con thân thích đến cho biết mặt đứa dâu đứa rể. Hay là để chị làm chục mâm mời bà con chú bác, rồi còn bạn bè em nữa. Kêu thêm mấy nhạc trống đồn về hát cho vui. Chị lo được mà.

Cậu út cười xòa. Chị ơi chị đừng suy nghĩ nhiều, bây giờ đời sống văn hóa mới rồi, giản đơn là đúng chủ trương chứ không ai chê trách. Bày vẽ ra phiền người ta, mệt mình, khổ thêm chị nữa.

Chị dâu cả miễn cưỡng. Ấy là chị cứ áy náy, thôi tùy em.

Mấy bữa ăn sau chị vẫn đứng bếp nấu nướng rồi rửa chén bát. Mẹ chồng bảo con là dâu đầu chị cả, lo làm đi, chứ nó con gái thành phố về quê không quen nếp sống của mình. Chị có nề hà chi việc bếp núc mà mẹ nói cứ như chị so le phân bì. Lâu nay chị vẫn làm đầy thôi. Cúng giỗ năm bảy mâm một tay chị sắp đặt ngon ơ, hưởng chi giờ nhà chỉ thêm hai miệng ăn.

Cô dâu út xuống phụ chị dâu nhặt rau. Dâu cả bảo em để đó chị làm cho, rau này trồng ở bùn lầy nhiều mù, nhặt là đen tay đấy. Dâu cả nói khi nhìn đôi bàn tay cô em trắng trẻo, ngón nào ngón nấy mềm mại như bút lông. Thích bàn tay em dâu mà nói, chứ chẳng phải chị ghen tị gì đâu. Chị dâu cả quê mùa không diễn tả được ý này.

Dâu út ngồi không cũng buồn tay, đợi chị nhặt rau xong thì bê cái rổ định đi rửa. Đã bảo là để đấy chị làm mà, dâu cả giằng lại cái rổ. Rau văng rớt lung tung mặt đất.

Mẹ chồng đi xuống thấy, tỏ vẻ không hài lòng. Từ nay hai đứa là chị em rồi đấy. Chị em bây không ở chung nhà với nhau lâu, nên có được ngày nào gần nhau phải quý mến nhau. Em nó ở xa về không biết cái gì thì chị cả bày vẽ. Hờ ra chuyện xấu làng xóm biết là không hay đâu.

Dâu cả nóng ran mặt xấu hổ, cứ như mẹ nói xia vào mình.

Vườn nhà rộng trồng đủ thứ rau, em út về chơi nhưng chị dâu cả không thể bỏ mặc quá hai ngày chăm sóc



vườn. Dâu út xí xớn chạy ra bảo cho em làm cùng với, thích thật. Thích quá đi chứ, lâu lâu về một lần mà, có đám mưa dãi nắng chục năm như chị đây mới biết khổ em ơi.

Mẹ chồng lưỡng cuống chạy ra kéo ngay cô dâu út vào nhà. Vào nhanh đi con, nắng miền Trung với cái thứ gió Lào này dữ dằn lắm, nó ăn da đen nhem ngay. Đấy, coi chị dâu con thì biết.

Lần này dâu cả buồn thiệt lòng. Cầm cái rổ quay mặt đi tường chừng hóa tượng vì sợ người khác thương hại mình. Trời đất ơi, dâu cả đây hồi hai chục tuổi cũng đẹp nức tiếng trong làng, da dẻ không trắng mặt mày không sắc sảo nhưng trai tráng lắm kẻ theo đuổi. Chẳng qua là vì tần tảo chịu khó làm ăn. Mà làm cho cái nhà này chứ đi đâu. Chị về làm dâu, chăm lo mẹ chồng với ba đứa em. Gả chồng cho hai cô em gái, chính tay chị sắp đặt mâm tiệc, chị còn chắt bóp sắm được khâu vàng làm của hồi môn. Hết hai cô em đến cậu út, chị lo tiền học tiền sách vở. Cậu út vào đại học chị hằng tháng chu cấp. Chú út giỏi giang, có việc ổn định, lấy được vợ đẹp như bây chừ là nhờ chị phần lớn. Chị dâu có kể công. Rồi còn hai lần chị sinh nở ra hai thằng cháu trai cho bà mừng nữa chứ. Gái một con

trông mòn con mắt, nói cho hay chữ, còn ở vùng quê này gái hai con là nhan sắc xuống cấp trầm trọng. Đây, đối cho được những điều tốt lành ở gia đình này, chị đã chịu rầm rĩ, ốm nheo. Thế mà giờ mẹ chồng đem chị ra để so sánh. Chị quệt mồ hôi ở mắt, lại nghĩ chắc mẹ chỉ nói tình cờ, không có ý xấu đâu.

Xong giấy tờ thủ tục kết hôn, hôm sau vợ chồng chú út lại đùm gói lên đường vào Sài Gòn. Không thể nán lại thêm nữa, công việc ở trong đó bẽ bộn, nghỉ phép được dăm hôm là nhiều lắm rồi.

Ba ngày chị em dâu gặp nhau chưa tâm sự được chuyện gì thì đã phải xa nhau. Dâu út nói chị ơi chắc Tết này vợ chồng em sẽ về. Hàng xóm ghé tai dâu cả bảo nó hứa cho vui miệng đấy chứ chắc gì, chị em dâu như nước lã thôi mà. Sao câu này chị nghe lạnh lẽo bạc bẽo quá.

* * *

Tết, vợ chồng chú út về thật.

Cuối năm, ngày đẹp trời, dâu cả đem mấy thứ đồ cũ ra giặt phơi. Cả năm làm lụng chỉ nghĩ đến miếng ăn cái mặc trước mắt, đâu mấy ai rảnh rang để nghĩ cho quá khứ kỷ niệm. Chị lục rương gỗ lấy bộ áo dài, chiếc khăn thêu, cái quai nón vải nhung đem giặt phơi. Đây là những thứ đồ hồi chị mới cưới về, dùng được một năm thì xếp cất. Vải lụa vàng xưa giờ bay phất phơ trong nắng. Cái khăn có đôi chim vẫn tươi màu chỉ thêu. Quai nón nhung còn óng ánh, chưa bị bạc mòn.

Hai chị em dâu đứng giữa vườn tâm tình. Dâu cả kể hồi đó chị khéo lắm, đây đây, mặc áo dài này nổi bật trong đám cưới. Giờ thì ngực xẹp, thân ốm, hai bả vai lồi lên hai chỏm xương thấy ớn. Chiếc khăn thêu với cái quai nhung buộc nón này hồi xưa mỗi lần đi nắng là chị đem ra dùng để bảo vệ làn da. Bây giờ, có dùng dấm mà chà xát da chị cũng vẫn đen vẫn dày.

Dâu út nghe chị kể thấy thương, động viên một câu rằng bây giờ chị vẫn còn đẹp mà. Dâu cả cười, em đừng an ủi chị. Mà, chị kể cho vui thôi, em đừng để bụng, đừng nghĩ chị tị hiềm với em. Có điều, phụ nữ chúng mình mau già, em phải giữ gìn cẩn thận.

Dâu út cười hì, bây giờ nhiều cách làm đẹp lắm. Trước hết là áo quần, người đẹp vì lụa mà chị. Tết này chị lấy cái váy màu xanh của em mà mặc, đảm bảo đẹp. Hôm qua thấy chị thích, nếu chị không ngại thì coi như em tặng. Em mới mua, chỉ ước thử chứ chưa mặc lần nào.

Nhưng mấy ngày Tết dâu cả không mặc váy xanh. Dâu út cũng không mặc cái đó, nói tặng rồi, chị không mặc cũng để lại, biết đâu chỉ vì chị ngại ngùng. Hết Tết, vợ chồng chú út lại vào Sài Gòn, chị dâu cả mới dám đem váy xanh ra mặc thử. Cũng vừa vặn duyên dáng không kém, cứ như gái còn xuân sắc. Dâu cả quay bên này bên kia, xoay trước uốn sau, ngắm từ đầu xuống chân. Bất giác nghĩ cái này chỉ mặc để tự ngắm mình trong gương thôi, chẳng dám mang đi đâu.

* * *

Mẹ chồng ốm nặng, coi chừng khó qua khỏi. Vợ chồng chú út về quê, cũng chỉ để chuẩn bị tinh thần cho sự việc xấu. Vẫn một mình chị dâu cả chăm mẹ, từ việc bón cháo, lau rửa thay áo quần cho đến vệ sinh.

Đám tang mẹ chồng, dâu cả dâu út đều mặc áo chế bít khăn trắng đứng hầu bên cỗ quan. Dâu cả chỉ thỉnh thoảng hầu cỗ quan, còn phải sắp đặt chuyện bếp núc. Mẹ ơi gần ấy năm con sống hết tình trọn nghĩa, thế mà còn chút cuối cùng này con không được tận tâm đứng bên mẹ.

Dâu út cũng tranh thủ đem cau trầu nước mời khách. Người đẹp mặc gì cũng đẹp, kể cả đồ tang chế. Dâu út nổi bật giữa cái đám buồn thiu. Cổ ra về buồn thì chỉ tổ làm cho khuôn mặt càng hiện từ thánh thiện mà thôi. Người đến viếng chăm chú ngó nghiêng cô gái từ thành phố về. Chị dâu cả không được ai ngó mặt, chỉ có mấy người chốc chốc hỏi cần mua chi, nấu chi để cúng.

Xong việc đám, dâu cả lại dọn dẹp nhà cửa. Vào phòng mẹ chồng, chị lật gói thấy một bọc vải. Tay sờ nắn, chị biết ngay cái túi đựng vàng của mẹ. Được bao nhiêu chị không cần mở cũng biết. Khi mẹ chồng còn sống, thỉnh thoảng hai người con gái gửi về cho, rồi tiền mẹ dành dụm từ làm vườn... mẹ đều bảo chị đi sắm vàng.

Dâu cả mở túi ra xem, trong có một mảnh giấy. *"Mẹ được chừng này vàng để cho chị dâu cả. Con ơi, con về nhà này làm dâu cực khổ lắm rồi. Mẹ biết con ưa mặc váy nhưng xấu hổ vì mấy cái sẹo ở chân. Sẹo đó là do con đã làm lụng để cho gia đình này, cho các em được nên người. Mẹ cho con số vàng này để đi làm đẹp".* Dâu cả đọc xong nước mắt giàn giụa. Rồi chị vò giấy đem xuống bếp cời than đốt.

Ngày vợ chồng chú út chuẩn bị hành lý vào lại Sài Gòn, chị dâu cả đưa túi vải ra cho dâu út. Mẹ có để lại một số vàng cho hai chị em mình, đây là phần của em.

Dâu út kiên quyết không nhận. Chị đừng nói dối em. Em biết mà. Chính mẹ đã đọc cho em chép tờ giấy đó.

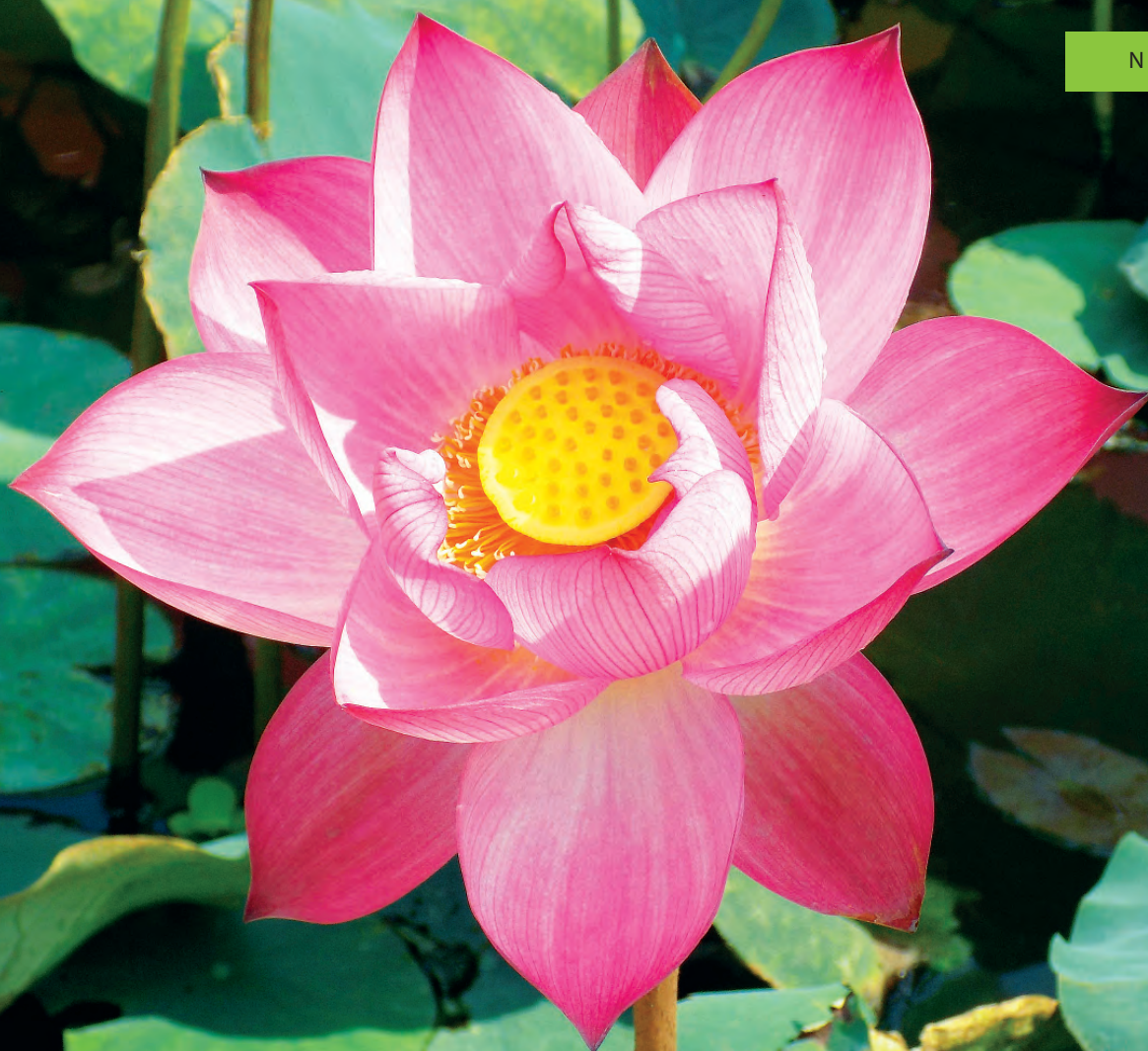
Sự đã thế này, dâu cả lại bảo thôi thì chị nói như này, chị ở đây khó khăn mấy cũng có được hạt lúa ngon rau ăn qua ngày. Xấu thì chị cũng xấu rồi, làm đẹp chẳng được gì đâu. Em đẹp người, với lại ở thành phố đi làm phải ăn mặc đẹp mới có cơ hội, thôi coi như chị cho em để sắm sửa thêm áo quần.

Anh cả quay qua em dâu út. Chị đã nói vậy thì em cứ nhận đi. Em đừng ngại, vài bữa hai thằng cu của anh chị vào trong đó học đại học, trăm sự nhờ em đấy.

Cậu út xúi tay vợ, thôi thì xin chị đi.

Lên xe, dâu út nói chị ơi nhất định em sẽ đưa chị vào Sài Gòn xóa mấy cái vết sẹo ở chân.

Dâu cả quay mặt giấu nước mắt. Chợt nhớ cái tờ giấy trong túi vàng, nét chữ quá đẹp, mẹ không thể viết được như thế. Mẹ kỹ tính, chẳng tin được người ngoài. Chỉ có là em dâu út viết. Ôi, chị với em dâu, và cả mẹ chồng nữa, kể ra cũng chỉ là người dung thôi chứ có máu mủ gì đâu. Mà sao... ■



Hoa sen với hội họa

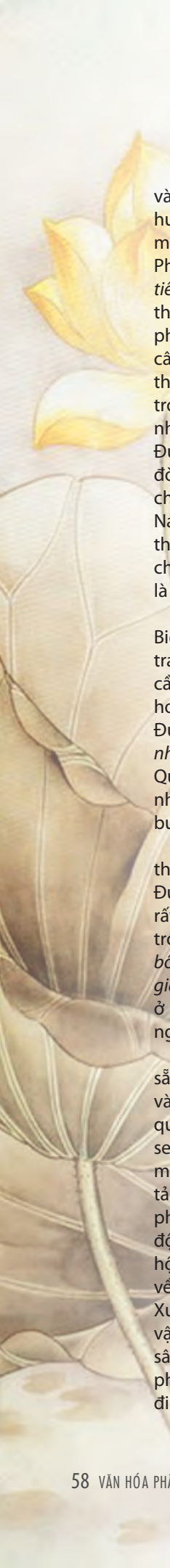
Bài & ảnh: TỈNH NGÔ

Nhắc tới hoa sen, người ta thường nghĩ ngay đến vẻ đẹp thuần khiết của chúng, và vì thế hoa sen thường trở thành đề tài trong các sáng tác văn học cũng như trong hội họa. Riêng với hội họa, hoa sen là một đề tài trọng yếu trong tranh hoa của Trung Quốc.

Hội họa Trung Quốc nổi tiếng với nhiều thể loại như tranh hoa diều, tranh sơn thủy, tranh vẽ về các nhân vật... hình tượng hoa sen nằm trong đề tài tranh hoa diều. Tranh hoa diều manh nha vào thời Đường - Ngũ đại và phát triển cực thịnh vào thời lương Tống. Giữa thời Minh, trải qua quá trình phát triển với những nhà hội họa như Trần Thuần, Từ Vị, tranh hoa đã trở thành công cụ đặc lực trong việc bộc lộ tâm tư, tình cảm của văn nhân sĩ đại phu lúc bấy giờ. Các đại họa sư như Bát Đại Sơn Nhân, Tể Bạch

Thạch, Ngô Xương Thạch... nối tiếp nhau, văn nhân tả ý trở thành chủ lưu của tranh hoa. Hội họa về hoa sen cùng với sự phát triển của tranh hoa kết hợp hài hòa với nhau, trải qua một lịch trình dài từ phụ thuộc cho đến độc lập, từ màu đến thủy mặc, từ công bút đến tả ý.

Thời Tây Chu - Xuân Thu, hoa sen là vật trang sức xuất hiện trên những đồ đồng. Trịnh Ngô Xương trong *Trung Quốc hội họa toàn sử* đã khái quát đây là “thời kỳ thực dụng” của hội họa, hội họa hoàn toàn chưa thành một bộ môn độc lập. Sau khi hội họa độc lập, lại trải qua “thời kỳ lễ giáo”, “thời kỳ tôn giáo”. Ở đây, tác giả đã lấy chính trị xã hội để khái quát một cách khiên cưỡng sự phát triển của hội họa, nhưng từ chỗ này chúng ta có thể mượn mạch suy nghĩ của ông để nhận biết sự phát triển của hội họa hoa sen.



Thời Đông Hán, Phật giáo truyền vào Trung Quốc và nhanh chóng lan rộng, thời Nam triều, chùa Phật hưng khởi. Hội họa tôn giáo cũng trở thành một bộ môn nghệ thuật và hoa sen được gọi là thánh vật của Phật giáo, người trong Phật môn hoặc “*niêm hoa vi tiểu*”, hoặc “*phu tọa liên bàn*”, hoa sen là “đạo cụ” không thể thiếu, tuy nhiên, bấy giờ hoa sen chỉ là điểm xuyết, phụ thuộc, chủ thể của hội họa là nhân vật Phật giáo, câu chuyện Phật giáo. Trong những bức họa ở chùa thịnh hành vào thời Nam triều, hoa sen là vật phối hợp trọng yếu. Trong *Tuyên Hòa họa phổ* có tên gọi các bức như *Hiển hoa Bồ-tát*, *Hương hoa Bồ-tát* của Tể Trừng đời Đường, hay bức *Ngoạn liên La-hán* của Vương Tể Hàn đời Tống. Tuy những bức họa này không còn, nhưng chúng ta cũng có thể tưởng tượng về chúng. Thời Nam Triều, tranh tôn giáo và tranh nhân vật đều trở thành chủ lực, hoa sen trước sau cũng chỉ là một “tiêu chí nhận biết” trong tranh tôn giáo và không thể xem là đề tài chủ yếu của hội họa.

Sang thời văn Đường, tranh hoa điều hưng khởi, Biên Loan và Điều Quang Dận cả hai đều nổi tiếng về tranh hoa điều. Hoa sen giai đoạn này cùng với điều cầm là tổ hợp cảnh phối tạo nên sự đặc sắc trong tranh hoa điều. Có thể kể đến những bức họa của người thời Đường liên quan tới hoa sen như: *Lộ há liên đường đồ nhị* của Biên Loan, *Phù dung khê xích đồ nhất* của Điều Quang Dận... hoa sen, từ trong tranh tôn giáo, đã nhanh chóng cùng với điều cầm “mỗi bên một nửa” có bước nhảy vọt về địa vị của chúng trong hội họa.

Tranh hoa điều thời Tống phát triển trên cơ sở kế thừa tranh hoa điều thời Ngũ Đại. Từ Hi thời Nam Đường và Hoàng Thuyên thời Tây Thục có ảnh hưởng rất lớn đối với tranh hoa điều thời Tống. Thẩm Quát trong *Mộng Khê bút đàm* đã viết: *Quốc sơ Giang Nam bố y Từ Hi, nguy Thục Hàn lâm đãi chiếu Hoàng Thuyên, giai thiện họa trứ danh*. (Thuở mới lập nước, kẻ áo vải ở Giang Nam là Từ Hi và quan Hàn lâm đãi chiếu của nguy Thục là Hoàng Thuyên đều nổi tiếng về hội họa).

Trong đó, người có thể thoát khỏi khuôn mẫu có sẵn, uốn nắn được những lệch lạc chính là Triệu Xương và Thôi Bạch. Triệu Xương và Thôi Bạch đã có tác dụng quan trọng trong lịch trình phát triển về hội họa hoa sen. Triệu Xương thích vẽ chiết chi về hoa cỏ, giới dùng màu, Triệu Xương đã vượt lên trên lễ thói cũ, trực tiếp tả cuộc sống tự nhiên của hoa điều cầm thú, mở rộng phạm vi biểu hiện của tranh hoa điều, thể hiện sinh động. Hoa sen trở thành một môn loại độc lập trong hội họa là bắt đầu từ Triệu Xương. Thời Tống, thẩm mỹ về hoa cỏ chú trọng “tiêu cách” (phong cách), Triệu Xương cũng chú trọng truyền đạt “tiêu vận” (phong vận) của hoa sen. Cái đẹp “thanh viễn” (thanh khiết ý vị sâu xa) của hoa sen mà Triệu Xương biểu hiện cùng với phong cách vẽ “phú quý” của Hoàng Thuyên có những điểm thú vị khác nhau.

Trước khi Triệu Xương mở đầu cho phong khí, thời Tống đã có những họa gia chuyên vẽ hoa sen, và cũng đã xuất hiện một số tranh hoa sen đúng về mặt ý nghĩa. Trong khi đó, phong cách hội họa của Thôi Bạch đã thể hiện sự theo đuổi “cái đẹp từng trải” (*lão thành mỹ*) “cái đẹp bình thường giản dị” (*dị đạm mỹ*) “cái đẹp lý thú” (*lý thú mỹ*) của người thời Tống. Thôi Bạch cũng vẽ hoa sen và điều cầm, “ý mới” của Thôi Bạch ở chỗ phương thức lấy cảnh, ông không chú tâm miêu tả những cảnh tình xảo mà là thể hiện những cảnh tiêu sơ hoang lương.

Trong *Đồ họa kiến văn chí quyển 4* ghi rằng:

Thôi Bạch... tuy dĩ bại hà phù nhận đắc danh, nhiệm vụ Phật, Đạo, Quỷ, Thần, sơn lâm nhân thú, vô bất tinh tuyệt...

(Thôi Bạch... tuy nổi tiếng về sen úa tàn, vịt trời, chim nhận, nhưng đối với Phật, Đạo, Quỷ, Thần, núi rừng người thú không gì là không tinh diệu...).

Có thể nói, Thôi Bạch đã thổi tới họa đàn một làn gió mát, hoa sen đã trở thoát khỏi cái ung dung tươi đẹp, sen thu, sen đông tàn khuyết cũng trở thành đối tượng biểu hiện.

Cho đến giữa thời Minh, văn nhân tả ý về hoa điều trỗi dậy, then chốt của sự chuyển biến hội họa hoa sen. Tiêu biểu có Trần Thuần tiểu tả ý với bức “*Bình liên đồ*”, và Từ Vị đại tả ý về “*Mặc hoa đồ*”. Về tả ý hoa, đợt sóng đầu tiên phải kể đến tranh hoa sen của Chu Đáp và Thạch Đào cuối đời Minh đầu đời Thanh. Hoa sen là đề tài trọng yếu của họ, dưới ngòi bút của họ, hoa sen đã đột phá được hình tượng hoa sen tươi thắm nhu mì truyền thống, mà là hoa sen khô héo, hoặc tàn úa, hoặc quật cường, hoặc quái dị, trở thành công cụ bộc lộ tâm thái di dân hoặc tâm lý cô đơn. Chu Đáp mượn hoa sen để nói lên tư tưởng và hành vi của mình, trong *Hà hoa đại thạch đồ trục*, cộng sen ông vẽ vươn cao, rắn chắc chịu được áp lực lớn “mũ cao ấm lạnh” (*viêm lương cao quan*) bên trên, tượng trưng cho sự nhẫn nhục chịu đựng và cốt cách ngoài tròn trong cứng.

Cho nên Long Khoa Bảo có lời ca ngợi ông rằng:

“Liên vưu thắng, thắng bất tại hoa, nhi tại điệp, điệp diệp sinh động, hữu đặc xuất như kinh cái giả, hữu ý chiết như tiêu giả, hữu hàm phong nhất điệp nhi chính kiến trác xuất các bán giả, hữu phản chính toàn lộ giả”.

(Sen nổi trội, nổi trội không phải ở hoa của chúng mà là ở lá, từng lá từng lá sống động, có lá vươn lên cao như nâng chiếc lọng, có lá thì héo rũ như bị cháy khô, có lá thì ngâm gió nửa chính diện nửa trắc diện, có lá mặt trái mặt phải đều bung hết).

Còn với Thạch Đào, phong cách hội họa của ông không có khí thế hùng hực, thâm u cổ quái như Chu Đáp, mà bút pháp của ông là say mực no, hứng thú tràn trề. Bút mực ông dùng no đủ mạnh mẽ, ý cảnh thanh tân phóng khoáng, có màu sắc tươi sáng, rất

khác với sự lãnh đạm mơ hồ trong tác phẩm của Chu Đáp. *Mặc hà đồ* là tác phẩm tiêu biểu nhất của ông, bức họa vẽ một góc ao, hoa sen đang nở rộ, lá sen tua tủa sống động như thật. Lá dùng thủy mặc phóng bút tự nhiên để vẽ, mặt lá vẽ phác đường gân, với những lá đang cuộn dùng kiểu song câu, thể hiện sự hài hòa. Hoa dùng mực nhạt viền trắng, đầu hoa lại dùng mực nhạt viền thêm, hiện rõ sự thanh khiết tinh anh của hoa sen. Qua đó cho ta thấy Chu Đáp là một vách núi cô độc cao chót vót, phong cách hội họa độc đáo của ông là chiếu xạ sự từng trải trong cuộc đời cùng sự thể nghiệm tâm lý đặc biệt, không thể phục chế.

Đợt sóng thứ hai về tả ý hoa, tác phẩm hội họa về hoa sen phải kể đến là Lý Văn và Lý Thiện. Với Lý Văn hoa sen mà ông vẽ, về mặt tạo hình rõ ràng, nhưng về lý luận hội họa cùng với cách dùng mực lại có dấu vết ảnh hưởng Thạch Đào. Trong bức *Mặc hà đồ*, ông dùng những đường nét khô ráp vẽ cuống hoa, gầy gò nhưng cứng cỏi, trong cơn gió lạnh nghiêng nhưng không gãy, lá sen dùng nét bút phóng khoáng vẩy mực thành một khối, hoa sen mới hé nở sử dụng đường nét tươi tắn viền trắng mà thành, tác phẩm tự nhiên ý vị sâu xa.

Ngoài ra trên bức *Mặc hà đồ* có thơ đề:

*Bất thi diên phần bất thi chu
Phá đồng phù cử sắc chuyển thù
Vi vấn quân gia cựu hoa thụ
Tuyết thâm hữu thử nhất chu vô.*

Dịch nghĩa:

Không phô màu phần cũng chẳng phô màu đỏ
Vượt lên cái lạnh hoa phù cử sắc chuyển màu lạ
Hỏi xem nơi nhà cũ của anh
Trong đám tuyết dày có loài hoa này hay không.

Với Lý Thiện, tranh của ông bút mực mạnh mẽ, tung hoành phóng khoáng, không câu nệ mực nước. Trong bức *Mặc hà đồ*, thông qua hoa sen, ông bày tỏ cá tính kiên trinh bất khuất của mình. Tác phẩm vẽ một góc ao sen sau cơn mưa to gió lớn. Những chiếc lá sen rách có lá chìm nổi trong làn sóng, có lá vươn cao độc lập. Lá sen dùng thủy mặc nét bút thật hào phóng nhưng không kém phần cứng cáp và đầy. Thân sen nhô cao, cỏ lau và hoa uyển chuyển, kiên định cả bút pháp đậm nhạt khô ướt, nặng nhẹ nhanh chậm, trên khoảng trống để bài thơ thất tuyệt:

*Hưu nghĩ thủy cái nhiễm ô nê
Mặc vụng phiên nhi sắc tận lê
Tạc dạ hắc vân thác phổ tự,
Thảo đường xích tố vũ phong khê.*

Dịch nghĩa:

Chớ có bắt chước vẽ lá sen nhuộm bùn
Nét bút tung bay sắc sạm đen
Đêm qua mây đen kéo về nơi bến nước,
Vẽ tranh chốn thảo đường trong mưa gió thê lương.



Thông qua hai tác phẩm của Lý Văn và Lý Thiện, chúng ta có thể nhận thấy họ ưa thích và sở trường vẽ sen gãy, sen khô, sen héo úa, vận bút cứng cáp, đầy sức lực. Đây chính là sự thể hiện tâm thái uất kết búyng bình của họ, kế thừa truyền thống của Chu Đáp, nhưng đồng thời về phương diện bút mực lại hướng đến sự mượt mà đầy đặn, có dấu vết của sự ảnh hưởng ở Thạch Đào.

Tóm lại, có thể nói rằng danh gia, danh tác về hội họa hoa sen xuất hiện rất nhiều, không thể kể hết, lịch trình phát triển hội họa hoa sen đại thể đã trình bày ở trên. Hoa sen vốn chỉ là một "vật tượng", một đề tài trong hội họa, từ thời Minh - Thanh trở đi, hoa sen dần trở thành "ý tượng", trở thành vật dẫn tâm linh của họa gia, đây là sự phơi bày ý nghĩa tượng trưng nhân cách của hoa sen trong lĩnh vực hội họa. Đồng thời, nhiều tác phẩm hội họa hoa sen từ những góc độ khác nhau đã làm phong phú ý nghĩa tượng trưng nhân cách của hoa sen cùng nội hàm văn hóa của nó. ■

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Hòa thượng THÍCH CHƠN THIỆN
(1942-2016)

Ban Cai quản và bốn đạo (Cao Đài) Nam Thành thánh thất vừa nhận được tin buồn:

Hòa thượng *thượng Chơn hạ Thiện*, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Đại biểu Quốc hội khóa XI, XII, XIII, XIV; Ủy viên Đoàn Chủ tịch T.Ư MTTQ VN, Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình VN, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni T.Ư GHPGVN, Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Thừa Thiên-Huế, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Tổng Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, Trụ trì Tổ đình Tường Vân TP.Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh TP.HCM - *vừa thu thân thị tịch lúc 10 giờ 50' ngày 8-11-2016 tại Tổ đình Tường Vân, TP.Huế.*

Ban Cai quản và bốn đạo Nam Thành thánh thất vô cùng thương tiếc và xin chia buồn sâu sắc nhất đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Biên tập và anh chị em BTV, CB, NV Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* và môn đồ pháp quyến về sự mất mát to lớn này.

Thành tâm, cung kính cầu nguyện Giác linh Hòa thượng cao đăng Phật quốc.

TM.Ban Cai quản và bốn đạo

Nam Thành thánh thất

Chánh Hội trưởng

CHÍ ĐẠT

KÍNH MỜI ĐẶT MUA *tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO* - NĂM 2017

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa hoan hỷ đặt mua *tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO* - năm 2017.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm : 316.000đ
- 12 số cuối năm: 316.000đ
- Trọn năm 2017 : 604.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)
(Ưu tiên quý khách đăng ký sớm sẽ được tặng lịch 2017).

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555 Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-8) 3848 4335 hoặc điền chi tiết vào phiếu thông tin dưới đây và cất gởi về: Ban Phát hành - Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

THÔNG TIN ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN - 2017 *tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thời hạn đặt mua và phương thức thanh toán:

Ký tên



TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT PHẬT GIÁO

64, đường 27, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 0909319882 (Hoàng Đức Diện) - Website: www.zenart.vn

Quên làm việc này vào buổi sáng, bạn sẽ đối diện với hàng tá bệnh tật!

Rất ít người có thói quen uống nước vào buổi sáng

Theo nghiên cứu của Medicalnewstoday, phần lớn mọi người có thói quen đánh răng, rửa mặt và làm vệ sinh cá nhân ngay sau khi thức dậy. Thậm chí, sau đó, bạn còn ăn sáng vội mà quên luôn cả việc uống nước. Điều này không chỉ khiến bạn đánh mất đi rất nhiều lợi ích đối với cơ thể mà ngược lại, nó còn có thể gây hại ngược trở lại cho, dẫn đến nhiều bệnh tật nữa đó!

Quên uống nước vào buổi sáng có thể gây hại không ngờ

- Ảnh hưởng đến quá trình tuần hoàn máu:

Theo cơ chế hoạt động của các cơ quan bên trong cơ thể, khi chúng ta ngủ, một lượng nước lớn vẫn sẽ bị mất đi qua da và qua quá trình hô hấp. Cụ thể, sau một giấc ngủ kéo dài khoảng 7 - 8 giờ đồng hồ, gần như toàn bộ các cơ quan cùng tế bào đều bị mất nước. Lượng nước bị mất đi sẽ càng tăng lên trong điều kiện thời tiết hanh khô. Việc nước mất đi như vậy sẽ làm giảm lượng dịch thể, khiến máu trở nên đặc hơn, kéo theo đó sẽ làm cho lưu lượng máu giảm, tốc độ lưu thông máu chậm (có khi còn làm mệt tim). Nó đồng nghĩa với việc nếu không bổ sung nước kịp thời sẽ ảnh hưởng đến quá trình tuần hoàn máu.

- Ảnh hưởng xấu tới thận:

Cũng với cơ chế trên, sau một giấc ngủ, nước trong cơ thể mất đi, điều đó làm ảnh hưởng tới hoạt động của thận do sự trao đổi chất tích lũy các chất thải ở thận. Việc uống nước lúc này có tác dụng làm loãng nước tiểu, thúc đẩy việc "tống khứ" các chất thải, chất cặn ra ngoài. Ngược lại, nếu bạn không uống nước kịp thời, nghĩa là các chất thải, chất cặn bị lưu trữ trong cơ thể nói chung, trong thận nói riêng lâu hơn, từ đó khả năng mắc bệnh về thận cũng cao hơn, điển hình là các bệnh liên quan đến nhiễm trùng, nhiễm độc, kết sỏi hệ bài tiết.

- Dạ dày không được "dọn sạch":

Uống một cốc nước sau khi thức dậy còn có tác dụng rửa sạch các cặn bã, vi khuẩn bám trên thành dạ dày, đào thải chúng ra

ngoài thông qua đường nước tiểu. Thế nên, nếu bạn quên uống nước vào buổi sáng có nghĩa là bạn đã tự mình đánh mất đi đặc quyền làm sạch dạ dày đó.

- Tăng nguy cơ mắc bệnh táo bón:

Một cốc nước ấm vào buổi sáng sẽ tốt hơn cho hệ tiêu hóa, tăng khả năng hoạt động của đường ruột, thúc đẩy việc đại tiện dễ dàng hơn. Nếu bạn đã uống ít nước, mà lại quên uống nước vào buổi sáng thì nguy cơ mắc táo bón sẽ tăng lên gấp nhiều lần đó.

Lời khuyên:

- Hãy bổ sung một lượng nước nhất định cho cơ thể ngay sau khi ngủ dậy. Điều này vừa đáp ứng nhu cầu trao đổi chất, vừa giúp ngăn ngừa nhiều bệnh tật, tăng cường sức đề kháng.

- Các chuyên gia khuyên chúng ta nên uống nước ấm vào buổi sáng, như vậy sẽ vừa tốt cho sức khỏe, vừa tốt cho da.

Pháp Tuệ (suu tâm)



Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Đt: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @gmail.com



Song Hy Trà & Phú Quý Thổ

Nhà tiên phong ký kiểu *Ấm tử sa hờn Việt*



☎ 0947 798 186

📍 6A Lê Quý Đôn, Q.3, TP.HCM

📘 Song Hy Trà

🌐 songhytra.com



Điêu khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh

☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trâm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đồ Cảnh Nghệ Thuật

Nhà Gốm Nghệ Tâm

169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
☎ 0912.66.1973

Chuyên Kinh Doanh:

- Trà Đặc sản Việt
- Gốm Sứ Nhật bản (Giao Thương Sĩ & Lễ)
- Nhang Trâm chính hiệu Quảng Nam
- Bonsai & Đồ cảnh nghệ thuật tự nhiên



Nhà Gốm Nhật H & H

Chuyên kinh doanh: Gốm sứ, Nhang trâm

53A Ngõ Thỉ Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ 0944.588.568 ☎ 0968.59.88.57



An Phú Thành
nhà cung cấp gỗ xà xị

VÕ THỊ HƯƠNG THÙY
GIÁM ĐỐC



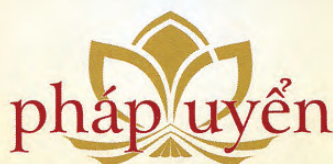
ĐC: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 1
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Email: huongthuy2505@gmail.com
ĐT: 0903 864455

ĐT: (08) 3991 8688
Fax: (08) 399 8680
Web: www.anphuthanh.com
Web: www.anphuthanh.blogspot.com

Mang Hương Thơm Đến Mọi Nhà

Chuyên:

- Trạng gỗ (Trạng phật, trạng Phúc Lộc Thọ, trạng Linh vật...)
- Gỗ phong thủy - Nội thất (Lộc bình, Cốc tài lộc, Tranh gỗ...)
- Đá phong thủy - Đá cảnh.
- Đá trang sức phong thủy.



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM NAM KỶ 1**
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0902 848 363
- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM NAM KỶ 2**
382D NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0902 848 363
- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM NAM KỶ 3**
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 0902 848 363

- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM - VIÊN DUNG ĐƯỜNG**
668 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG 4, QUẬN 11, TP. HCM
HOTLINE: 0938 959 503
- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM 3/2**
212 BA THẮNG HAI, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: (08) 38 684 913
- ❖ **DIỆU TƯỜNG AM HÀ NỘI**
112 PHỐ HUẾ, P. NGÔ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI
HOTLINE: 0903 288 112 - 0906 955 663



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.



- ❑ Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM ❑ ĐT: (08) 22477809
- ❑ Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 ❑ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- ❑ STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CT/K: Ngô Phương Đức
- ❑ STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CT/K: Nguyễn Thị Hời



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Hoa Tươi Sắc Thắm
Thành Tâm Cung Dưỡng

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
ĐÓNG TIÊU DÙNG
BẢO CHỨNG

Nước Cẩm Hoa
ASA

Tiết kiệm 50% chi
phí mua hoa do thời
gian hoa tươi lâu
gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook.com/ASAsanphammoila

ASA[®] Spray

Spirit Cleaner

Nước Lau Bàn Thờ
Và Vật Dụng Thờ Cúng



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn - www.facebook.com/ASAsanphammoila



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal: T.11,12/2016: 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật**: 22,5 triệu
 - Singapore - Malay - Indo
6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
 - Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn
6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)
 - Hàn Quốc
5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
 - Thái Lan
(Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu (hàng tuần)
 - Cam - Thái - Lào - Myanmar
12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tặng 2 suất buffet)
 - Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - Xuyên Việt: 20N19Đ: 7,5 triệu. Cam - Thái: 6N: 4,3 triệu
- Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com



THƯ VIỆN HUỆ QUANG PHÒNG PHÁT HÀNH

116 Hòa Bình, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM

Chuyên phát hành và nhận ấn tống, thiết kế các loại kinh, sách,...

ĐẶC BIỆT: In ấn, phát hành kinh sách Hán Nôm trên chất liệu GIẤY DÓ.



**CÁC SÁCH VỪA TÁI BẢN & PHÁT HÀNH
TẠI PPH HUỆ QUANG**

ĐT: (08) 39 760 663 - 01667 105 330 (SC. Trung Tiến) - 01628 756 083 (PT. Nam Hạnh)
Văn Phú Trường, số TK: 060042458425, Ngân hàng Sacombank Tân Phú, TP.HCM
Email: info@thuvienhuequang.vn - Website: <http://thuvienhuequang.vn/>